

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA NGƯỜI HỌC, CẬP NHẬT KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ LĨNH VỰC: GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ KHỞI NGHIỆP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGDĐT ngày
tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*
**(Tài liệu dành cho cán bộ quản lý, GV và báo cáo viên tại
cơ sở giáo dục thường xuyên)**

HÀ NỘI, NĂM 2025

- 1. Chủ trì biên soạn: Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên**
- 2. Tham gia biên soạn Phần chung về Hướng dẫn thực hiện Chương trình**
 - ThS. Nguyễn Xuân Thủy - Chủ nhiệm, Biên soạn**
 - ThS. Nguyễn Quỳnh Giang - Thành viên chính biên soạn, Thư ký**
 - ThS. Lại Thị Thu Thúy - Thành viên chính biên soạn**
- 3. Tham gia biên soạn Phần Giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp**
 - PGS.TS. Nguyễn Trọng Khanh - Chủ nhiệm, Biên soạn**
 - ThS. Trần Thị Thu - Thành viên chính biên soạn**

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 28/11/2024, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ký Thông tư số 18/2024/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ (gọi chung là Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học) gồm phần chung và 8 lĩnh vực giáo dục cụ thể. Thông tư này có hiệu lực bắt đầu từ ngày 05/01/2025. Theo quy định của Thông tư số 18, tài liệu của Chương trình do Sở GDĐT phối hợp với các ban, ngành tại địa phương biên soạn và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Để giúp các cơ sở giáo dục thường xuyên (GDTX), cán bộ quản lý, GV, báo cáo viên (gọi chung là GV) tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học và thống nhất triển khai chung trong toàn quốc, Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Bộ GDĐT đã tổ chức biên soạn Bộ tài liệu Hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học gồm 4 lĩnh vực cụ thể: Giáo dục pháp luật, Giáo dục phát triển kinh tế, Giáo dục Kỹ năng sống và Tư vấn tâm lý, Giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp.

Mục đích tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học nhằm giúp GV tổ chức việc dạy học cho phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của người học, điều kiện cơ sở vật chất của trung tâm GDTX, trung tâm GDNN – GDTX, trung tâm học tập cộng đồng (gọi chung là cơ sở GDTX).

Cấu trúc nội dung tài liệu gồm 2 phần:

Phần thứ nhất. Những vấn đề chung về Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ.

Phần thứ hai. Hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục Hướng nghiệp và Khởi nghiệp: Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung và thời lượng bố trí kế hoạch dạy học của chương trình Giáo dục Hướng nghiệp và Khởi nghiệp, một số định hướng về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, thiết bị dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng, song đây là những vấn đề mới, vì vậy tài liệu cần tiếp tục được bổ sung để hoàn thiện. Nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến phản hồi, góp ý của các đồng nghiệp để tài liệu thực sự phát huy tác dụng tích cực trong việc bồi dưỡng GV.

Trân trọng cảm ơn.

Các tác giả

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Các chữ viết tắt	Viết đầy đủ
ĐGDK	Đánh giá định kỳ
ĐGTX	Đánh giá thường xuyên
GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDPT	Giáo dục phổ thông
GDHN	Giáo dục hướng nghiệp
GDKN	Giáo dục khởi nghiệp
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
GDTX	Giáo dục thường xuyên
GV	Giáo viên
HV	Học viên
HTX	Hợp tác xã
KHBD	Kế hoạch bài dạy
KHGD	Kế hoạch giáo dục
KHDH	Kế hoạch dạy học
KTĐG	Kiểm tra, đánh giá
PPDH	Phương pháp dạy học
SGK	Sách giáo khoa
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

DANH MỤC TÀI LIỆU

Contents

LỜI NÓI ĐẦU	3
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	4
PHẦN THỨ NHẤT. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA NGƯỜI HỌC; CẬP NHẬT KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ	8
I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH	8
II. MỤC TIÊU	9
III. NỘI DUNG, THỜI LƯỢNG VÀ KẾ HOẠCH DẠY HỌC	10
1. Nội dung giáo dục.....	10
1.1. Giáo dục pháp luật	10
1.2. Lĩnh vực Giáo dục Văn hóa - Xã hội.....	11
1.3. Giáo dục Bảo vệ môi trường	11
1.4. Giáo dục Bảo vệ sức khỏe.....	11
1.5. Giáo dục Phát triển kinh tế.....	12
1.6. Giáo dục kỹ năng sống và tư vấn tâm lý.....	12
1.7. Giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp	13
1.8. Giáo dục chuyển đổi số trong cộng đồng	13
2. Thời lượng	14
3. Kế hoạch dạy học.....	14
4. Yêu cầu chung về phẩm chất và năng lực	15
IV. ĐỊNH HƯỚNG PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	19
1. Phương pháp dạy học.....	19
1.1. Nguyên tắc chung.....	19
1.2. Giới thiệu một số phương pháp dạy học tích cực	21
1.2.1. Phương pháp thảo luận nhóm.....	21
1.2.2. Phương pháp động não.....	23
1.2.3. Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề.....	24
1.2.4. Phương pháp nghiên cứu tình huống.....	25
1.2.5. Phương pháp dạy học theo dự án.....	26
2. Hình thức tổ chức dạy học	28
3. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.....	28

V. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	
CHƯƠNG TRÌNH.....	29
1. Các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình	29
1.1. Về đội ngũ GV, báo cáo viên.....	29
1.2. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	29
1.3. Tài liệu giáo dục	30
2. Tổ chức thực hiện chương trình.....	30
2.1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	30
2.2. Trách nhiệm của Sở GDĐT	31
2.3. Trách nhiệm của cơ sở GDTX.....	31
2.4. Trách nhiệm của các ban, ngành và đoàn thể tại địa phương	32
PHẦN THỨ HAI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	33
GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ KHỞI NGHIỆP.....	33
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC	33
HƯỚNG NGHIỆP VÀ KHỞI NGHIỆP	33
I. MỤC TIÊU.....	33
1. Năng lực.....	33
2. Phẩm chất.....	33
II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	34
1. Nội dung khái quát và thời lượng cụ thể	34
2. Yêu cầu cần đạt của từng chủ đề cụ thể	35
3. Hướng dẫn thực hiện Chương trình	45
3.1. Thời lượng	45
3.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học	45
3.2.1. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.....	45
3.2.2. Đánh giá kết quả học tập	47
3.3. Điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình	47
CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC CHƯƠNG	
TRÌNH GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ KHỞI NGHIỆP.....	48
I. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ	
GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP	48
1. Mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch.....	48
2. Căn cứ xây dựng kế hoạch.....	48
3. Quy trình xây dựng kế hoạch năm học.....	50

<i>Bước 1. Khảo sát nhu cầu và xác định nhóm đối tượng tham gia.....</i>	<i>51</i>
<i>Bước 2. Xác định mục tiêu GDHN hoặc GDKN.....</i>	<i>51</i>
<i>Bước 3. Xây dựng kế hoạch tổ chức các chủ đề trong năm học</i>	<i>52</i>
<i>Bước 4. Tổ chức hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng</i>	<i>52</i>
<i>Bước 5. Đánh giá và điều chỉnh nội dung GDHN, GDKN</i>	<i>52</i>
4. Kế hoạch GDHN và GDKN minh họa	52
II. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY	58
1. Mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch bài dạy	58
2. Những căn cứ để xây dựng kế hoạch bài dạy.....	59
3. Quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy.....	60
4. Xây dựng kế hoạch bài dạy.....	61
4.1. Khung kế hoạch bài dạy.....	61
4.2. Hướng dẫn xây dựng nội dung các mục trong Kế hoạch bài dạy.....	62
III. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	65
1. Đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực	65
1.1. Mục đích đánh giá.....	65
1.2. Nội dung đánh giá.....	66
1.3. Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HV.....	66
1.4. Dữ liệu đánh giá.....	66
1.5. Hình thức đánh giá	66
2. Đổi mới phương pháp đánh giá.....	66
2.1. Phương pháp KTĐG qua quan sát.....	67
2.2. Phương pháp KTĐG bằng kiểm tra viết.....	67
2.3. Phương pháp KTĐG qua sản phẩm thực hành hoặc thực hiện dự án học tập.....	67
3. Thiết kế đề kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	67
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ BÀI MINH HỌA VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC	70
VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	70
Bài 1. LÝ THUYẾT CÂY NGHỀ NGHIỆP	70
Bài 2. VAI TRÒ CỦA CHA MẸ TRONG VIỆC	82
ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO CON.....	82
Bài 3. KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ KHỞI NGHIỆP	95
VÀ GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP	95
Bài 4. CÁC YẾU TỐ CẦN THIẾT ĐỂ KHỞI NGHIỆP THÀNH CÔNG	109
TÀI LIỆU THAM KHẢO	1312

PHẦN THỨ NHẤT. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA NGƯỜI HỌC; CẬP NHẬT KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Việc xây dựng chương trình GDTX căn cứ vào những quan điểm chỉ đạo cốt lõi nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về giáo dục là quốc sách hàng đầu, nâng cao dân trí, đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và hướng tới xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi người dân.

Các quan điểm xây dựng chương trình GDTX đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng; chuyển giao công nghệ bao gồm:

1. Hướng tới người học và nhu cầu xã hội: Chương trình được thiết kế linh hoạt, đa dạng về nội dung và hình thức, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập rất đa dạng của các đối tượng người lớn khác nhau (về trình độ, lứa tuổi, nghề nghiệp, điều kiện, hoàn cảnh). Đối tượng học Chương trình này là tất cả mọi người, mọi độ tuổi, mọi trình độ có nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời để mở rộng hiểu biết, để làm việc, để cùng chung sống và để có thể thích nghi và góp phần giải quyết có hiệu quả các yêu cầu và thách thức của cuộc sống và sản xuất

2. Cập nhật, thiết thực và hiện đại: Nội dung chương trình cần liên tục được cập nhật, bám sát với những thay đổi của khoa học công nghệ, thị trường lao động và thực tiễn đời sống xã hội, đảm bảo kiến thức, kỹ năng người học thu được có tính ứng dụng cao, giúp họ nâng cao chất lượng cuộc sống và khả năng tìm kiếm việc làm.

3. Phát triển phẩm chất và năng lực người học: Chương trình GDTX cũng chú trọng đến việc hình thành và phát triển năng lực cá nhân, phát triển phẩm chất và năng lực cốt lõi (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, v.v.) cùng các phẩm chất cần thiết, ý thức công dân giúp người học phát triển toàn diện.

4. Phù hợp với điều kiện địa phương: Cho phép các địa phương, cơ sở GDTX có sự linh hoạt nhất định trong việc cụ thể hóa chương trình, lựa chọn nội dung và phương pháp giảng dạy phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của địa phương và người học.

5. Học tập suốt đời: Với mục tiêu GDTX cung ứng cơ hội học tập cho tất cả mọi người được học tập thường xuyên, học tập suốt đời nên việc xây dựng chương trình theo hướng liên tục, tạo điều kiện để mọi người có thể học tập mọi lúc, mọi nơi, vừa làm vừa học. Nội dung chương trình cần đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao trình

độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ của người học và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương.

II. MỤC TIÊU

- Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học nhằm tạo cơ hội học tập cho người học có nhu cầu cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho cuộc sống, sản xuất và tiếp nhận công nghệ mới, phát triển kinh tế tạo thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình; đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, bồi dưỡng nguồn nhân lực của địa phương, nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của mọi người; góp phần xây dựng xã hội học tập và phát triển cộng đồng bền vững.

- Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học góp phần tiếp tục phát triển phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người học trong các mối quan hệ của cuộc sống, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện, hoàn cảnh của bản thân, gia đình và xã hội.

Mục tiêu cốt lõi của chương trình GDTX là đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi người dân, tạo cơ hội học tập suốt đời, qua đó góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng xã hội học tập.

Cụ thể, chương trình GDTX hướng tới các mục tiêu sau để đáp ứng yêu cầu của người học:

1. Cập nhật kiến thức và kỹ năng: Cập nhật những tri thức mới về khoa học công nghệ, kinh tế, xã hội để không bị tụt hậu trong bối cảnh thế giới thay đổi nhanh chóng. Trang bị các kỹ năng sống cần thiết như kỹ năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo, và khả năng thích ứng với môi trường làm việc.

2. Nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp: Cung cấp các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn hoặc dài hạn nhằm nâng cao năng lực làm việc, mở rộng cơ hội việc làm hoặc thăng tiến trong sự nghiệp.

3. Đáp ứng nhu cầu cá nhân và hoàn cảnh thực tiễn

Linh hoạt về hình thức và thời gian: Chương trình GDTX cho phép người học lựa chọn các hình thức học tập phù hợp (vừa làm vừa học, học từ xa, tự học có hướng dẫn) để cân bằng giữa việc học với công việc và cuộc sống cá nhân.

Phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh: Hướng tới các đối tượng đặc thù (người dân ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật, người trong độ tuổi lao động cần chuyển đổi nghề...) để ai cũng có cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng.

4. Góp phần phát huy tiềm năng, sáng tạo của con người: Hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của công dân, giúp người học phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, giúp họ tự tin và chủ động hơn trong cuộc sống.

Mục tiêu của chương trình GDTX là phục vụ trực tiếp và thiết thực nhu cầu của người học, giúp họ không chỉ nâng cao kiến thức, kỹ năng mà còn cải thiện chất lượng cuộc sống, đóng góp tích cực cho gia đình và xã hội.

III. NỘI DUNG, THỜI LƯỢNG VÀ KẾ HOẠCH DẠY HỌC

1. Nội dung giáo dục

- Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học bao gồm các Chương trình Giáo dục cụ thể theo các lĩnh vực: Pháp luật, văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe, phát triển kinh tế, kỹ năng sống và tư vấn tâm lý, hướng nghiệp và khởi nghiệp, chuyển đổi số trong cộng đồng. Mỗi nội dung giáo dục đều được thực hiện tại các Chương trình giáo dục cụ thể theo các lĩnh vực trên.

- Chương trình Giáo dục cụ thể ở từng lĩnh vực bảo đảm cung cấp cho người học những nội dung kiến thức cơ bản, thiết thực và hữu ích giúp người học có thể vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết những vấn đề của cuộc sống, góp phần phát triển bản thân và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Chương trình GDTX đáp ứng yêu cầu người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng và chuyển giao công nghệ bao gồm phần thứ nhất. Những vấn đề chung và Phần thứ hai. Các lĩnh vực giáo dục với các nội dung chủ yếu sau:

1.1. Giáo dục pháp luật

a) Mục tiêu

Chương trình GDPL nhằm giúp người học cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng và góp phần hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân thông qua các bài học về các chủ đề pháp luật; hình thành ý thức trách nhiệm và hành vi của người công dân trong việc tuân thủ pháp luật; có khả năng tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

b) Nội dung chương trình gồm các chủ đề

- Chủ đề 1. Một số vấn đề chung về Nhà nước và pháp luật;
- Chủ đề 2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội;
- Chủ đề 3. Pháp luật trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội.

1.2. Lĩnh vực Giáo dục Văn hóa - Xã hội

a) Mục tiêu

Chương trình Giáo dục văn hóa - xã hội nhằm giúp người học cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng sống cần thiết về văn hóa - xã hội; góp phần tăng cường và phát triển phẩm chất và năng lực về văn hóa - xã hội để ứng xử và giải quyết có hiệu quả các vấn đề nảy sinh từ cuộc sống của bản thân, gia đình, cộng đồng trong bối cảnh chuyển đổi số góp phần giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và phát triển bền vững văn hóa xã hội của địa phương và đất nước.

b) Nội dung chương trình gồm các chủ đề

- Chủ đề 1. Con người Việt Nam;
- Chủ đề 2. Văn hoá Việt Nam;
- Chủ đề 3. Giới và bình đẳng giới;
- Chủ đề 4. Xã hội Việt Nam;
- Chủ đề 5. Văn hóa địa phương.

1.3. Giáo dục Bảo vệ môi trường

a) Mục tiêu

Chương trình Giáo dục bảo vệ môi trường giúp người học cập nhật, bổ sung kiến thức về môi trường và những kỹ năng cần thiết góp phần nâng cao phẩm chất và năng lực nhận thức, tạo chuyển biến về hành động trong công tác bảo vệ môi trường, tham gia bảo vệ môi trường cùng gia đình, cộng đồng, quốc gia và toàn cầu nhằm đảm bảo duy trì chính sách thân thiện với môi trường, khai thác tài nguyên thiên nhiên hợp lý và có các chính sách về khai thác các nguồn năng lượng sạch gắn với tái tạo năng lượng, bảo vệ môi trường sinh thái.

b) Nội dung của chương trình gồm các chủ đề

- Chủ đề 1. Những vấn đề chung về môi trường và bảo vệ môi trường;
- Chủ đề 2. Bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

1.4. Giáo dục Bảo vệ sức khỏe

a) Mục tiêu

Chương trình Giáo dục bảo vệ sức khỏe giúp người học cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết để góp phần tăng cường và phát triển năng lực bảo vệ sức khỏe, phòng ngừa một số bệnh thông thường cho bản thân, gia đình và cộng đồng, góp phần bảo vệ sức khỏe của cá nhân và phát triển cộng đồng bền vững.

b) Nội dung chương trình gồm các chủ đề

- Chủ đề 1. Giáo dục sức khỏe;
- Chủ đề 2. Vấn đề chung về dinh dưỡng;
- Chủ đề 3. Vấn đề chung về sức khỏe;
- Chủ đề 4. Phòng và xử trí ban đầu một số tai nạn thương tích thường gặp tại cộng đồng;
- Chủ đề 5. Phòng chống một số bệnh lây nhiễm thường gặp;
- Chủ đề 6. Phòng chống một số bệnh không lây nhiễm thường gặp.

1.5. Giáo dục Phát triển kinh tế

a) Mục tiêu

Chương trình Giáo dục phát triển kinh tế nhằm giúp người học cập nhật, bổ sung và chuyển giao kiến thức cần thiết về công nghệ mới, sản phẩm mới, áp dụng công nghệ để tăng trưởng và phát triển kinh tế góp phần nâng cao thu nhập của bản thân, gia đình; phát triển kinh tế của địa phương và cộng đồng bền vững.

- Cung cấp cho người học một số kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết thực về phát triển kinh tế trong cơ chế thị trường và hội nhập, phát triển kinh tế vì sự phát triển bền vững, phát triển kinh tế ở nông thôn và một số kỹ thuật về chăn nuôi và trồng trọt.

Trang bị cho người học một số kỹ năng cần thiết để họ có thể thích ứng và giải quyết có hiệu quả các yêu cầu và thách thức của sản xuất trong giai đoạn hiện nay.

b) Nội dung chương trình gồm các chủ đề

- Chủ đề 1. Phát triển kinh tế trong cơ chế thị trường và hội nhập;
- Chủ đề 2. Phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững;
- Chủ đề 3. Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn;
- Chủ đề 4. Kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt.

1.6. Giáo dục kỹ năng sống và tư vấn tâm lý

a) Mục tiêu

Chương trình Giáo dục kỹ năng sống và tư vấn tâm lý nhằm giúp người học tăng cường và hình thành những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực trong cuộc sống để phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức; phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp khi người học đang gặp phải khó khăn về tâm lý trong các mối quan hệ của cuộc sống; phát triển khả năng thích ứng để giảm thiểu tác động tiêu cực có hại cho sức khỏe thể chất và tinh thần, giải quyết có hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho bản thân và gia đình và xã hội.

b) Nội dung chương trình gồm các chủ đề

Phần thứ nhất. Giáo dục kỹ năng sống

- Chủ đề 1. Những vấn đề chung về giáo dục kỹ năng sống;
- Chủ đề 2. Một số kỹ năng sống cơ bản;

Phần thứ hai. Tư vấn tâm lý

- Chủ đề 3. Những vấn đề chung về tư vấn tâm lý;
- Chủ đề 4. Những khó khăn tâm lý cá nhân và cách ứng phó;
- Chủ đề 5. Những khó khăn tâm lý cần can thiệp, hỗ trợ trong cộng đồng.

1.7. Giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp

a) Mục tiêu

Chương trình Giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp nhằm giúp người học, cha mẹ học sinh và người dân trong cộng đồng có kiến thức cần thiết về nghề nghiệp để có nhận thức đúng đắn và khả năng lựa chọn về nghề nghiệp, khởi nghiệp phù hợp với nguyện vọng, sở trường của bản thân, đồng thời đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động của xã hội, tạo tâm thế sẵn sàng bước vào cuộc sống lao động, góp phần vào việc phân luồng và sử dụng hợp lý nguồn lao động thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

b) Nội dung chương trình gồm các chủ đề

Phần thứ nhất. Giáo dục hướng nghiệp gồm 4 chủ đề:

- Chủ đề 1. Một số vấn đề chung về hướng nghiệp, tư vấn hướng nghiệp;
- Chủ đề 2. Một số lý thuyết hướng nghiệp;
- Chủ đề 3. Xây dựng và phát triển năng lực hướng nghiệp;
- Chủ đề 4. Cha mẹ tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp;

Phần thứ hai. Giáo dục khởi nghiệp

- Chủ đề 5. Những vấn đề chung về khởi nghiệp;
- Chủ đề 6. Xây dựng và phát triển năng lực khởi nghiệp.

1.8. Giáo dục chuyển đổi số trong cộng đồng

a) Mục tiêu

Chương trình giáo dục chuyển đổi số trong cộng đồng nhằm giúp người học có kiến thức, kỹ năng cơ bản về ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong đời sống cá nhân để thích nghi với công việc, cuộc sống mới trong xã hội số, khai thác các dịch vụ số để hỗ trợ công cuộc chuyển đổi số quốc gia và góp phần chuyển đổi số bền vững.

b) Nội dung chương trình gồm các chủ đề

- Chủ đề 1. Những vấn đề chung về chuyển đổi số;

- Chủ đề 2. Chuyển đổi số trong một số lĩnh vực cơ bản;
- Chủ đề 3. Vấn đề an ninh và an toàn trong xã hội số.

2. Thời lượng

- Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học được thiết kế linh hoạt và mềm dẻo theo hướng mở. Chương trình quy định thời lượng cụ thể cho từng Chương trình Giáo dục theo các lĩnh vực, từng chủ đề, nội dung giáo dục, không quy định thời gian hoàn thành cho toàn bộ chương trình.

- Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học chỉ quy định mỗi buổi học không quá 3 tiết. Mỗi tiết học là 45 phút, không quy định số tiết, số buổi học trong tuần, tháng và năm.

- Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học quy định thời lượng cụ thể cho từng chương trình giáo dục theo các lĩnh vực như sau:

TT	Các chương trình giáo dục cụ thể	Tổng số tiết	Trong đó số tiết	
			Lý thuyết	Thực hành
1	Chương trình Giáo dục pháp luật	180	104	76
2	Chương trình Giáo dục văn hóa - xã hội	180	107	73
3	Chương trình Giáo dục bảo vệ môi trường	180	96	84
4	Chương trình Giáo dục bảo vệ sức khỏe	210	138	72
5	Chương trình Giáo dục phát triển kinh tế	210	117	93
6	Chương trình Giáo dục kỹ năng sống và tư vấn tâm lý	180	89	91
7	Chương trình Giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp	180	86	94
8	Chương trình Giáo dục chuyển đổi số trong cộng đồng	180	83	97
	Tổng số tiết	1500	820	680

3. Kế hoạch dạy học

- Căn cứ vào nội dung và yêu cầu cần đạt của từng chương trình giáo dục cụ thể, các cơ sở GDTX và các cơ sở giáo dục khác (gọi chung là cơ sở GDTX) chủ

động xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học linh hoạt đối với từng chương trình giáo dục theo các lĩnh vực. Hàng năm, các cơ sở GDTX xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học cho từng chương trình giáo dục cụ thể theo các lĩnh vực tối thiểu mỗi chương trình từ 30 tiết trở lên cho các đối tượng người học.

- Hàng năm, Bộ GDĐT giao quyền chủ động cho các địa phương căn cứ vào việc điều tra nhu cầu của người học, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và điều kiện thực tế tổ chức dạy học tại các cơ sở GDTX để lựa chọn các chủ đề/nội dung dạy học của từng chương trình giáo dục cụ thể theo các lĩnh vực cho phù hợp, đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình được quy định.

4. Yêu cầu chung về phẩm chất và năng lực

Các lĩnh vực giáo dục	Yêu cầu về năng lực	Yêu cầu về phẩm chất
Giáo dục phát luật	- Năng lực tìm hiểu pháp luật: Cung cấp cho một số kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực về các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp và các quy định của pháp luật; Phổ biến một số kiến thức về các quy định của pháp luật cơ bản, cần thiết và gắn trực tiếp với cuộc sống của nhân dân khi tham gia các mối quan hệ của cá nhân trong đời sống xã hội và cộng đồng. - Năng lực vận dụng được các kiến thức về pháp luật để thực hiện, bảo vệ các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật và vận dụng các quy định pháp luật vào đời sống hàng ngày để giải quyết có hiệu	Trách nhiệm: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. - Hình thành và phát triển cho người dân ý thức tôn trọng pháp luật, tin tưởng vào pháp luật và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Có thái độ phê phán đối với những hiện tượng, hành vi vi phạm pháp luật của công dân. - Có thái độ, hành vi, việc làm của bản thân trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

	quả các vấn đề trong thực tế cuộc sống.	- Xây dựng và củng cố niềm tin vào pháp luật của Nhà nước; Khuyến khích người học tham gia tuyên truyền vận động mọi người trong gia đình và cộng đồng cùng chấp hành pháp luật.
Giáo dục Văn hóa – Xã hội	- Năng lực tìm hiểu kiến thức cơ bản cần thiết để có những hiểu biết về các vấn đề về con người Việt Nam, văn hóa Việt Nam, giới và bình đẳng giới, các vấn đề xã hội và văn hóa địa phương. - Năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các vấn đề xảy ra trong đời sống gia đình, xã hội và cộng đồng.	- Yêu nước: Biết trân trọng và bảo vệ, giữ gìn phát huy bản sắc dân tộc, truyền thống văn hóa và các giá trị văn hóa tốt đẹp của địa phương và dân tộc. - Trách nhiệm: Có ý thức tuyên truyền, vận động mọi người trong gia đình và cộng đồng về những điều đã học.
Giáo dục bảo vệ môi trường	- Năng lực tìm hiểu một số kiến thức cơ bản, đơn giản, thiết thực về môi trường và bảo vệ môi trường giúp người học nhận biết được tính phức tạp, quan hệ nhiều mặt, nhiều chiều, tính hữu hạn của tài nguyên thiên nhiên và khả năng chịu tải của môi trường; quan hệ chặt chẽ giữa môi trường và phát triển bền vững; quan hệ giữa môi trường địa phương, môi trường quốc gia với môi trường toàn cầu,...	- Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào ứng xử với các vấn đề về môi trường trong cộng đồng -Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường sống. Sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên; Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc,

	- Hình thành và phát triển cho người học một số kỹ năng cần thiết để sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và ứng xử thân thiện với môi trường để bảo vệ môi trường sống của gia đình, cộng đồng một cách bền vững. - Năng lực vận dụng những kiến thức và kỹ năng vào gìn giữ, bảo tồn, sử dụng môi trường theo cách thức bền vững cho cả thế hệ hiện tại và tương lai.	bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường; phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên, xâm hại đến môi trường; Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu; Ý thức tuyên truyền mọi người trong gia đình và cộng đồng về những điều đã được học về bảo vệ môi trường.
Giáo dục bảo vệ sức khỏe	- Năng lực tìm hiểu một số kiến thức cơ bản, thiết thực về bảo vệ sức khỏe; phòng, chữa một số bệnh thường gặp để giúp mọi người tự chăm sóc, bảo vệ sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống của mình. Năng lực vận dụng những kiến thức, kỹ năng để biết cách chăm sóc, bảo vệ sức khỏe; phòng chống một số bệnh tật thường gặp cho bản thân, gia đình và cộng đồng tại địa phương.	- Trách nhiệm: Người học có thái độ hợp tác trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe; tuân thủ các nguyên tắc trong phòng chống dịch bệnh; không đồng tình, phản đối, phê phán những hành vi làm lây lan dịch bệnh. - Có trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bản thân; vận động mọi người trong gia đình và cộng đồng chấp hành các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm, về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe,...
Giáo dục phát triển kinh tế	- Năng lực tìm hiểu kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết thực về phát triển kinh tế trong cơ	- Có ý thức và thói quen hạch toán kinh tế trong sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ

	chế thị trường và hội nhập, phát triển kinh tế vì sự phát triển bền vững, phát triển kinh tế ở nông thôn và một số kỹ thuật về trồng trọt và chăn nuôi. - Năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng về phát triển kinh tế trong cơ chế thị trường và hội nhập, phát triển kinh tế vì sự phát triển bền vững, phát triển kinh tế ở nông thôn, năng lực về trồng trọt và chăn nuôi để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu và thách thức của sản xuất trong cơ chế thị trường và hội nhập phát triển kinh tế.	thuật và công nghệ vào sản xuất để góp phần tăng thu nhập cho bản thân, gia đình và góp phần bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững. - Dám nghĩ, dám làm, tự tin về bản thân, về khả năng có thể phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình. - Có ý thức tuyên truyền trong gia đình và cộng đồng về những điều đã được học, được thảo luận; có thái độ phê phán đối với những hành vi gây ô nhiễm môi trường hoặc vi phạm pháp luật trong phát triển kinh tế.
Giáo dục kỹ năng sống và tư vấn tâm lý	- Năng lực tìm hiểu tri thức cơ bản, cần thiết về kỹ năng sống, giá trị sống để lựa chọn được những giá trị sống phù hợp với bản thân và người dân trong cộng đồng. - Năng lực vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào ứng phó được với những tình huống nảy sinh trong cuộc sống của bản thân hoặc của người khác.	- Trách nhiệm: Giáo dục cho người dân cách sống tích cực trong xã hội hiện tại, có trách nhiệm xây dựng những hành vi lành mạnh và thay đổi các hành vi tiêu cực. - Có ý thức giữ gìn sức khỏe tinh thần cho bản thân và chăm sóc sức khỏe tinh thần cho các thành viên trong gia đình cũng như người thân thiết.
Giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp	- Năng lực tìm hiểu những kiến thức, kỹ năng cần thiết để định hướng tư vấn nghề nghiệp và lựa chọn	- Giúp người học tự tin, chủ động trong việc lựa chọn con đường học tập, làm việc phù hợp và có ý chí, khát vọng

	nghề nghiệp và khởi nghiệp phù hợp trình độ, khả năng nhận thức, sở thích của bản thân. - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào việc định hướng nghề nghiệp trong tương lai phù hợp với nhu cầu của xã hội để phát triển bản thân.	khởi nghiệp làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội. - Có ý thức và trách nhiệm với bản thân, gia đình, góp phần tăng thu nhập cho bản thân, gia đình và phát triển kinh tế địa phương. - Tự tin về bản thân, về khả năng có thể phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình.
Giáo dục chuyển đổi số trong cộng đồng	- Năng lực tìm hiểu về kiến thức và kỹ năng cơ bản công nghệ thông tin và chuyển đổi số để thích nghi với công việc, cuộc sống mới trong xã hội số. - Năng lực vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để phát triển bản thân, thích nghi với công việc, cuộc sống mới trong xã hội số để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu và thách thức của sản xuất trong cơ chế thị trường và hội nhập.	- Có ý thức trách nhiệm của công dân khi tham gia thị trường số. Chủ động, tích cực vào công cuộc chuyển đổi số Quốc gia. - Có thái độ phê phán đối với những hành vi vi phạm pháp luật trong môi trường số, biết cách bảo vệ thông tin dữ liệu cá nhân và phát triển kinh tế.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Phương pháp dạy học

1.1. Nguyên tắc chung

Phương pháp dạy học là một thành tố quan trọng của quá trình dạy học. Trong quá trình dạy học tại cơ sở GDTX chủ yếu là dạy học cho người dân trong cộng đồng

(chủ yếu là người lớn) nên PPDH có vị trí, vai trò và tác dụng rất quan trọng bởi vì người lớn có những đặc điểm khác biệt so với trẻ em, theo đó, phương pháp, hình thức giáo dục người lớn cần phải có những phương pháp riêng phù hợp với đối tượng người học trong cộng đồng.

Người học tại cộng đồng có những đặc điểm khác với trẻ em nên khi lựa chọn PPDH cần thực hiện một số nguyên tắc như sau:

- Nguyên tắc tôn trọng người học.
- Nguyên tắc nội dung học phải thiết thực, xuất phát từ nhu cầu của người học. Dạy học cần tập trung vào những gì mà người học cần hơn là những gì mà GV có. Nội dung học tập phải do chính người học lựa chọn nhằm giải quyết những vấn đề hiện tại của chính họ, của cộng đồng. Nguyên tắc này nhằm thực hiện phương châm gắn nội dung giảng dạy với nhu cầu của người học.

- Nguyên tắc phù hợp: Nội dung và PPDH phải phù hợp với khả năng và tốc độ nhận thức của người học, phù hợp với điều kiện vừa làm vừa học. Việc học đòi hỏi tốc độ dạy học chậm hơn và cần nhiều thời gian cho ôn tập, luyện tập.

- Nguyên tắc học gắn liền với thực hành, vận dụng thực tế: Việc học tập sẽ tốt hơn và hiệu quả khi thông qua thực hành. Vì vậy, PPDH chú ý tạo điều kiện để người học được thực hành, vận dụng những kiến thức đã học vào trong cuộc sống và sản xuất thực tế.

- Nguyên tắc coi trọng vốn kinh nghiệm và hiểu biết của người học: Vốn kinh nghiệm của người học là những tư liệu thực tế rất có giá trị, có tác dụng giúp quá trình nhận thức nhanh hơn, dễ tiếp thu. Vì vậy, trong quá trình dạy học, GV phải tạo điều kiện để người học nói ra được những suy nghĩ, kinh nghiệm sẵn có trước đây. GV tạo ra môi trường học tập thân thiện, khuyến khích người học tìm ra nguyên nhân và giải pháp cho các vấn đề thực tiễn.

- Nguyên tắc cùng tham gia/hoạt động: Người học sẽ học tập tốt hơn khi được tham gia, được tự phát hiện và giải quyết vấn đề theo sự hướng dẫn của GV/báo cáo viên. Người học với tư cách là HV sẽ học tập tốt hơn khi họ tự nhận thấy cái chưa chính xác, chưa hoàn thiện, chưa đầy đủ trong nhận thức và kinh nghiệm sẵn có. Vì vậy, GV trong quá trình dạy học cần tạo ra bầu không khí thoải mái, cởi mở và tạo điều kiện để người học được phát biểu, chia sẻ, trình bày những suy nghĩ, chính kiến, kinh nghiệm của bản thân từ đó người học phấn khởi, tự tin và chia sẻ những nội dung học tập với người khác trong lớp học.

Như vậy, trong dạy học, người dạy cần phải vận dụng linh hoạt những nguyên tắc dạy học để lựa chọn các PPDH cho phù hợp. Để có thể khai thác và sử dụng vốn kinh nghiệm và hiểu biết đã có của người học, GV cần phải chú trọng đến các PPDH chủ yếu là tổ chức cho người học được tham gia thực hiện các hoạt động học tập gắn với những tình huống thực tiễn của cuộc sống; gắn với hoạt động thực hành và trải nghiệm.

- Tùy từng đối tượng người học khác nhau và tính đặc thù của từng chương trình giáo dục theo các lĩnh vực cụ thể, GV có thể lựa chọn và sử dụng các PPDH phù hợp với chủ đề, nội dung dạy học nhằm phát huy vai trò chủ động, độc lập và kinh nghiệm của người học; Coi trọng các phương pháp tổ chức cho người học được thực hành, trải nghiệm vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống, lao động, sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích GV ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào các bài giảng, khai thác nguồn tài nguyên học liệu mở, học liệu số để xây dựng các bài giảng có nội dung hấp dẫn, tạo hứng thú trong học tập cho người học.

PPDH là một thành tố quan trọng của quá trình dạy học. Trong tổ chức dạy học tại các cơ sở GDTX, đối tượng dạy học là người học trong cộng đồng thì PPDH giữ vị trí, vai trò và tác dụng quan trọng của quá trình dạy học. Với những kinh nghiệm sống, vốn hiểu biết đa dạng của người lớn là nguồn kiến thức thực tế, phong phú để hỗ trợ quá trình học tập của họ. Vì vậy, trong quá trình dạy học, việc khai thác vốn kinh nghiệm và hiểu biết đã có của người học không chỉ đem lại hiệu quả thiết thực cho việc nâng cao chất lượng giáo dục mà còn giúp GV có thể tổ chức được các hoạt động dạy học hiệu quả.

Để có thể khai thác và sử dụng vốn kinh nghiệm và hiểu biết của người học, trong quá trình dạy học, GV cần phải chú trọng đến các phương pháp, kỹ thuật dạy học cùng tham gia như: Thảo luận nhóm; làm bài tập thực hành, thực nghiệm; tham quan thực tế; nghiên cứu tình huống; đóng vai...

1.2. Giới thiệu một số phương pháp dạy học tích cực

1.2.1. Phương pháp thảo luận nhóm

*** Đặc điểm**

Thảo luận là phương pháp tổ chức cho người học trao đổi, bàn bạc trong *nhóm nhỏ* về một chủ đề xác định. Thảo luận nhóm được sử dụng rộng rãi nhằm giúp cho mọi HV tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, giáo dục, tạo cơ hội cho

người học có thể chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý kiến để giải quyết một vấn đề có liên quan đến nội dung bài học.

Phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học đề cao sự hợp tác, các hoạt động của cá nhân trong thảo luận nhóm để phát triển các kỹ năng giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

Các nghiên cứu về phương pháp thảo luận nhóm đã chứng minh rằng, nhờ việc thảo luận trong nhóm nhỏ mà:

- Kiến thức của người học sẽ giảm bớt phần chủ quan, phiến diện, làm tăng tính khách quan khoa học;
- Kiến thức trở nên sâu sắc, bền vững, dễ nhớ và nhớ nhanh hơn do được giao lưu, học hỏi giữa các thành viên trong nhóm;
- Nhờ không khí thảo luận cởi mở giúp HV thoải mái, tự tin hơn trong việc trình bày ý kiến của mình và lắng nghe có phê phán ý kiến của các thành viên khác.

*** Cách tiến hành**

Thảo luận nhóm có thể tiến hành theo các bước sau :

- GV nêu chủ đề thảo luận, chia nhóm, giao câu hỏi, yêu cầu thảo luận cho mỗi nhóm, quy định thời gian thảo luận và phân công vị trí ngồi thảo luận cho các nhóm.
- Các nhóm tiến hành thảo luận.
- Đại diện từng nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm. Các nhóm khác lắng nghe, chất vấn, trao đổi, bổ sung ý kiến.
- GV tổng kết các ý kiến.

*** Yêu cầu sư phạm**

- Có nhiều cách chia nhóm, có thể chia theo số điểm danh, theo giới tính, theo màu sắc, theo các mùa trong năm, theo biểu tượng, ...

- Quy mô nhóm có thể lớn hoặc nhỏ, tùy theo vấn đề thảo luận. Tuy nhiên, nhóm không nên quá đông để đảm bảo tất cả HV có thể tham gia thảo luận tích cực; đồng thời nhóm cũng không nên quá ít để đảm bảo rằng nhóm không bao giờ thiếu ý tưởng và không có gì để nói. Một nhóm làm việc hiệu quả thường bao gồm từ 4 – 6 thành viên.

- Nội dung thảo luận của các nhóm có thể giống hoặc khác nhau.
- Cần quy định rõ thời gian thảo luận và trình bày kết quả thảo luận cho các nhóm.

- Sẽ thuận lợi hơn nếu mỗi nhóm chọn một trong những thành viên trong nhóm làm trưởng nhóm. Nhóm trưởng điều khiển dòng thảo luận của nhóm, mời các thành

viên phát biểu, chuyển sang câu hỏi khác khi thích hợp, đảm bảo rằng mỗi người - bao gồm cả những cá nhân hay xấu hổ hoặc ngại phát biểu có cơ hội để đóng góp ý kiến. Đồng thời, trong nhiều trường hợp, mỗi nhóm cần có một người ghi biên bản cuộc thảo luận để sau đó trình bày trước lớp.

- HV cần được luân phiên nhau làm “nhóm trưởng” và “ thư kí” và luân phiên nhau đại diện cho nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- Kết quả thảo luận có thể được trình bày dưới nhiều hình thức : bằng lời, đóng vai, viết hoặc vẽ trên giấy to, ...; có thể do một người thay mặt nhóm trình bày, có thể nhiều người trình bày, mỗi người một đoạn nói tiếp nhau,...

- Trong suốt buổi thảo luận nhóm nhỏ, GV cần đi vòng quanh các nhóm và lắng nghe ý kiến của người học.

1.2.2. Phương pháp động não

*** Đặc điểm**

Động não là phương pháp giúp cho người học trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng mới mẻ, độc đáo, nhiều giả định về một vấn đề nào đó. Đây là một phương pháp sử dụng để khuyến khích tư duy sáng tạo và cùng nhau tạo ra giải pháp cho một vấn đề cụ thể.

*** Cách tiến hành**

- *Xác định vấn đề:* GV nêu câu hỏi hoặc vấn đề (có nhiều cách trả lời) cần được tìm hiểu trước cả lớp hoặc trước nhóm.

- Khích lệ các thành viên lần lượt trình bày ý kiến của mình một cách ngắn gọn (bằng lời hoặc viết ra giấy).

- *Thu thập ý tưởng:* Liệt kê tất cả mọi ý kiến lên bảng hoặc giấy to không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.

- *Phân tích và đánh giá:* Sau khi kết thúc giai đoạn thu thập ý tưởng, các ý kiến sẽ được xem xét, phân loại, kết hợp những ý tưởng tương tự và loại bỏ những ý tưởng không phù hợp. Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng.

- *Thảo luận và thống nhất:* Thảo luận những ý kiến còn lại để đạt được giải pháp cuối cùng.

*** Yêu cầu sư phạm**

- Phương pháp động não có thể dùng để lý giải bất kỳ một vấn đề nào, song đặc biệt phù hợp với các vấn đề ít nhiều đã quen thuộc trong thực tế cuộc sống của người học.

- GV giữ vai trò tổ chức, điều khiển, hướng dẫn và đảm bảo mọi người học đều có cơ hội tham gia. GV cần tạo ra một môi trường học tập thoải mái, cởi mở, không áp lực để người học tự tin chia sẻ ý kiến, quan điểm của mình.

- GV cần giới hạn thời gian cho từng nội dung để đảm bảo tiến độ buổi học.

- Các ý kiến phát biểu nên ngắn gọn bằng một từ hay một câu thật ngắn.

- Tất cả mọi ý kiến đều cần được GV hoan nghênh, chấp nhận mà không nên phê phán, nhận định đúng, sai ngay.

- Cuối giờ thảo luận, GV phải có nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề này là kết quả của sự tham gia chung của tất cả lớp học.

- Động não không phải là một phương pháp hoàn chỉnh, mà chỉ là sự khởi đầu. Một khi danh sách các câu trả lời đã được hoàn thành, cần phải cho cả lớp dùng danh sách này để tiếp tục thảo luận sâu vào từng vấn đề.

1.2.3. Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề

***Đặc điểm**

- PPDH giải quyết vấn đề là dạy học trong đó HV được đặt trong một tình huống có vấn đề, thông qua giải quyết vấn đề để giúp người học lĩnh hội được tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức, đặc biệt là phát triển năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề.

- Tình huống có vấn đề sẽ xuất hiện khi một cá nhân đứng trước một nhiệm vụ, vấn đề cần giải quyết và bản thân chưa biết bằng cách nào, chưa đủ phương tiện (tri thức, kỹ năng...) để tự giải quyết nhưng có mong muốn giải quyết được nhiệm vụ, vấn đề này.

- HV được đặt vào tình huống có vấn đề chứ không phải được thông báo dưới dạng tri thức có sẵn. Vấn đề được đưa ra giải quyết cần vừa sức và gợi được nhu cầu nhận thức ở HV.

- HV không những được học nội dung học tập mà còn được học cách thức tiến hành dẫn đến kết quả đó. Nói cách khác, HV được học cách phát hiện và giải quyết vấn đề.

*** Cách tiến hành**

- Xác định vấn đề: GV đưa người học vào tình huống có vấn đề hoặc có thể gợi ý người học tự tạo ra tình huống có vấn đề. Phát biểu vấn đề dưới dạng “mâu thuẫn nhận thức”, đó là mâu thuẫn giữa những cái đã biết với những cái chưa biết và HV muốn tìm tòi để giải quyết vấn đề mâu thuẫn đó.

- Lập kế hoạch giải quyết vấn đề: HV đề xuất giả thuyết giải quyết vấn đề, đưa ra các phương án và lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra.

+ Giải quyết vấn đề theo kế hoạch: Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Đánh giá việc thực hiện giả thuyết đặt ra đã đúng chưa, nếu đúng thì chuyển sang bước tiếp theo, nếu chưa đúng thì quay trở lại bước 2 để chọn giả thuyết khác.

+ Kiểm tra, đánh giá và kết luận: GV tổ chức cho HV rút ra kết luận về cách giải quyết vấn đề trong tình huống đã đặt ra, từ đó HV lĩnh hội được tri thức, kỹ năng của bài học hoặc vận dụng được những kiến thức, kỹ năng lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

*** Yêu cầu sư phạm**

- PPDH giải quyết vấn đề có thể phát triển được khả năng tìm tòi, xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong khi phát hiện và giải quyết vấn đề, HV sẽ huy động được tri thức và khả năng cá nhân, khả năng hợp tác, trao đổi, thảo luận với bạn bè để tìm ra cách giải quyết vấn đề tốt nhất. Để có thể áp dụng PPDH giải quyết vấn đề, GV cần lưu ý:

+ GV cần tạo ra tình huống có vấn đề phù hợp, thu hút người học vào quá trình tìm tòi để phát hiện và giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, không phải nội dung dạy học nào cũng có thể phù hợp để xây dựng thành tình huống có vấn đề cho HV.

+ Nếu giải quyết vấn đề được sử dụng cho các nhóm, vấn đề cần đủ phức tạp để đảm bảo tất cả các HV là thành viên trong nhóm đều phải làm việc cùng nhau để giải quyết.

+ Việc tổ chức tiết học hoặc một phần của tiết học theo PPDH giải quyết vấn đề đòi hỏi phải có thời gian phù hợp.

+ Trong một số trường hợp, cần có thiết bị dạy học và các điều kiện phù hợp để thực hiện hiệu quả phương pháp giải quyết vấn đề, ví dụ các dụng cụ để làm thí nghiệm, các phương tiện tra cứu, khảo sát, thu thập thông tin...

1.2.4. Phương pháp nghiên cứu tình huống

*** Đặc điểm**

Nghiên cứu tình huống thường là tổ chức cho người học nghiên cứu một câu chuyện mô tả một tình huống thường xảy ra trong cuộc sống thực tiễn. Đôi khi nghiên cứu tình huống có thể được thực hiện trên băng hình mà không phải dưới dạng chữ viết. Vì tình huống này được nêu lên nhằm phản ánh tính đa dạng của cuộc sống thực, nên nó phải tương đối phức tạp với nhiều nhân vật và chứa đựng nhiều mâu thuẫn.

*** Các bước tiến hành**

Các bước nghiên cứu tình huống có thể là:

- Đọc (hoặc xem) tình huống .
- Suy nghĩ về tình huống đó.
- GV đưa ra một hay nhiều câu hỏi liên quan đến tình huống.
- HV thảo luận nhóm về tình huống.
- Đại diện các nhóm trình bày. Trao đổi, tranh luận giữa các nhóm.
- Người hướng dẫn tóm tắt các ý kiến thảo luận.

*** Yêu cầu sư phạm**

- Tình huống có thể dài hay ngắn, tùy theo từng nội dung vấn đề.
- Tình huống phải được kết thúc bằng một loạt các vấn đề hoặc câu hỏi như: Bạn nghĩ điều gì sẽ xảy ra tiếp theo ? Bạn sẽ làm gì nếu bạn là nhân vật A ? nhân vật B ? ...Vấn đề này có thể được giải quyết như thế nào ?
- Cách giải quyết tình huống đưa ra phải được dùng để giải quyết cho tình huống có tính khái quát hơn.

1.2.5. Phương pháp dạy học theo dự án

*** Đặc điểm**

Dạy học theo dự án là việc người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao trong quá trình học.

- Định hướng thực tiễn: chủ đề của dự án xuất phát từ những tình huống của thực tiễn xã hội và thực tiễn đời sống. Nhiệm vụ của dự án cần chứa đựng những vấn đề phù hợp với trình độ và khả năng nhận thức của người học. Các dự án học tập có ý nghĩa thực tiễn xã hội, góp phần gắn việc học tập lý thuyết với thực tiễn đời sống, xã hội.

- Định hướng hứng thú người học: HV được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân. Ngoài ra, hứng thú của người học cần được tiếp tục phát triển trong quá trình thực hiện dự án.

- Định hướng hành động: Trong quá trình thực hiện dự án có sự kết hợp giữa nghiên cứu lý thuyết và vận dụng lý thuyết vào trong hoạt động thực tiễn, thực hành. Thông qua đó, kiểm tra, củng cố, mở rộng hiểu biết lý thuyết cũng như rèn luyện kỹ năng hành động, kinh nghiệm thực tiễn của người học.

- Tính tự lực của người học: Trong dạy học theo dự án, người học cần tham gia tích cực, tự lực vào các giai đoạn của quá trình dạy học. Điều đó cũng đòi hỏi và khuyến khích tính trách nhiệm, sự sáng tạo của người học. GV chủ yếu đóng vai trò tư vấn,

hướng dẫn, giúp đỡ. Tuy nhiên, mức độ tự lực cần phù hợp với kinh nghiệm, khả năng của HV và mức độ khó khăn của nhiệm vụ.

- Định hướng sản phẩm: Trong quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm được tạo ra không chỉ giới hạn ở thu hoạch lí thuyết, mà trong đa số trường hợp các dự án học tập tạo ra những sản phẩm vật chất của hoạt động thực tiễn, thực hành. Những sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu bằng nhiều hình thức khác nhau với các quy mô khác nhau.

*** Cách tiến hành**

Giai đoạn 1: Chuẩn bị dự án

+ Đề xuất ý tưởng và chọn đề tài: Đề tài dự án có thể nảy sinh từ sáng kiến của GV, HV hoặc của nhóm HV. HV quyết định lựa chọn đề tài, nhưng phải đảm bảo nội dung phù hợp với mục đích học tập, phù hợp chương trình và điều kiện thực tế. Để thực hiện dự án, HV phải đóng những vai có thực trong xã hội để tự mình tìm kiếm thông tin và giải quyết công việc.

- Chia nhóm và nhận nhiệm vụ: GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm HV và những yếu tố khác liên quan đến dự án. Trong công việc này, GV là người đề xướng nhưng cũng cần tạo điều kiện cho HV tự chọn nhóm làm việc.

- Lập kế hoạch: GV hướng dẫn các nhóm HV lập kế hoạch thực hiện dự án, trong đó HV cần xác định chính xác chủ đề, mục tiêu, những công việc cần làm, kinh phí, thời gian và phương pháp thực hiện. Ở giai đoạn này, đòi hỏi ở HV tính tự lực và tính cộng tác để xây dựng kế hoạch của nhóm. Sản phẩm tạo ra ở giai đoạn này là bản kế hoạch dự án.

Giai đoạn 2: Thực hiện dự án

Giai đoạn này, với sự giúp đỡ của GV, HV tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ được giao với các hoạt động: như đề xuất các phương án giải quyết và kiểm tra, nghiên cứu tài liệu, tiến hành các thí nghiệm, trao đổi và hợp tác với các thành viên trong nhóm. Trong dự án, GV cần tôn trọng kế hoạch đã xây dựng của các nhóm, cần tạo điều kiện cho HV trao đổi, thu thập tài liệu, tìm kiếm thông tin. Các nhóm thường xuyên cùng nhau đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt được mục tiêu. GV cũng cần tạo điều kiện cho việc làm chủ hoạt động học tập của HV và nhóm HV, quan tâm đến phương pháp học của HV... và khuyến khích HV tạo ra một sản phẩm cụ thể, có chất lượng.

Giai đoạn 3: Báo cáo và đánh giá dự án

HV thu thập kết quả, công bố sản phẩm trước lớp. Sau đó, GV và HV tiến hành đánh giá. HV có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm

nhóm mình và đánh giá nhóm khác. GV đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của HV, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

*** Yêu cầu sư phạm**

- PHDH theo dự án chỉ phù hợp để dạy học những nội dung gần gũi với thực tiễn cuộc sống, có nhiều nội dung thực hành. Các nội dung mang tính khoa học, lý thuyết thuần túy sẽ khó triển khai bằng dạy học dựa trên dự án.

- PPDH theo dự án đòi hỏi thời gian phù hợp. Tùy quy mô dự án, thời gian có thể kéo dài trong khoảng vài buổi học. Vì thế, GV cần khéo léo sắp xếp khi xây dựng kế hoạch để tổ chức dạy học theo dự án.

2. Hình thức tổ chức dạy học

Hình thức tổ chức dạy học Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học được tổ chức theo hướng mở, linh hoạt với nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Căn cứ vào nội dung của các chủ đề và đối tượng người học, GV có thể lựa chọn, tổ chức theo các hình thức gồm: học tập trung, học ở thực địa, học qua các buổi tập huấn chuyên giao khoa học - công nghệ, các buổi nói chuyện trực tiếp, lồng ghép thông qua các buổi sinh hoạt câu lạc bộ, sinh hoạt nhóm, tham quan thực tế, tổ chức hội thi, học qua đài phát thanh, đài truyền hình; có thể cung cấp học liệu từ rơi, từ gấp để người học tự học, tự đọc, tự nghiên cứu sách, báo, tài liệu nâng cao kiến thức cho bản thân.

Các hình thức tổ chức dạy học được lựa chọn căn cứ vào mục tiêu, nội dung và đặc điểm của từng chương trình giáo dục cụ thể để tổ chức cho phù hợp. Việc lựa chọn các hình thức dạy học do GV/báo cáo viên đề xuất khi xây dựng kế hoạch dạy học sẽ lựa chọn cho phù hợp với các nội dung của chương trình.

Với mỗi hình thức tổ chức dạy học lựa chọn phù hợp với đối tượng, nội dung của từng chương trình giáo dục cụ thể. Ví dụ: Việc tổ chức học thực địa, học qua các buổi tập huấn chuyên giao khoa học – công nghệ, tham quan thực tế có thể được thực hiện phù hợp với chương trình giáo dục phát triển kinh tế.

3. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo từng chương trình giáo dục cụ thể. Kết quả học tập của từng chương trình giáo dục cụ thể theo các lĩnh vực giáo dục được đánh giá theo hình thức Đạt và Chưa đạt.

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học theo từng nội dung, chủ đề phải đảm bảo theo đúng yêu cầu cần đạt quy định tại Chương trình giáo dục cụ thể. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng người học vận dụng kiến thức, kỹ năng

đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của đời sống, đánh giá sự thay đổi thái độ, hành vi của người học trong từng Chương trình giáo dục theo các lĩnh vực cụ thể.

- Sau một chủ đề, việc kiểm tra, đánh giá theo một trong các hình thức: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, đánh giá bằng quan sát, phiếu trắc nghiệm, bài thu hoạch, sản phẩm học tập hoặc kết quả thực tế vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống của bản thân và gia đình người học.

- Đối với mỗi chương trình giáo dục cụ thể, người học được đánh giá phù hợp với tiến trình của từng chủ đề, GV, báo cáo viên ghi kết quả đánh giá vào Sổ theo dõi và đánh giá người học của từng chương trình giáo dục cụ thể để sử dụng trong việc cấp Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục theo quy định.

- Người học hoàn thành một chủ đề của từng chương trình giáo dục cụ thể, kiểm tra đạt yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành chủ đề của chương trình giáo dục.

- Người học hoàn thành chương trình giáo dục cụ thể, kiểm tra đạt yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục .

- Người học hoàn thành toàn bộ chương trình giáo dục cụ thể, kiểm tra đạt yêu cầu, được tham dự kỳ thi cấp chứng chỉ, nếu đạt yêu cầu theo quy định thì được cấp Chứng chỉ theo quy định.

V. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình

Các cơ sở GDTX được tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học phải đảm bảo các điều kiện về đội ngũ GV, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài liệu để đảm bảo chất lượng.

1.1. Về đội ngũ GV, báo cáo viên

- GV, báo cáo viên tham gia giảng dạy các chương trình giáo dục cụ thể phải có trình độ chuyên môn phù hợp, tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên, có kinh nghiệm trong các hoạt động giáo dục cộng đồng cùng với các yêu cầu khác theo quy định hiện hành và quy định của từng Chương trình Giáo dục cụ thể.

- Hằng năm, GV phải được tập huấn, bồi dưỡng về Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu người học theo các chương trình giáo dục cụ thể.

1.2. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Về cơ sở vật chất: Đảm bảo các điều kiện tối thiểu để tổ chức dạy học, tận dụng các cơ sở vật chất sẵn có của địa phương: Phòng học tại các cơ sở giáo dục, hội trường

Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa của các thôn/bản, các mô hình, trung tâm, trang trại, các làng nghề, các di tích lịch sử phù hợp với nội dung chủ đề của các chương trình giáo dục cụ thể và quy mô của lớp học.

- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, tivi, video, các phần mềm, tài nguyên học liệu mở, các website, các chương trình truyền thanh, truyền hình có nội dung phù hợp với từng lĩnh vực giáo dục cụ thể.

1.3. Tài liệu giáo dục

- Căn cứ vào nội dung của các chương trình giáo dục cụ thể theo quy định, Sở GDĐT chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn để tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục theo từng chương trình cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và phê duyệt để thực hiện.

- Việc biên soạn tài liệu để giảng dạy phải đảm bảo các yêu cầu về chuyên môn, phù hợp với thực tế của địa phương và đối tượng người học. Nội dung tài liệu thể hiện đúng và đầy đủ yêu cầu cần đạt của chương trình, bảo đảm tính cơ bản, khoa học, thiết thực. Các thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa, số liệu, sự kiện, hình ảnh bảo đảm chính xác, khách quan, nhất quán và phù hợp với trình độ người học; các số liệu, sự kiện, hình ảnh có nguồn gốc rõ ràng.

- GV được phân công tham gia giảng dạy các lĩnh vực giáo dục cụ thể chủ động xây dựng bài giảng trên cơ sở tham khảo các tài liệu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tài liệu hợp pháp để hướng dẫn người học đảm bảo chất lượng.

- Các địa phương có thể tham khảo sử dụng những nguồn tài liệu chính thống của các ban, ngành đã biên soạn phù hợp với nội dung của chương trình để tổ chức giảng dạy cho người học.

2. Tổ chức thực hiện chương trình

2.1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Căn cứ Chương trình quy định tại Thông tư này và các văn bản có liên quan, ban hành văn bản quy định về tổ chức thi và cấp chứng chỉ Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền. Nội dung văn bản quy định bao gồm:

- Mục đích và yêu cầu.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân tham gia công tác tổ chức thi: Kế hoạch tổ chức thi, tổ chức đăng ký dự thi, công tác đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo.

- Công bố kết quả, báo cáo kết quả thi và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

b) Ban hành quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, thẩm định, chỉnh sửa và phê duyệt tài liệu giáo dục; chỉ đạo việc tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu Chương trình để tổ chức thực hiện giảng dạy tại địa phương cho phù hợp.

c) Đảm bảo kinh phí cho việc tổ chức thực hiện chương trình (biên soạn tài liệu, tổ chức giảng dạy chương trình, bồi dưỡng tập huấn), kinh phí tổ chức thi và cấp chứng chỉ.

2.2. Trách nhiệm của Sở GDĐT

- Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản quy định về tổ chức thi và cấp chứng chỉ Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn các đơn vị tổ chức thi thực hiện quy định về tổ chức thi và cấp chứng chỉ thống nhất trên địa bàn.

- Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để tổ chức thực hiện Chương trình, tổ chức thi và cấp chứng chỉ theo quy định.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học trên địa bàn. Chỉ đạo các hoạt động tổ chức dạy học thực hiện Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn bồi dưỡng cho đội ngũ GV, báo cáo viên cốt cán của tỉnh theo từng chương trình giáo dục cụ thể;

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học và tổ chức thi, cấp chứng chỉ của các cơ sở GDTX theo thẩm quyền.

2.3. Trách nhiệm của cơ sở GDTX

- Hằng năm, các cơ sở GDTX chủ động phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương để điều tra nhu cầu học tập của người dân trong cộng đồng; Xác định nội dung học tập của người học theo nhu cầu và từng nhóm đối tượng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nguồn nhân lực của địa phương.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học và hình thức học tập phù hợp với từng loại đối tượng; bố trí đội ngũ GV, báo cáo viên và tổ chức thực hiện giảng dạy các chương trình giáo dục cụ thể phù hợp với điều kiện cụ thể và nhu cầu của người học.

- Trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN-GDTX có trách nhiệm hỗ trợ các trung tâm HTCD trên địa bàn về điều tra nhu cầu học tập của người dân, bố trí đội ngũ GV

có trình độ chuyên môn phù hợp tham gia giảng dạy Chương trình Giáo dục cụ thể theo lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu học tập của người dân trong cộng đồng.

2.4. Trách nhiệm của các ban, ngành và đoàn thể tại địa phương

Các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương có vai trò quan trọng trong việc phối hợp, hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học tại các địa phương. Cụ thể:

- Tham gia xây dựng kế hoạch dạy học và hỗ trợ việc tổ chức tuyên truyền hàng năm của các ban, ngành, đoàn thể tại cộng đồng.

- Thực hiện tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục trực tiếp tại cộng đồng thông qua nhiều hình thức khác nhau theo các nhiệm vụ của các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương.

- Phối hợp biên soạn và cung cấp tài liệu chuyên môn phù hợp với các lĩnh vực giáo dục cụ thể tại cộng đồng.

- Phối hợp liên ngành với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội khác trong việc thực hiện các chương trình cụ thể tại cộng đồng.

- Tuyên truyền, vận động hội viên, người dân trong cộng đồng tham gia đầy đủ các chương trình giáo dục tại địa phương.

**PHẦN THỨ HAI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ KHỞI NGHIỆP
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC
HƯỚNG NGHIỆP VÀ KHỞI NGHIỆP**

I. MỤC TIÊU

Giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp là một trong những lĩnh vực thuộc Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học. Chương trình nhằm cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết về hướng nghiệp và khởi nghiệp; giúp người học phát triển năng lực nhận thức bản thân, nhận thức nghề nghiệp để lựa chọn được nghề hoặc lĩnh vực khởi nghiệp phù hợp, đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Đồng thời chương trình góp phần vào việc phân luồng và sử dụng hợp lý nguồn lao động, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

1. Năng lực

- Nêu được tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp (GDHN) và giáo dục khởi nghiệp (GDKN) đối với việc lựa chọn nghề nghiệp của bản thân, gia đình và sự phát triển xã hội; xây dựng và phát triển các năng lực hướng nghiệp, khởi nghiệp cần thiết cho việc định hướng nghề nghiệp đúng đắn, trên cơ sở đó lựa chọn được nghề nghiệp tương lai cho bản thân hoặc xây dựng và thực hiện được kế hoạch khởi nghiệp.

- Cha mẹ của người học sử dụng được những kiến thức đã học để tư vấn, hỗ trợ con em mình lựa chọn nghề nghiệp tương lai hoặc khuyến khích, hỗ trợ để người học tự tin lựa chọn lĩnh vực khởi nghiệp phù hợp với năng lực, sở trường của cá nhân và nhu cầu của xã hội.

- Vận dụng được các kiến thức về hướng nghiệp và khởi nghiệp để rèn luyện năng lực hướng nghiệp và khởi nghiệp; lựa chọn được nghề nghiệp phù hợp và xây dựng ý tưởng khởi nghiệp thành công, góp phần phát triển kinh tế cho gia đình, quê hương.

2. Phẩm chất

- Tự tin, chủ động trong việc lựa chọn con đường học tập, làm việc phù hợp và có ý chí, khát vọng khởi nghiệp làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội.

- Có ý thức ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào hoạt động sản xuất, kinh doanh để góp phần tăng thu nhập cho bản thân, gia đình và góp phần bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững.

- Có tinh thần dám nghĩ, dám làm, tự tin về bản thân, về khả năng có thể phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nội dung khái quát và thời lượng cụ thể

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
Phần thứ nhất. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP	90	47	43
Chủ đề I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HƯỚNG NGHIỆP VÀ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP	12	8	4
1. Khái quát chung về hướng nghiệp và giáo dục hướng nghiệp	3	2	1
2. Các năng lực hướng nghiệp cần có của người học	3	2	1
3. Cách thức, con đường giáo dục hướng nghiệp	6	4	2
Chủ đề II. MỘT SỐ LÝ THUYẾT HƯỚNG NGHIỆP	18	12	6
4. Quy trình hướng nghiệp	3	2	1
5. Nhóm lý thuyết cá nhân và đặc điểm nghề: Lý thuyết cây nghề nghiệp; Lý thuyết mật mã Holland	6	4	2
6. Nhóm lý thuyết phát triển: Lý thuyết phát triển nghề nghiệp theo các giai đoạn của cuộc đời	3	2	1
7. Nhóm lý thuyết học tập từ xã hội: Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch, Lý thuyết vị trí điều khiển	3	2	1
8. Nhóm các lý thuyết định hướng chiến lược nghề nghiệp: Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết mô hình lập kế hoạch nghề nghiệp	3	2	1
Chủ đề III. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HƯỚNG NGHIỆP	45	21	24
9. Xây dựng và phát triển năng lực nhận thức bản thân	15	6	9
10. Xây dựng và phát triển năng lực nhận thức nghề nghiệp	18	9	9
11. Xây dựng và phát triển năng lực xây dựng, thực hiện kế hoạch nghề nghiệp	12	6	6
Chủ đề IV. CHA MẸ TƯ VẤN, HỖ TRỢ CON ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP	15	6	9

Chủ đề/nội dung	Thời lượng (Tổng số tiết)	Trong đó số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
12. Vai trò của cha mẹ trong việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp.	3	2	1
13. Những kiến thức, kỹ năng cha mẹ cần có để tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp	6	2	4
14. Cha mẹ tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp	6	2	4
Phần thứ hai. GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP	90	39	51
Chủ đề I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KHỞI NGHIỆP	15	6	9
1. Khái niệm khởi nghiệp, giáo dục khởi nghiệp	3	2	1
2. Mục đích, vai trò, đối tượng của khởi nghiệp	3	1	2
3. Các lĩnh vực khởi nghiệp	6	2	4
4. Các yếu tố cần thiết để khởi nghiệp thành công	3	1	2
Chủ đề II. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC KHỞI NGHIỆP	75	33	42
5. Các giai đoạn khởi nghiệp	12	6	6
6. Đánh giá ý tưởng khởi nghiệp	21	9	12
7. Thực hiện ý tưởng khởi nghiệp: Nghiên cứu thị trường, lập kế hoạch marketing, xây dựng kế hoạch khởi nghiệp	21	9	12
8. Quản trị khởi nghiệp: Nguồn vốn khởi nghiệp, quản trị tài chính, quản trị nhân sự	21	9	12
Tổng số	180	86	94

2. Yêu cầu cần đạt của từng chủ đề cụ thể

Nội dung/Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
Phần thứ nhất. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP	
Chủ đề I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HƯỚNG NGHIỆP VÀ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP	

1. Khái quát chung về hướng nghiệp và giáo dục hướng nghiệp	- Trình bày được một số khái niệm: hướng nghiệp, giáo dục hướng nghiệp, tư vấn định hướng nghề nghiệp, phân luồng, nghề, nghề nghiệp. - Trình bày được mục đích, ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp, tư vấn định hướng nghề nghiệp đối với việc lựa chọn nghề nghiệp. - Liên hệ được thực trạng hướng nghiệp và giáo dục hướng nghiệp tại địa phương.
2. Năng lực hướng nghiệp của người học	- Trình bày và phân tích được các năng lực hướng nghiệp người học cần có để ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp vừa phù hợp với sở thích, hứng thú cá nhân, năng lực bản thân, vừa phù hợp với nhu cầu lao động của xã hội. - Vận dụng được hiểu biết về các năng lực hướng nghiệp vào việc rèn luyện để hình thành, phát triển năng lực nhận thức bản thân, năng lực nhận thức nghề nghiệp, năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch nghề nghiệp.
3. Cách thức/con đường giáo dục hướng nghiệp	- Kể được tên các con đường giáo dục hướng nghiệp. - Trình bày được vai trò, nội dung và cách thức thực hiện từng con đường giáo dục hướng nghiệp cho người học. - Vận dụng được hiểu biết về các con đường hướng nghiệp vào việc rèn luyện để có được những năng lực, phẩm chất cần thiết theo yêu cầu của định hướng nghề nghiệp tương lai. - Có ý thức chủ động, tích cực tham gia các hoạt động của các con đường giáo dục hướng nghiệp.
Chủ đề II. MỘT SỐ LÝ THUYẾT HƯỚNG NGHIỆP	
4. Quy trình hướng nghiệp	- Trình bày được nội dung cơ bản, ý nghĩa, cách thức thực hiện quy trình hướng nghiệp. - Vận dụng được những hiểu biết về quy trình hướng nghiệp vào việc xây dựng và phát triển nhận thức bản thân, xây dựng và phát triển nhận thức nghề nghiệp, xây dựng và phát triển năng lực lập, thực hiện kế hoạch nghề nghiệp. - Thực hành được việc xây dựng các năng lực nghề nghiệp và kế hoạch nghề nghiệp của bản thân.

5. Nhóm lý thuyết cá nhân và đặc điểm nghề Lý thuyết cây nghề nghiệp; Lý thuyết mật mã Holland	- Trình bày được nội dung cơ bản, ý nghĩa, cách thức áp dụng Lý thuyết cây nghề nghiệp, Lý thuyết mật mã Holland vào việc nhận thức của bản thân về chọn nghề và sự phù hợp nghề. - Vận dụng được những hiểu biết về Lý thuyết cây nghề nghiệp, Lý thuyết mật mã Holland để nhận thức bản thân và xác định mối tương quan giữa các đặc điểm của bản thân với đặc điểm nghề để chọn nghề phù hợp. - Thực hành trải nghiệm Lý thuyết cây nghề nghiệp và Lý thuyết mật mã Holland để chọn nghề phù hợp với năng lực của bản thân.
6. Nhóm lý thuyết phát triển Lý thuyết phát triển nghề nghiệp theo các giai đoạn của cuộc đời	- Trình bày được nội dung cơ bản, ý nghĩa, cách thức áp dụng Lý thuyết phát triển nghề nghiệp theo các giai đoạn của cuộc đời vào giáo dục hướng nghiệp. - Vận dụng được những hiểu biết về Lý thuyết phát triển nghề nghiệp theo các giai đoạn của cuộc đời vào việc tìm hiểu vai trò của nghề nghiệp và sự tương tác giữa vai trò của nghề nghiệp với các vai trò khác trong cuộc sống của bản thân. - Có khả năng thích ứng với những tác động từ môi trường đối với việc lựa chọn và quyết định nghề nghiệp.
7. Nhóm lý thuyết học tập từ xã hội Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch, Lý thuyết vị trí điều khiển	- Trình bày được nội dung cơ bản, ý nghĩa, cách thức áp dụng Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch, Lý thuyết vị trí điều khiển vào giáo dục hướng nghiệp. - Vận dụng được những hiểu biết về Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch, Lý thuyết vị trí điều khiển để tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định nghề nghiệp của bản thân. - Chủ động, tự tin tham gia các hoạt động, rèn luyện để tạo ra những “tiềm năng” cho hoạt động nghề nghiệp tương lai.
8. Nhóm các lý thuyết định hướng chiến lược nghề nghiệp	- Trình bày được nội dung cơ bản, ý nghĩa, cách thức áp dụng Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết mô hình lập kế hoạch nghề nghiệp vào giáo dục hướng nghiệp. - Vận dụng được những hiểu biết về Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết mô hình lập kế hoạch nghề nghiệp để tìm hiểu các yếu

Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết mô hình lập kế hoạch nghề nghiệp	tố ảnh hưởng tới định hướng, quyết định nghề nghiệp của bản thân và các bước đi cần thiết để đến được với nghề bản thân yêu thích, muốn chọn.
Chủ đề III. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HƯỚNG NGHIỆP	
9. Xây dựng và phát triển năng lực nhận thức bản thân	- Trình bày được cơ sở khoa học của việc xây dựng, phát triển năng lực nhận thức bản thân. - Trình bày được mục đích, ý nghĩa và cách thức xác định sở thích, năng lực, cá tính, giá trị nghề nghiệp của bản thân. - Xác định được sở thích, khả năng/năng lực, tính cách, giá trị nghề nghiệp của bản thân. - Trình bày được vai trò, tầm quan trọng của các kỹ năng thiết yếu. - Xác định được những kỹ năng thiết yếu bản thân đã rèn luyện được và những kỹ năng thiết yếu còn thiếu, cần rèn luyện. - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch rèn luyện những kỹ năng thiết yếu còn thiếu, cần rèn luyện. - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của bản thân. Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn của bản thân, hoàn cảnh gia đình và xã hội trong việc chọn nghề tương lai. - Tự đánh giá được những điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân để có định hướng học tập, rèn luyện đáp ứng mục tiêu nghề nghiệp của bản thân. - Thực hành xác định được mong muốn, mục tiêu của hoạt động nghề nghiệp tương lai cho bản thân. - Tự tin vào bản thân trong việc định hướng nghề nghiệp tương lai.
10. Xây dựng và phát triển năng lực nhận thức nghề nghiệp	- Nêu được cơ sở khoa học của việc chọn nghề nghiệp phù hợp. - Trình bày được mục đích, ý nghĩa, nội dung tìm hiểu nghề nghiệp. - Nêu được xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại.

	- Nêu được những nghề bản thân yêu thích, quan tâm. - Xác định được những thông tin cần tìm kiếm, thu thập khi tìm hiểu nghề nghiệp. - Trình bày được cách tìm kiếm, thu thập những thông tin cần thiết về nghề. - Giới thiệu được những hoạt động đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản, yêu cầu về phẩm chất, năng lực và an toàn lao động của nghề bản thân quan tâm. - Xác định được những ngành nghề phù hợp, bản thân có thể lựa chọn trên cơ sở đối chiếu những thông tin về nghề đã tìm hiểu, thu thập được với những đặc điểm liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của bản thân. - Nêu được cách tìm hiểu những thông tin cơ bản về thị trường lao động và nhu cầu của thị trường lao động ở địa phương, trong nước, quốc tế. - Nêu được những thông tin cần thu thập và cách thu thập thông tin về cơ sở đào tạo các nghề mà bản thân yêu thích, quan tâm. - Giới thiệu được những thông tin cơ bản về một cơ sở đào tạo nghề sau chuyên tham quan, trải nghiệm tại cơ sở đào tạo đó. - Sử dụng được những thông tin cơ bản về nghề nghiệp, về thị trường lao động và các cơ sở đào tạo nghề để ra quyết định chọn ngành học, chọn cơ sở đào tạo nghề. - Biết cách thực hiện được việc đăng ký tuyển sinh vào các cơ sở đào tạo nghề hoặc tham gia lao động tại địa phương. - Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm để tìm hiểu, khám phá thế giới nghề nghiệp.
11. Xây dựng và phát triển năng lực lập và thực hiện kế hoạch nghề nghiệp	- Nêu được cơ sở khoa học của việc lập kế hoạch nghề nghiệp. - Thực hành sử dụng được kiến thức về bản thân, về nghề nghiệp để xác định mục tiêu nghề nghiệp. - Xác định được vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và biết cách điều chỉnh, bổ sung mục tiêu nghề nghiệp cho phù hợp với

	sở thích, năng lực của bản thân, yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người lao động trong xã hội hiện đại, nhu cầu lao động của xã hội và yêu cầu tuyển sinh của cơ sở đào tạo nghề nghiệp bản thân muốn chọn. - Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, hoạt động phục vụ cộng đồng để tăng thêm nhận thức bản thân, nhận thức nghề nghiệp và cơ hội nghề nghiệp. - Nêu và thực hiện được việc tham vấn ý kiến của thầy cô, cha mẹ, người thân để ra quyết định nghề nghiệp cho bản thân. - Ra được quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn cơ sở đào tạo nghề và làm hồ sơ tuyển sinh theo quyết định của bản thân. - Lập được kế hoạch nghề nghiệp cho bản thân và từng bước thực hiện kế hoạch để đạt được mục tiêu nghề nghiệp. - Chủ động, tự tin xây dựng kế hoạch nghề nghiệp và thực hiện kế hoạch nghề nghiệp của bản thân.
Chủ đề IV. CHA MẸ TƯ VẤN, HỖ TRỢ CON ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP	
12. Vai trò của cha mẹ trong việc định hướng nghề nghiệp của con	- Nêu được vai trò của cha mẹ trong việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp . - Trình bày được một số quan niệm của cha mẹ trong việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp. - Liên hệ được thực tế việc cha mẹ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con.
13. Những kiến thức, kỹ năng cha mẹ cần có để tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp	- Nêu được nội dung cơ bản và ý nghĩa của một số lý thuyết hướng nghiệp mà cha mẹ cần được trang bị để sử dụng vào việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp. - Trình bày được một số kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cha mẹ cần có để tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp. - Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng về hướng nghiệp để tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp cho phù hợp với năng lực của con và điều kiện của gia đình.

14. Cha mẹ tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp	- Trình bày được mục đích và cách thức cha mẹ tư vấn, hỗ trợ con nhận thức bản thân và phát triển các kỹ năng thiết yếu. - Nêu được mục đích và cách thức cha mẹ tư vấn, hỗ trợ con tìm hiểu, trải nghiệm, khám phá ngành học, nghề nghiệp tương lai, thị trường lao động và cơ sở đào tạo nghề; xây dựng và thực hiện kế hoạch nghề nghiệp. - Liên hệ thực tế về việc cha mẹ đã tư vấn, hỗ trợ con chọn hướng đi và nghề nghiệp phù hợp. - Cha mẹ tự tin, chủ động trong việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp.
Phần thứ hai. GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP	
Chủ đề I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP	
1. Khái niệm khởi nghiệp, giáo dục khởi nghiệp	- Trình bày được khái niệm khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, giáo dục khởi nghiệp. - Phân biệt được khái niệm khởi nghiệp với Startup. - Nêu được sự khác nhau giữa khởi nghiệp và giáo dục khởi nghiệp. - Trình bày được vai trò của giáo dục khởi nghiệp đối với cá nhân và cộng đồng. - Liên hệ được thực tế về tình hình khởi nghiệp của thanh niên hiện nay ở địa phương.
2. Mục đích, vai trò, đối tượng của khởi nghiệp	- Nêu được mục đích của khởi nghiệp. - Trình bày được vai trò của khởi nghiệp đối với bản thân, gia đình và xã hội. - Kể tên được những đối tượng có thể tham gia khởi nghiệp. - Liên hệ với bản thân và gia đình có thể tham gia khởi nghiệp.
3. Những lĩnh vực khởi nghiệp	- Kể tên được những lĩnh vực có thể khởi nghiệp hiện nay. - Mô tả được những ngành, nghề có thể khởi nghiệp, kinh doanh trong các lĩnh vực: sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ tư vấn, lĩnh vực giáo dục, du lịch, dịch vụ làm đẹp, lĩnh vực tài chính, ngân hàng....

	- Thực hành lựa chọn được lĩnh vực khởi nghiệp, kinh doanh phù hợp với khả năng của bản thân, điều kiện kinh tế của gia đình và đặc thù của địa phương.
4. Các yếu tố cần thiết để khởi nghiệp thành công	- Trình bày được các yếu tố cần có để khởi nghiệp thành công. - Trình bày và phân tích được các bước quan trọng để khởi nghiệp thành công (hình thành ý tưởng khởi nghiệp, sách lược kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh, góp vốn, sắp xếp nhân sự, thiết lập cơ cấu,...). - Phân tích được các tính cách, tố chất và năng lực cần có của người khởi nghiệp. - Có ý thức tìm tòi, nghiên cứu và hoàn thiện các kỹ năng cần thiết cho bản thân để tham gia khởi nghiệp thành công.
Chủ đề II. RÈN LUYỆN VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC KHỞI NGHIỆP	
5. Các giai đoạn khởi nghiệp	- Nêu được các giai đoạn khởi nghiệp. - Trình bày được khái niệm, mục đích, ý nghĩa, vai trò của giai đoạn hình thành và đánh giá ý tưởng khởi nghiệp. - Trình bày được khái niệm, mục đích, ý nghĩa, nội dung của giai đoạn thực hiện ý tưởng khởi nghiệp - Trình bày được khái niệm, mục đích, ý nghĩa, nội dung của giai đoạn quản trị khởi nghiệp - Nêu và phân tích được mối quan hệ của 3 giai đoạn khởi nghiệp
6. Đánh giá ý tưởng khởi nghiệp	- Nêu được đặc điểm của ý tưởng khởi nghiệp. - Trình bày được các điều kiện, cách thức để hình thành và đề xuất ý tưởng khởi nghiệp. - Trình bày được quy trình đánh giá ý tưởng khởi nghiệp theo các tiêu chí (hiểu biết về ngành, nghề kinh doanh, kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, kỹ năng của người khởi nghiệp, khả năng thâm nhập thị trường, tính độc đáo của ý tưởng...). - Thực hành vận dụng được các kiến thức về ý tưởng khởi nghiệp để đề xuất và xây dựng được một ý tưởng khởi nghiệp phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân và điều kiện thực

	tế; đánh giá được ý tưởng khởi nghiệp của bản thân theo các tiêu chí đánh giá. - Có ý chí khát vọng và tinh thần khởi nghiệp. - Tin tưởng vào bản thân khi xây dựng ý tưởng khởi nghiệp để thực hiện.
7. Thực hiện ý tưởng khởi nghiệp: Nghiên cứu thị trường, lập kế hoạch marketing, xây dựng kế hoạch khởi nghiệp	- Nêu được những công việc cần thực hiện để triển khai được ý tưởng khởi nghiệp. - Trình bày được khái niệm thị trường, nghiên cứu thị trường và vai trò của thị trường đối với nền kinh tế. - Nêu được những yêu cầu và sự cần thiết của việc nghiên cứu thị trường đối với các doanh nghiệp. - Trình bày được các phương pháp nghiên cứu thị trường hiệu quả. - Trình bày được quy trình nghiên cứu thị trường (xác định mục tiêu, thu thập thông tin, phân tích và đánh giá dữ liệu, xác định khách hàng tiềm năng, phân tích đối thủ cạnh tranh, dự đoán thị trường trong tương lai và tổng hợp kết quả...). - Nêu được khái niệm, mục đích, vai trò, chức năng của marketing đối với doanh nghiệp và người tiêu dùng. - Nêu được vai trò, nội dung, quy trình xây dựng kế hoạch marketing. - Trình bày được mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc lập kế hoạch khởi nghiệp. - Mô tả được các nội dung chính của bản kế hoạch khởi nghiệp. - Nêu được quy trình xây dựng kế hoạch khởi nghiệp có tính khả thi. - Thực hành vận dụng được các kiến thức về thực hiện ý tưởng khởi nghiệp để xây dựng và thực hiện một kế hoạch khởi nghiệp phù hợp với năng lực của bản thân và điều kiện thực tế.

	- Thực hành rèn luyện và hình thành được các năng lực nghiên cứu thị trường, xây dựng và thực hiện kế hoạch marketing, kế hoạch khởi nghiệp; phẩm chất trách nhiệm trong việc thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. - Tự tin, chủ động trong việc thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Có khát vọng thành công trong việc thực hiện ý tưởng khởi nghiệp.
8. Quản trị khởi nghiệp: Nguồn vốn khởi nghiệp, quản trị tài chính, quản trị nhân sự	- Nêu được vai trò của vốn và các loại vốn cần thiết để khởi nghiệp (vốn đầu tư, vốn lưu động). - Trình bày được cách huy động và những biện pháp sử dụng nguồn vốn cho khởi nghiệp hiệu quả. - Nêu được các kỹ năng quản lý tài chính, quản lý nhân sự để khởi nghiệp thành công. - Nêu được mục tiêu, vai trò, các nguyên tắc, nội dung, các biện pháp quản lý tài chính đạt hiệu quả. - Nêu được vai trò, đặc điểm, các lĩnh vực, các biện pháp quản lý nhân sự hiệu quả trong quá trình khởi nghiệp. - Nêu được những khó khăn, rủi ro trong việc quản lý tài chính, quản lý nhân sự trong quá trình khởi nghiệp. - Trình bày được vai trò, cách thức giới thiệu sản phẩm, bán hàng trên nền tảng công nghệ số. - Thực hành vận dụng được các kiến thức về quản trị khởi nghiệp vào quá trình khởi nghiệp của bản thân. - Có ý thức rèn luyện, hình thành và phát triển năng lực quản lý tài chính, quản lý nhân sự, giới thiệu và quảng bá sản phẩm khởi nghiệp. - Có tinh thần dám nghĩ, dám làm, chủ động, sáng tạo trong quá trình khởi nghiệp.

Ghi chú: Startup là các doanh nghiệp mới thành lập, thường có quy mô nhỏ và đang trong giai đoạn thử nghiệm ý tưởng kinh doanh mới và độc đáo hơn so với các sản phẩm/dịch vụ hiện có trên thị trường. Khác với các doanh nghiệp truyền thống, Startup thường tập trung vào đổi mới, sáng tạo và áp dụng công nghệ hiện đại để giải quyết những vấn đề cụ thể trong thị trường. Mục tiêu chính của các Startup là tìm ra mô hình kinh doanh bền vững, có thể mở rộng nhanh chóng.

3. Hướng dẫn thực hiện Chương trình

3.1. Thời lượng

- Tổng thời lượng của lĩnh vực Giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp là 180 tiết, bao gồm: lý thuyết 86 tiết, thực hành 94 tiết (60 buổi, mỗi buổi 3 tiết). Trong đó, phần I: “Giáo dục hướng nghiệp” bao gồm 4 chủ đề, được thực hiện với thời lượng là 90 tiết (47 tiết lý thuyết và 43 tiết thực hành, tham quan, trải nghiệm) và phần II: “Giáo dục khởi nghiệp” bao gồm 2 chủ đề, được thực hiện với thời lượng 90 tiết (39 tiết lý thuyết và 51 tiết thực hành, tham quan, trải nghiệm). Chương trình không quy định số tiết và số buổi trong tuần, tháng và năm.

- Căn cứ vào nhu cầu và đối tượng HV và đội ngũ GV, hàng năm, các địa phương có thể tổ chức dạy toàn bộ nội dung của phần I và phần II, hoặc dạy từng nội dung phần I hoặc phần II cho phù hợp nhưng phải đảm bảo dạy trọn vẹn từng nội dung của lĩnh vực, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu cần đạt và thời lượng đã được quy định trong chương trình. Hàng năm, các cơ sở GDTX phải xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học lĩnh vực GDHN và GDKN tối thiểu là 30 tiết trở lên.

Tùy điều kiện thực tế của địa phương và đối tượng người học, các cơ sở giáo dục triển khai việc thực hiện các nội dung GDHN và GDKN sao cho phù hợp và hiệu quả. Cụ thể là:

+ Đối với nội dung phần I Giáo dục hướng nghiệp: có thể tổ chức dạy cho HV đang theo học tại các cơ sở GDTX, cơ sở giáo dục phổ thông và cha mẹ HV để giúp HV có kiến thức và kỹ năng lựa chọn được nghề nghiệp trong tương lai phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện kinh tế của gia đình.

+ Đối với nội dung phần II Giáo dục khởi nghiệp: có thể tổ chức cho đối tượng HV là thanh niên tại địa phương để giúp HV có kiến thức, kỹ năng đủ tự tin khẳng định bản thân, có thể tự khởi nghiệp để phát triển kinh tế, mang lại thu nhập cho bản thân, gia đình, người thân, góp phần phát triển đất nước.

3.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học

3.2.1. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

a) Đối với nội dung giáo dục hướng nghiệp

- Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nội dung GDHN đổi mới theo hướng tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, sở trường, nguyện vọng của bản thân. Khuyến khích GV sử dụng các PPDH kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực hành, tổ chức cho HV được tham gia trải nghiệm các nghề nghiệp trước khi

đưa ra lựa chọn nghề phù hợp với năng lực, sở thích của bản thân, điều kiện kinh tế của gia đình và nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức hướng nghiệp nhằm khơi gợi được sở thích, tính cách và tạo hứng thú cho HV, như: Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ nghề nghiệp với các chủ đề như: “Chọn nghề cho tương lai”, “Học nghề – Việc làm và lập nghiệp”...; Tổ chức tìm hiểu hoạt động nghề nghiệp của một số nghề phổ biến ở trường dạy nghề, địa phương hoặc cơ sở sản xuất; Triển lãm giới thiệu các sản phẩm do HV làm ra và các điển hình về học nghề, hành nghề giỏi; Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp thông qua các tiết học, chương trình hướng nghiệp v.v...

b) Đối với nội dung giáo dục khởi nghiệp

- GV sử dụng các PPDH cùng tham gia, tổ chức cho người học theo cấu trúc các nội dung của chương trình. Ngoài việc tổ chức dạy lý thuyết, GV cần kết hợp với trải nghiệm kinh doanh dưới các hình thức như: Câu lạc bộ doanh nhân, làm bài tập lớn về khởi nghiệp... Khuyến khích và hỗ trợ người học lập ra các hoạt động kinh doanh nhỏ, vừa sức để thực hiện các ý tưởng khởi nghiệp kinh doanh từ đơn giản đến các hoạt động phức tạp hơn như sản xuất và tiếp thị một sản phẩm/dịch vụ hoặc gia công sản xuất quần áo thể thao, thiệp mừng....

- Các ý tưởng kinh doanh do người học tự đề xuất. Người học sẽ tự tổ chức, đăng ký và hoạt động, lập ra các tài khoản để lúc kết thúc giai đoạn hạch toán, kiểm toán, người học sẽ tự quyết định về việc phân chia lãi và lợi ích từ kinh doanh. Đến cuối giai đoạn hạch toán, có thể giải thể doanh nghiệp hoặc bán cổ phần và cử ra một nhóm chỉ đạo mới.

- Đa dạng các hình thức tổ chức GDKN: thành lập Câu lạc bộ khởi nghiệp, kinh doanh để tổ chức tham quan các công ty, mời báo cáo viên về các chủ đề cần quan tâm, thảo luận trao đổi về các ý tưởng khởi nghiệp. Ở đây HV cũng sẽ là người tổ chức và vận hành hoạt động của câu lạc bộ, trong khi GV đóng vai trò là người hướng dẫn. Câu lạc bộ này hàng tháng tổ chức sinh hoạt các chuyên đề bàn về một vấn đề cụ thể: Ví dụ: bàn về xây dựng ý tưởng khởi nghiệp; cách thức để huy động vốn để khởi nghiệp; vấn đề phân tích thị trường và khách hàng để xây dựng kế hoạch kinh doanh.... Câu lạc bộ có thể mời các doanh nhân, những người thành đạt về sản xuất, kinh doanh đến nói chuyện về quá trình khởi nghiệp cũng như những thành công và bài học kinh doanh của mình cho HV.

- Tổ chức cuộc thi về ý tưởng khởi nghiệp kinh doanh hoặc hoạt động lồng ghép với trò chơi kinh doanh để tổ chức cuộc chơi (cuộc thi).

3.2.2. Đánh giá kết quả học tập

- Việc đánh giá kết quả học tập của HV đối với các chủ đề của lĩnh vực GDHN và GDKN phải căn cứ vào yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình nhằm động viên khuyến khích HV, giúp HV điều chỉnh cách học, bổ sung kiến thức; giúp GV thay đổi cách giảng dạy, hướng dẫn.

- Việc đánh giá kết quả học tập của HV là đánh giá năng lực vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tế cuộc sống và việc thay đổi thái độ, hành vi của HV. Kết hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá như làm bài trắc nghiệm, quan sát, làm sản phẩm thực hành, thực hiện dự án tìm hiểu nghề, thực hành xây dựng ý tưởng và kế hoạch khởi nghiệp của bản thân và các dự án khởi nghiệp.

- Sau khi học xong toàn bộ phần I (GDHN), GV có thể kiểm tra, đánh giá HV bằng phiếu trắc nghiệm hoặc bài thực hành yêu cầu xây dựng được một kế hoạch lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, trình độ bản thân, gia đình và xã hội.

- Sau khi học xong toàn bộ phần II (GDKN), GV có thể kiểm tra, đánh giá HV bằng bài thực hành xây dựng ý tưởng và kế hoạch khởi nghiệp hoặc xây dựng một dự án khởi nghiệp phù hợp và đảm bảo tính khả thi trong thực tế.

Bài kiểm tra được đánh giá theo hình thức Đạt và Chưa đạt. Xếp loại Đạt nếu HV thực hiện được 50% yêu cầu cần đạt của chủ đề theo các phần trở lên.

3.3. Điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

- Đội ngũ GV: là các giảng viên đại học, GV phổ thông, chuyên gia, doanh nhân,... có hiểu biết về các lĩnh vực GDHN, GDKN và có kinh nghiệm trong các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cộng đồng.

- Cơ sở vật chất: đảm bảo cho việc tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và khởi nghiệp. Tùy vào quy mô và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục để đảm bảo bố trí phòng học cho phù hợp với nội dung của chủ đề và quy mô của lớp học. Có thể tổ chức tại các nhà trường hoặc tổ chức tại các hội trường của phường/xã, nhà văn hóa, các mô hình khởi nghiệp theo các lĩnh vực khởi nghiệp của địa phương.

- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, tivi, video, các bài giảng phục vụ cho việc dạy học.

- Tài liệu: Bao gồm những tài liệu trong lĩnh vực hướng nghiệp, khởi nghiệp đã được biên soạn và phê duyệt (trong danh mục tài liệu tham khảo); các mô hình kinh doanh; các câu chuyện và tấm gương tiêu biểu về khởi nghiệp thành công.

CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ KHỞI NGHIỆP

I. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP

1. Mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch

Kế hoạch GDHN và GDKN của cơ sở GDTX là bản định hướng chi tiết về các hoạt động dạy học, đào tạo, bồi dưỡng cho HV của các cơ sở GDTX và người dân trong cộng đồng về hướng nghiệp và khởi nghiệp, được xây dựng phù hợp với nhu cầu thực tế địa phương, đối tượng học tập và mục tiêu giáo dục.

Việc xây dựng kế hoạch GDHN và GDKN là rất cần thiết và quan trọng đối với các cơ sở GDTX vì đây là văn bản định hướng, quản lý và điều hành hoạt động giáo dục, trong đó thể hiện rõ:

- Mục tiêu, nội dung, chương trình, thời gian, hình thức và phương pháp tổ chức các hoạt động GDHN và GDKN.
- Phân công GV, cơ sở vật chất và nguồn lực.
- Lịch trình tổ chức các chủ đề/nội dung, hoạt động GDHN và GDKN.

Kế hoạch GDHN và GDKN phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn, yêu cầu của người học ở từng cơ sở GDTX và thực hiện được mục tiêu, các yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình GDHN và GDKN. Do đó, việc xây dựng kế hoạch GDHN và GDKN không chỉ giúp các cơ sở GDTX chủ động trong việc triển khai các chủ đề, nội dung giáo dục phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu của người học mà còn đảm bảo sự thống nhất, khoa học, hiệu quả trong việc tổ chức các chủ đề về hướng nghiệp, khởi nghiệp, đồng thời giúp các cơ sở GDTX huy động được các nguồn lực cần thiết trong quá trình triển khai kế hoạch. Trên cơ sở đó, đáp ứng kịp thời yêu cầu học tập của người học cũng như người dân trong cộng đồng.

2. Căn cứ xây dựng kế hoạch

a) Mục tiêu của chương trình GDTX về hướng nghiệp và khởi nghiệp

Mục tiêu bao gồm mục tiêu chung về năng lực, phẩm chất và các yêu cầu cần đạt của mỗi chủ đề, nội dung chính quy định trong chương trình.

b) Chủ trương, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, qua các văn bản sau:

- Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, lĩnh vực giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp.

- Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học đối với cơ sở GDTX.
- Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp, khởi nghiệp trong các cơ sở GDTX.
- Kế hoạch hoạt động chung theo năm của Ban Văn hóa- Xã hội xã/ phường đối với các cơ sở GDTX.

c) Đặc điểm của cơ sở GDTX, bao gồm:

- Loại hình hoạt động của cơ sở giáo dục: là cơ sở giáo dục hoạt động theo năm học (như Trung tâm GDNN-GDTX, Trung tâm GDTX) hoặc hoạt động không theo năm học (như Trung tâm Học tập cộng đồng).
- Quy mô và đặc điểm người học (HV học chương trình GDTX cấp THCS và THPT, HV học song bằng; HV học nghề; người dân địa phương; cha mẹ HV...).
- Nguồn lực đội ngũ tổ chức thực hiện chương trình (GV cơ hữu, GV kiêm nhiệm, cộng tác viên, báo cáo viên tại địa phương, chuyên gia hỗ trợ, thành viên cộng đồng cùng tham gia...).
- Cơ sở vật chất, phòng học chức năng, thư viện, khả năng tổ chức hoạt động cộng đồng.

d) Đặc điểm, nhu cầu của người học và điều kiện thực hiện

- Đặc điểm của chương trình: kiến thức dễ hiểu, ít ràng buộc nhau nên có thể không cần dạy học theo trình tự nội dung trong chương trình và theo đúng mạch nội dung của chương trình trong từng năm học. GV có thể dạy toàn bộ chương trình hướng nghiệp hoặc khởi nghiệp hoặc lựa chọn một số nội dung chính, phù hợp với điều kiện, năng lực nhận thức của HV và thời lượng cho phép để xây dựng kế hoạch cho từng năm học, từng giai đoạn.
- Đặc điểm của người học: là người lớn, có độ tuổi từ 15 trở lên. Đặc điểm tâm sinh lý khác nhau, điều kiện kinh tế khác nhau, trình độ học vấn khác nhau (hoàn thành chương trình THCS, THPT,...); có thể chưa có công ăn việc làm, chưa có nghề nghiệp ổn định; chưa lựa chọn được ngành nghề, lĩnh vực phù hợp hoặc chưa biết cách lựa chọn nghề nghiệp, cách khởi nghiệp v.v...
- Nhu cầu thực tế của người học về giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp (thông qua khảo sát, thăm dò ý kiến của cơ sở GDTX); các vấn đề ưu tiên của cơ sở GDTX và của địa phương; hình thức tham gia học tập mà người học mong muốn (Học chuyên đề; sinh hoạt câu lạc bộ; chia sẻ, thảo luận giữa các người học trong cộng đồng...); điều kiện về thời gian tham gia, thời lượng các buổi học.

- Điều kiện thực hiện chương trình: Không có trường, lớp cụ thể, đầy đủ nên quá trình dạy học có thể thực hiện ở cơ sở GDTX; hoặc thuê, mượn phòng học ở trường phổ thông; hoặc có thể tổ chức tại các hội trường, nhà văn hóa của phường/xã, nhà Sinh hoạt cộng đồng; hoặc có thể tổ chức tại thực địa, doanh nghiệp tại địa phương v.v...

d) Nguồn lực cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đội ngũ GV

- Nguồn lực CSVC, thiết bị dạy học của từng cơ sở GDTX, từng địa phương rất khác nhau. Vì vậy, khi lập KHGD, cần tìm hiểu và đánh giá cụ thể nguồn lực CSVC, thiết bị dạy học hiện có và có thể trang bị mới để xây dựng KHGD cho phù hợp.

- Đội ngũ GV tùy thuộc vào địa phương, có thể là chuyên gia, tư vấn viên, GV phổ thông, doanh nhân, người sản xuất giỏi,... có kiến thức nhất định về hướng nghiệp và khởi nghiệp. Mỗi địa phương, tùy điều kiện có thể lập một nhóm GV để trao đổi, hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện chương trình.

e) Chương trình, nguồn tài liệu và học liệu

- Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu người học, lĩnh vực Giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp đã được Bộ GDĐT phê duyệt,

- Tài liệu tham khảo của Bộ GDĐT, của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ hoặc cơ quan khác (tham khảo danh mục Tài liệu tham khảo ở cuối tài liệu). GV cần tìm đọc các tài liệu tham khảo để có tài liệu phát tay, tài liệu nguồn, phiếu trắc nghiệm,... phát cho HV hoặc lập nhóm zalo để cung cấp một số thông tin cần thiết cho HV trước khi tổ chức thực hiện chủ đề/ bài học thay cho việc in và phát tay tài liệu cho HV.

- Nguồn học liệu mở, video clip, tư liệu khác ... từ internet, sách, báo tham khảo.

g) Sự phối hợp của các cơ quan, đoàn thể và cộng đồng địa phương

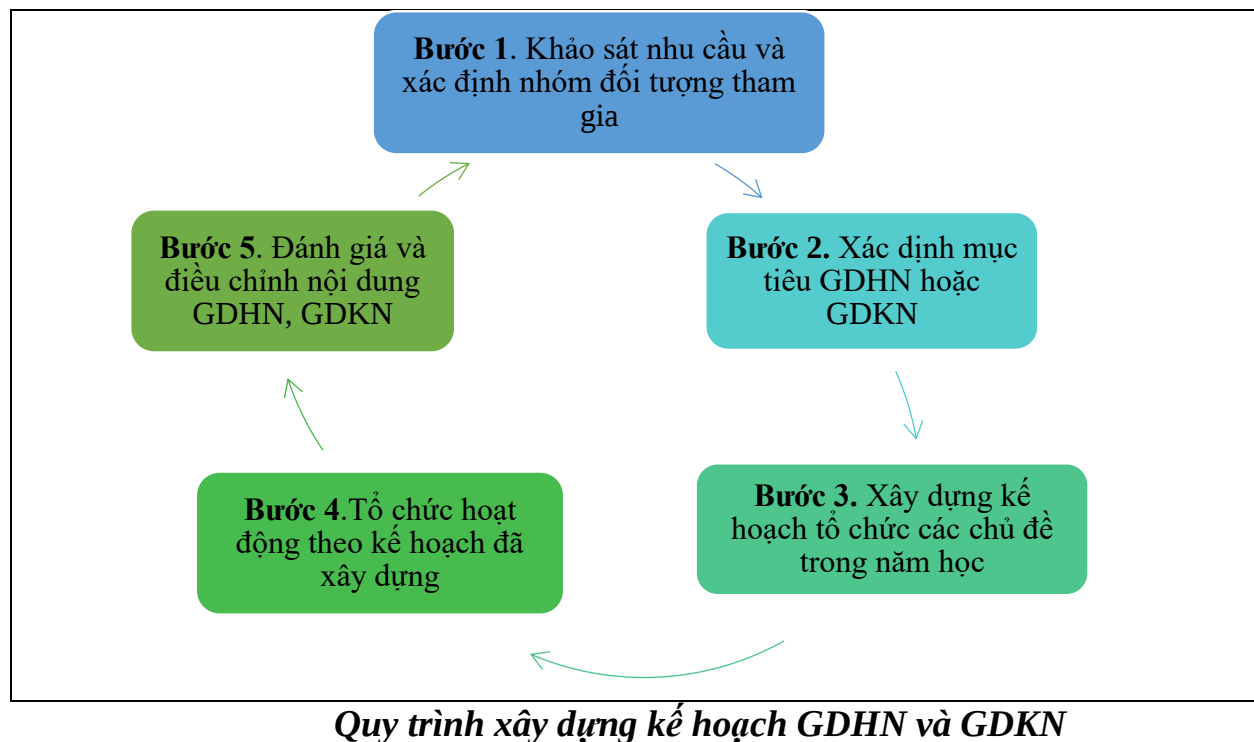
Tùy thuộc vào nội dung cụ thể về GDHN hoặc GDKN dự định tổ chức, cơ sở GDTX có thể liên hệ và phối hợp với các cơ quan, đoàn thể khác của địa phương tham gia GDHN, GDKN, như:

- Các ban ngành thuộc chính quyền địa phương.
- Các tổ chức đoàn thể như Hội phụ nữ; Đoàn thanh niên; Hội khuyến học...
- Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất – kinh doanh tại địa phương.
- Các cơ sở giáo dục chính quy và cơ sở GDTX khác.

3. Quy trình xây dựng kế hoạch năm học

Tùy theo chức năng, nhiệm vụ và loại hình của mỗi cơ sở GDTX, kế hoạch giáo dục sẽ khác nhau về các chủ đề được lựa chọn, thời điểm tổ chức, hình thức, phương

pháp tổ chức, đối tượng tham gia học tập và các đơn vị, cá nhân phối hợp thực hiện. Để xây dựng được kế hoạch GDHN và GDKN đáp ứng yêu cầu người học, các cơ sở GDTX có thể xây dựng kế hoạch năm học theo quy trình gợi ý dưới đây:



Bước 1. Khảo sát nhu cầu và xác định nhóm đối tượng tham gia

Đây là kế hoạch giáo dục đáp ứng yêu cầu người học. Vì vậy, công việc cần làm đầu tiên khi xây dựng kế hoạch GDHN và GDKN là xác định nhóm đối tượng tham gia và khảo sát nhu cầu học tập của họ.

- Xác định nhóm đối tượng tham gia là ai trong những nhóm đối tượng sau: HV tại các Trung tâm GDTX hay Trung tâm GDNN- GDTX; thanh niên, lao động tự do; người có nhu cầu chuyển đổi công việc/di cư; phụ nữ; cha mẹ ; người dân trong cộng đồng,...

- Tổ chức khảo sát yêu cầu học tập bằng phiếu hỏi, phỏng vấn nhanh, thảo luận nhóm, hoặc các công cụ khảo sát khác.

Bước 2. Xác định mục tiêu GDHN hoặc GDKN

Mục tiêu của Kế hoạch GDHN và GDKN trong năm được xác định căn cứ vào:

- Nhu cầu của nhóm đối tượng tham gia.
- Mục tiêu của từng lĩnh vực, từng chủ đề trong chương trình GDHN và GDKN.
- Yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- Nguồn lực của cơ sở GDTX.

Bước 3. Xây dựng kế hoạch tổ chức các chủ đề trong năm học

Trong kế hoạch, cần thể hiện được:

- Đối tượng tham gia.
- Các chủ đề/nội dung và mục tiêu về năng lực, phẩm chất cần đạt được của mỗi chủ đề/nội dung cụ thể. Mục tiêu được xác định dựa vào yêu cầu cần đạt của từng chủ đề/nội dung trong chương trình. Nội dung giáo dục cần đảm bảo đáp ứng nhu cầu người học và thực tiễn địa phương.
- Thời gian, địa điểm, thời lượng dành cho từng chủ đề, nội dung. Việc tổ chức dạy học các nội dung trong chương trình giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp cho HV ở các cơ sở GDTX thường được thực hiện theo buổi, mỗi buổi 3 tiết.
- Hình thức, phương pháp tổ chức.
- GV phụ trách và người/ đơn vị phối hợp.
- Điều kiện tổ chức thực hiện.

Bước 4. Tổ chức hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng

Trong quá trình triển khai kế hoạch, tùy theo tình hình cụ thể ở từng thời điểm, cơ sở GDTX có thể điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp nhằm đạt được mục tiêu đã xác định; tăng cường sử dụng các hình thức và PPDH tích cực như thảo luận nhóm, xử lý tình huống, đóng vai, dự án học tập, lớp học đảo ngược... nhằm tạo hứng thú học tập, khuyến khích sự tham gia và huy động tối đa kinh nghiệm, trải nghiệm của người học.

Bước 5. Đánh giá và điều chỉnh nội dung GDHN, GDKN

Trong quá trình tổ chức thực hiện các chủ đề/bài học theo kế hoạch, cần tiến hành đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng kết vào cuối đợt. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện bằng nhiều phương pháp khác nhau như quan sát, kiểm tra viết, kiểm tra vấn đáp, làm sản phẩm thực hành, thực hiện dự án học tập. Hình thức tổ chức KTĐG được thực hiện linh hoạt tùy điều kiện thực tế và nội dung của từng chủ đề, từng phần, nhưng phải bám sát các yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình.

Dựa vào kết quả KTĐG, cơ sở GDTX tiến hành điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế nội dung, điều chỉnh phương pháp, hình thức tổ chức cho kế hoạch GDHN và GDKN của năm sau cho phù hợp, khả thi và hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch GDHN và GDKN minh họa

- Đối tượng tham gia: HV lớp 10 - Trung tâm GDTX.
- Nhu cầu học tập: GDHN để có định hướng nghề nghiệp.
- Nội dung học tập: Chủ đề 1, chủ đề 2 - Phần Giáo dục hướng nghiệp.

Kế hoạch cụ thể:

Thời gian	Nội dung cụ thể	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Địa điểm, phương tiện hỗ trợ, hình thức học tập	Người phụ trách và người phối hợp	Ghi chú
Chủ đề 1. Một số vấn đề chung về hướng nghiệp và GDHN (12 tiết)						
Tháng 9	1. Khái quát chung về hướng nghiệp và GDHN	- Nêu được một số khái niệm: hướng nghiệp, GDHN, tư vấn định hướng nghề nghiệp, phân luồng, nghề nghiệp. - Trình bày được mục đích, ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của GDHN, tư vấn định hướng nghề nghiệp đối với việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai của HV. - Liên hệ được thực trạng về hướng nghiệp và GDHN tại địa phương. - Vận dụng được những hiểu biết chung về hướng nghiệp và GDHN để định hướng nghề nghiệp cho bản thân. - Hình thành, phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp; năng lực giao tiếp, hợp tác qua các hoạt động nhóm trong quá trình học tập. - Rèn luyện phẩm chất tự tin, trách nhiệm trong việc định hướng nghề nghiệp cho bản thân.	3	-Lớp học -Tài liệu nguồn - Máy tính + máy chiếu hoặc ti vi (nếu có) - Hình thức: Làm việc cá nhân, nhóm (thảo luận, chia sẻ trong nhóm) và trao đổi trong lớp học	GV Nguyễn Văn Minh	
Tháng 10	2. Các năng lực	- Nêu và trình bày được các năng lực hướng nghiệp HV cần có để ra quyết định lựa chọn	3	- Lớp học - Tài liệu nguồn; bảng	GV Nguyễn	

	hướng nghiệp cần có của HV	nghề nghiệp vừa phù hợp với sở thích, hứng thú cá nhân, năng lực bản thân, vừa phù hợp với nhu cầu lao động của xã hội. - Vận dụng được hiểu biết về các năng lực hướng nghiệp vào việc rèn luyện để hình thành, phát triển năng lực nhận thức bản thân, năng lực nhận thức nghề nghiệp, năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch nghề nghiệp. -Phát triển phẩm chất tự tin, trách nhiệm trong việc rèn luyện các năng lực hướng nghiệp cho bản thân.		mô tả các năng lực hướng nghiệp cần có - Máy tính + máy chiếu hoặc ti vi (nếu có) -Hình thức: Làm việc cá nhân, nhóm (thảo luận, chia sẻ trong nhóm) và trao đổi trong lớp học	Văn Minh	
Tháng 11	3. Cách thức, con đường GDHN	- Kể được tên các con đường GDHN. - Trình bày được vai trò, nội dung và cách thức thực hiện từng con đường GDHN. - Vận dụng được những hiểu biết về các con đường GDHN vào việc rèn luyện những năng lực, phẩm chất cần thiết theo yêu cầu của định hướng nghề nghiệp tương lai. - Hình thành, phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp. - Chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động của các con đường GDHN. - Tự chủ, trách nhiệm trong việc rèn luyện các năng lực, phẩm	6	- Lớp học - Tài liệu nguồn - Máy tính + máy chiếu hoặc ti vi (nếu có) - Hình thức: Làm việc cá nhân, nhóm (thảo luận, chia sẻ trong nhóm) và trao đổi trong lớp học	GV Nguyễn Văn Minh	

		chất cần thiết theo yêu cầu của định hướng nghề nghiệp tương lai.				
Chủ đề 2. Một số lý thuyết hướng nghiệp (18 tiết)						
Tháng 12	1. Quy trình hướng nghiệp	- Trình bày được nội dung cơ bản, ý nghĩa, cách thức thực hiện quy trình hướng nghiệp. - Vận dụng được những hiểu biết về quy trình hướng nghiệp vào việc xây dựng và phát triển nhận thức bản thân, xây dựng và phát triển năng lực lập, thực hiện kế hoạch nghề nghiệp. - Thực hành được việc xây dựng các năng lực nghề nghiệp và kế hoạch nghề nghiệp của bản thân. - Hình thành, phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp. - Rèn luyện phẩm chất tự chủ, trách nhiệm trong việc thực hiện quy trình hướng nghiệp.	3	- Lớp học - Tài liệu nguồn, Sơ đồ Quy trình hướng nghiệp - Máy tính + máy chiếu hoặc ti vi (nếu có) - Hình thức: Làm việc cá nhân, nhóm (thảo luận, chia sẻ trong nhóm) và trao đổi trong lớp	GV Lê Thị Hồng	
Tháng 1	2. Lý thuyết cây nghề nghiệp	- Trình bày được nội dung cơ bản, ý nghĩa, cách thức áp dụng Lý thuyết cây nghề nghiệp vào việc nhận thức của bản thân về chọn nghề và sự phù hợp nghề. - Vận dụng được những hiểu biết về Lý thuyết cây nghề nghiệp để nhận thức sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp của bản thân và cách thức chọn nghề phù hợp. - Thực hành trải nghiệm Lý thuyết cây nghề nghiệp để chọn	3	-Lớp học -Tài liệu nguồn, Tranh: Mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp. - Máy tính + máy chiếu hoặc ti vi (nếu có) - Hình thức:	GV Lê Thị Hồng	

		nghề phù hợp với năng lực của bản thân. - Hình thành, phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp. - Rèn luyện phẩm chất tự chủ, trách nhiệm trong việc chọn nghề dựa vào sở thích, khả năng, tính cách và giá trị nghề nghiệp của bản thân.		Làm việc cá nhân, nhóm (thảo luận, chia sẻ trong nhóm) và trao đổi trong lớp		
Tháng 2	3. Lý thuyết mật mã Holland	- Trình bày được nội dung cơ bản, ý nghĩa, cách thức áp dụng Lý thuyết mật mã Holland vào việc nhận thức bản thân để chọn nghề phù hợp. - Vận dụng được những hiểu biết về Lý thuyết mật mã Holland để nhận thức bản thân và xác định mối tương quan giữa các đặc điểm của bản thân với đặc điểm nghề để chọn nghề phù hợp. - Thực hành trải nghiệm Lý thuyết mật mã Holland để chọn nghề phù hợp với đặc điểm của bản thân. - Hình thành, phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp - Rèn luyện phẩm chất tự chủ, trách nhiệm trong việc chọn nghề dựa vào kết quả trắc nghiệm theo lý thuyết mật mã Holland.	3	- Lớp học - Tài liệu nguồn, tranh: Các nhóm sở thích và Phiếu trắc nghiệm sở thích theo lý thuyết mật mã Holland - Máy tính + máy chiếu hoặc ti vi (nếu có) - Hình thức: Làm việc cá nhân, nhóm (thảo luận, chia sẻ trong nhóm) và trao đổi trong lớp	GV Hoàng Văn Bách	
Tháng 3	4. Lý thuyết phát triển	- Trình bày được nội dung cơ bản, ý nghĩa, cách thức áp dụng Lý thuyết phát triển nghề nghiệp	3	- Lớp học - Tài liệu nguồn, tranh: Mô	GV Hoàng Văn Bách	

	nghề nghiệp theo các giai đoạn	theo các giai đoạn của cuộc đời vào định hướng nghề nghiệp . - Vận dụng được những hiểu biết về Lý thuyết phát triển nghề nghiệp theo các giai đoạn của cuộc đời vào việc tìm hiểu vai trò của nghề nghiệp và sự tương tác giữa vai trò của nghề nghiệp với các vai trò khác trong cuộc sống của bản thân. - Có khả năng thích ứng với những tác động từ môi trường đối với việc lựa chọn và quyết định nghề nghiệp. - Hình thành, phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp. - Rèn luyện phẩm chất tự chủ, trách nhiệm trong việc định hướng nghề nghiệp.		hình phát triển nghề nghiệp theo các giai đoạn - Máy tính + máy chiếu hoặc ti vi (nếu có) - Hình thức: Làm việc cá nhân, nhóm (thảo luận, chia sẻ trong nhóm) và trao đổi trong lớp		
Tháng 4	5. Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch, lý thuyết vị trí điều khiển	- Trình bày được nội dung cơ bản, ý nghĩa, cách thức áp dụng Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch, Lý thuyết vị trí điều khiển vào việc định hướng nghề nghiệp. - Vận dụng được những hiểu biết về Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch, Lý thuyết vị trí điều khiển để tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định nghề nghiệp của bản thân. - Chủ động, tự tin tham gia các hoạt động, rèn luyện để tạo ra những “may mắn”, “tiềm năng” cho hoạt động nghề nghiệp tương lai.	3	- Lớp học - Tài liệu nguồn, tranh mô tả Lý thuyết ngẫu nhiên có kế hoạch và lý thuyết vị trí điều khiển - Máy tính + máy chiếu hoặc ti vi (nếu có) - Hình thức: Làm việc cá nhân, nhóm (thảo luận,	GV Võ Thị Hồng Nga	

		- Hình thành, phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp. - Rèn luyện phẩm chất tự chủ, trách nhiệm trong việc định hướng nghề nghiệp.		chia sẻ trong nhóm) và trao đổi trong lớp		
Tháng 5	6. Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết mô hình lập kế hoạch nghề nghiệp	- Trình bày được nội dung cơ bản, ý nghĩa, cách thức áp dụng Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết mô hình lập kế hoạch nghề nghiệp vào GDHN. - Vận dụng được những hiểu biết về Lý thuyết hệ thống, Lý thuyết mô hình lập kế hoạch nghề nghiệp để tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng tới định hướng, quyết định nghề nghiệp của bản thân và các bước đi cần thiết để đến được với nghề bản thân yêu thích, muốn chọn. - Hình thành, phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp. - Rèn luyện phẩm chất tự chủ, trách nhiệm trong việc định hướng nghề nghiệp.	3	- Lớp học - Tài liệu nguồn, tranh mô tả Lý thuyết hệ thống và lý thuyết mô hình lập kế hoạch nghề nghiệp - Máy tính + máy chiếu hoặc ti vi (nếu có) - Hình thức: Làm việc cá nhân, nhóm (thảo luận, chia sẻ trong nhóm) và trao đổi trong lớp	GV Võ Thị Hồng Nga	

II. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

1. Mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch bài dạy

Kế hoạch bài dạy (KHBD), trước đây gọi là giáo án, là bản thiết kế chi tiết mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, các điều kiện thực hiện và các hoạt động nhằm tổ chức thành công một bài học, một chủ đề hoặc nội dung cụ thể.

Việc xây dựng/thiết kế KHBD giúp GV chủ động trong việc tổ chức các hoạt động học tập, đảm bảo thực hiện được các mục tiêu, nội dung giáo dục phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của người học. Việc xây dựng KHBD một cách khoa học, hợp lý

còn tác động tích cực tới người học, làm cho người học hứng thú, chủ động tham gia vào các hoạt động do GV thiết kế và tổ chức.

KHBD thường bao gồm một số nội dung chính sau:

- Mục tiêu.

- Thiết bị dạy học và học liệu.

- Hướng dẫn tổ chức dạy học: Chủ yếu hướng dẫn tổ chức các hoạt động trong bài học theo chu trình học qua trải nghiệm: Khám phá => Luyện tập/Thực hành => Vận dụng.

- Kiểm tra đánh giá cuối bài học.

2. Những căn cứ để xây dựng kế hoạch bài dạy

- *Mục tiêu, nội dung chương trình GDHN và GDKN*: Trong chương trình quy định cụ thể các chủ đề, nội dung, yêu cầu cần đạt và thời lượng dành cho từng chủ đề, nội dung. Đây là căn cứ quan trọng mà mỗi GV cần nghiên cứu kỹ để chuyển hóa yêu cầu cần đạt thành các mục tiêu về năng lực, phẩm chất của bài học/chủ đề, từ đó xác định các nội dung hoạt động, các phương tiện, học liệu cần thiết để đưa vào KHBD.

- *Nhu cầu học tập và đặc điểm của người học*: Như trên đã nêu, đối tượng tham gia chương trình GDHN và GDKN rất khác nhau nên nhu cầu học tập, trình độ và khả năng nhận thức của họ cũng khác nhau. Vì vậy, khi xây dựng KHBD, GV cần dựa vào kết quả khảo sát đối tượng tham gia học tập khi lập kế hoạch năm học, đồng thời tìm hiểu để hiểu rõ hơn về đối tượng học tập tại thời điểm lập KHBD, từ đó xác định các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học sao cho phù hợp với đối tượng học tập.

- *Khả năng, trình độ của GV tổ chức thực hiện bài học/ chủ đề trong chương trình*. GV là người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động được thiết kế trong KHBD. Mức độ đạt được mục tiêu và hứng thú học tập của người học liên quan chặt chẽ với khả năng, trình độ của GV. Điều này đòi hỏi các nội dung học tập, các phương pháp, hình thức dạy học được thiết kế trong KHBD phải phù hợp với khả năng, trình độ của GV, đồng thời đòi hỏi GV phải thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của GDHN và GDKN.

- *Những trải nghiệm, kinh nghiệm thực tế của người học*. Tiến trình tổ chức hoạt động GDHN và GDKN được thiết kế theo chu trình học qua trải nghiệm, trong đó có bước khám phá những kiến thức, kinh nghiệm đã có của người học và kết nối, hình thành kiến thức mới dựa trên kiến thức, kinh nghiệm đã có. Vì vậy, biết được những

trải nghiệm, kinh nghiệm thực tế của người học là rất cần thiết để GV thiết kế các hoạt động Khám phá.

- *Điều kiện thực tế và nhu cầu lao động của địa phương.* Đây là căn cứ cần thiết mà mỗi GV cần tìm hiểu và hiểu rõ để liên hệ thực tế khi triển khai các hoạt động cụ thể và thiết kế các nhiệm vụ thực hành, vận dụng cho phù hợp.

- *Điều kiện về CSVC, phương tiện dạy học, tài liệu, học liệu của cơ sở GDTX.* Đây là những điều kiện cần thiết để tổ chức thực hiện các hoạt động đạt mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, các điều kiện này ở các cơ sở GDTX rất khác nhau và còn nhiều khó khăn. Điều này đòi hỏi GV phải linh hoạt, sáng tạo khi thiết kế các hoạt động nhằm khai thác tối đa các điều kiện hiện có và đáp ứng được yêu cầu triển khai mỗi hoạt động trong bài học/chủ đề.

3. Quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy

Để xây dựng kế hoạch bài dạy đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, khả thi, GV cần thiết kế KHBD theo các bước gợi ý sau:

Bước 1. Xác định mục tiêu bài dạy để biết được “đích” HV cần đạt được sau khi tham gia bài học/chủ đề. Mục tiêu bài dạy được xác định trên cơ sở cụ thể hóa yêu cầu cần đạt của bài học/chủ đề quy định trong chương trình và được trình bày theo năng lực và phẩm chất.

Bước 2. Xác định các nội dung cần thực hiện để đạt được mục tiêu bài dạy. Các nội dung bài dạy được xác định dựa trên mục tiêu đã xác định, nhu cầu và đặc điểm của người học, điều kiện thực tiễn của địa phương. GV sử dụng các tài liệu trong danh mục tài liệu tham khảo ở cuối tài liệu kết hợp với tra cứu các thông tin cập nhật liên quan tới nội dung bài học (mạng Internet, sách, báo...) để xây dựng các nội dung chi tiết, cụ thể của bài học.

Bước 3. Xác định các phương tiện, học liệu cần có để tổ chức các hoạt động theo nội dung đã xác định nhằm đạt được mục tiêu bài dạy. Đây là công cụ hết sức cần thiết để triển khai các hoạt động hiệu quả. GV cần căn cứ vào nội dung bài dạy, điều kiện thực có của cơ sở GDTX, của địa phương và khả năng của GV, HV để xác định các phương tiện, học liệu cần thiết và phù hợp với điều kiện thực tế.

Bước 4. Thiết kế các hoạt động theo tiến trình bài học. Các bài học về GDHN và GDKN được thực hiện theo lý thuyết học tập trải nghiệm áp dụng vào hoạt động giáo dục. Theo đó, tiến trình dạy học các bài học về GDHN và GDKN sẽ được thiết kế theo trình tự:

A. **KHỞI ĐỘNG**: GV thiết kế hoạt động như trò chơi, đố vui hoặc nêu vấn đề trong thực tiễn và yêu cầu người học đưa ra cách giải quyết. Thông qua đó, tạo hứng thú, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới cho người học.

B. **KHÁM PHÁ** (tương ứng với bước Hình thành kiến thức mới/Giải quyết vấn đề trong tiến trình dạy học ở giáo dục phổ thông): GV thiết kế các hoạt động nhằm tổ chức HV khám phá các kiến thức mới của bài học và kết nối những kiến thức, kinh nghiệm đã có để hình thành kiến thức, kinh nghiệm mới.

C. **THỰC HÀNH/LUYỆN TẬP**: GV thiết kế các hoạt động để HV thực hành nhằm hình thành kỹ năng hoặc luyện tập để củng cố kiến thức, kinh nghiệm mới, phát triển kỹ năng. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm kiến thức, kinh nghiệm mới.

D. **VẬN DỤNG**: Hoạt động được tổ chức sau giờ học, ở ngoài lớp học (gia đình, cộng đồng, xã hội). GV thiết kế các nhiệm vụ để HV có cơ hội vận dụng kiến thức, kinh nghiệm mới vào việc giải quyết vấn đề trong thực tiễn. Qua đó, rèn luyện kỹ năng, năng lực và phẩm chất cần thiết theo mục tiêu bài học.

Bước 5. Kiểm tra, đánh giá sau bài học. GV thiết kế các câu hỏi kiểm tra (tự luận, trắc nghiệm) hoặc làm sản phẩm thực hành. Thông qua đó, GV biết được mức độ đạt được mục tiêu bài học của HV và có cơ sở để điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động ở các bài học tiếp theo cho phù hợp hơn.

4. Xây dựng kế hoạch bài dạy

4.1. Khung kế hoạch bài dạy

Tên chủ đề/bài học: Thời lượng thực hiện: (số tiết). I. MỤC TIÊU 1. Năng lực, bao gồm năng lực nhận thức (tìm hiểu những kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết để định hướng nghề nghiệp); năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào việc định hướng nghề nghiệp; năng lực định hướng nghề nghiệp. 2. Phẩm chất II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU 1. Chuẩn bị của GV 2. Chuẩn bị của HV III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC: Thực hiện theo chu trình học qua trải nghiệm. A. KHỞI ĐỘNG B. KHÁM PHÁ: Được thực hiện qua một hoặc một số hoạt động.

C. THỰC HÀNH/ LUYỆN TẬP: Được thực hiện qua một số hoạt động.

D. VẬN DỤNG

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ: Gợi ý các câu hỏi, đề kiểm tra đánh giá sau mỗi bài học.

V. PHỤ LỤC: Bao gồm các thông tin nguồn, bài tập cần có để cung cấp cho HV và tổ chức dạy học đạt mục tiêu của bài học.

4.2. Hướng dẫn xây dựng nội dung các mục trong Kế hoạch bài dạy.

4.2.1. Hướng dẫn xây dựng nội dung mục “I. Mục tiêu”

a) Cấu trúc:

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực
2. Phẩm chất

b) Nội dung:

Mục tiêu bài học được xác định theo yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình, được thể hiện mức độ cần đạt về năng lực và phẩm chất.

Về năng lực, GV dựa vào yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình để nêu cụ thể những kiến thức, năng lực HV cần đạt được sau khi tham gia bài học và được diễn đạt bằng những động từ xác định ở đầu câu để có cơ sở xây dựng tiêu chí đánh giá, như: Nêu được..., Trình bày được..., Chỉ ra được..., Phân tích được..., Vận dụng được..., Làm được....

Về phẩm chất: nêu cụ thể những hành vi, thái độ, phẩm chất HV cần đạt được sau khi tham gia bài học.

4.2.2. Hướng dẫn xây dựng nội dung mục “II. Thiết bị dạy học và học liệu”

a) Cấu trúc:

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV.
2. Chuẩn bị của HV.

b) Nội dung:

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HV hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp). Trong KHBD, mục này trình bày rõ GV cần chuẩn bị gì, HV cần chuẩn bị gì để thực hiện các hoạt động nhằm đạt được mục tiêu của từng hoạt động và mục tiêu bài học.

4.2.3. Hướng dẫn xây dựng nội dung mục “III. Tiến trình tổ chức dạy học”

a) Cấu trúc:

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu.
2. Tổ chức thực hiện.

B. KHÁM PHÁ

Số hoạt động tùy theo mục tiêu và cấu trúc nội dung bài học.

Hoạt động 1: Tìm hiểu/Khám phá/... (nội dung 1 của bài).

1. Mục tiêu
2. Tổ chức thực hiện
3. Kết luận hoạt động 1

Hoạt động 2: Tìm hiểu/Khám phá/... (nội dung 2 của bài).

1. Mục tiêu
2. Tổ chức thực hiện
3. Kết luận hoạt động 2

Hoạt động 3: Tìm hiểu/Khám phá/... (nội dung 3 của bài).

1. Mục tiêu
2. Tổ chức thực hiện
3. Kết luận hoạt động 3

C. LUYỆN TẬP/THỰC HÀNH

1. Mục tiêu.
2. Tổ chức thực hiện.

D. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu.
2. Tổ chức thực hiện.

b) Nội dung tiến trình dạy học:

Đây là nội dung chính của KHBD. Trong phần này, GV thiết kế các hoạt động và thể hiện các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức dạy học khi tổ chức từng hoạt động theo tiến trình dạy học.

A. KHỞI ĐỘNG: Mang tính chất đặt vấn đề, mở bài. GV sử dụng câu chuyện, tình huống, đặt câu hỏi,... để HV vận dụng kiến thức đã học, hiểu biết thực tiễn để giải quyết nhưng thường gặp khó khăn, không thể giải quyết trọng vẹn,... Qua đó, HV có

tâm thế hào hứng, muốn nghiên cứu bài học để giải quyết trọn vẹn vấn đề do GV đặt ra.

B. KHÁM PHÁ: Bao gồm các hoạt động tìm hiểu, nghiên cứu, khám phá kiến thức mới, hình thành kỹ năng mới của người học. Đồng thời, có sự kết nối với kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm đã có để hình thành kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng mới.

Trong hoạt động này, GV tổ chức cho HV tham gia các hoạt động để nghiên cứu, chia sẻ, thảo luận..., từ đó khám phá và hình thành các kiến thức, kỹ năng mới theo mục tiêu bài học.

C. LUYỆN TẬP/THỰC HÀNH: GV giao nhiệm vụ và tổ chức HV làm bài tập, thảo luận vấn đề, thông qua đó củng cố kiến thức, kỹ năng mới vừa lĩnh hội. Đối với bài thực hành, nội dung này rất quan trọng vì giúp HV hình thành và rèn luyện kỹ năng, năng lực cần thiết.

D. VẬN DỤNG: GV giao nhiệm vụ cho HV thực hiện ở gia đình, cộng đồng. Những nhiệm vụ này đòi hỏi HV phải vận dụng kiến thức, kỹ năng mới đã lĩnh hội được qua bài học để giải quyết vấn đề, công việc trong thực tiễn.

GV có thể hướng dẫn cách thực hiện và báo cáo kết quả.

Mỗi bước của tiến trình dạy học có thể có một hoặc một số hoạt động. Mỗi hoạt động trong kế hoạch dạy học được thiết kế như sau:

Tên hoạt động:.....

1. Mục tiêu hoạt động.
2. Tổ chức thực hiện.

GV tổ chức thực hiện hoạt động theo trình tự 4 bước:

- GV chuyển giao nhiệm vụ và hướng dẫn HV thực hiện nhiệm vụ.
- HV thực hiện nhiệm vụ theo nội dung, phương pháp, hình thức GV định hướng.
- HV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, nhóm/lớp thảo luận.
- GV nhận xét, đánh giá và kết luận nội dung học tập (còn gọi là “chốt kiến thức”).

Lưu ý:

Khi thiết kế từng bước của mỗi hoạt động, GV cần đảm bảo những yêu cầu sau:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Nhiệm vụ học tập phải rõ ràng và phù hợp với khả năng của HV; hình thức giao nhiệm vụ kích thích được hứng thú nhận thức của HV; đảm bảo cho tất cả HV tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện.

Bước 2. HV thực hiện nhiệm vụ học tập: Khuyến khích HV hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; GV theo dõi, phát hiện kịp thời những khó khăn của HV và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả; không có HV bị “bỏ quên”.

Bước 3. Báo cáo kết quả học tập và thảo luận: Hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích HV trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lý những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lý.

Bước 4. Nhận xét, kết luận: Nhận xét quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HV; phân tích, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của HV; kết luận (chốt lại) các kiến thức, kỹ năng mà HV đã học được thông qua hoạt động.

4.2.4. Hướng dẫn xây dựng nội dung mục “IV. Kiểm tra, đánh giá”

Trước khi kết thúc bài học, GV tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HV nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu bài học của HV. Vì vậy, trong KHBD, GV cần thiết kế câu hỏi, hoặc đề kiểm tra (trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc làm sản phẩm thực hành) để giao cho HV làm ngay tại lớp. Nội dung đề kiểm tra bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học. Qua kết quả làm bài kiểm tra, GV nhanh chóng biết được mức độ tiếp thu kiến thức, hình thành kỹ năng, thái độ học tập của HV sau quá trình tham gia bài học.

4.2.5. Hướng dẫn xây dựng nội dung mục “V. Phụ lục”

Phụ lục thường bao gồm các tài liệu nguồn, bài tập phát cho HV trong quá trình tổ chức các hoạt động. Mặc dù là Phụ lục nhưng nội dung mục này cũng rất quan trọng, có ảnh hưởng lớn tới chất lượng dạy học bài học. Nội dung mục này phụ thuộc vào năng lực nghiệp vụ sư phạm của GV. Trên cơ sở phân tích mục tiêu, nội dung bài học mà GV nghiên cứu các tài liệu nguồn, tài liệu tham khảo và chuẩn bị các phiếu học tập, câu hỏi, bài tập để sử dụng trong tiến trình dạy học bài học. Ví dụ minh họa phụ lục được trình bày trong các Kế hoạch bài dạy minh họa của tài liệu này.

III. HƯỚNG DẪN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực

Đánh giá kết quả GDHN và GDKN cho HV ở cơ sở GDTX phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1.1. Mục đích đánh giá

Thu thập thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt so với chương trình; sự tiến bộ của HV trong và sau các giai đoạn học tập.

Kết quả đánh giá là căn cứ để định hướng HV tiếp tục rèn luyện hoàn thiện bản thân và cũng là căn cứ quan trọng để các cơ sở giáo dục, các nhà quản lý và đội ngũ GV điều chỉnh chương trình và các hoạt động GDHN và GDKN cho phù hợp với điều kiện thực tế.

1.2. Nội dung đánh giá

Các yêu cầu cần đạt đã được xác định trong chương trình. Ngoài ra, các yếu tố như: động cơ, tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm, tính tích cực đối với hoạt động chung của HV cũng được đánh giá thường xuyên trong quá trình tham gia hoạt động.

1.3. Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HV

Khuyến khích HV tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau (còn gọi là “đánh giá đồng đẳng”). GV cần gợi ý tiêu chí, cách đánh giá, mức độ đánh giá cho HV. Thông thường sử dụng Phiếu đánh giá do GV soạn và giao cho HV khi yêu cầu HV tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng.

1.4. Dữ liệu đánh giá

Dựa trên thông tin thu thập được từ quan sát của GV, từ kết quả tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng, ý kiến thảo luận của HV và từ kết quả làm bài kiểm tra của HV sau mỗi bài học/chủ đề/phần trong Chương trình GDHN và GDKN. GV lưu ý kết quả đánh giá chỉ có mức Đạt và Không đạt.

1.5. Hình thức đánh giá

Đánh giá kết quả học tập bằng hình thức nhận xét với hai mức Đạt và Chưa đạt. Tùy theo phạm vi kiểm tra, nếu Đạt, HV sẽ được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chủ đề, chương trình hoặc khóa học. Nếu HV hoàn thành toàn bộ Chương trình GDHN và GDKN, kiểm tra đạt yêu cầu sẽ được tham dự kỳ thi cấp chứng chỉ và nếu đạt yêu cầu thì được cấp Chứng chỉ hoàn thành khóa học.

Trong quá trình tổ chức thực hiện từng chủ đề trong từng phần, kết thúc mỗi bài học, GV tổ chức cho HV làm bài kiểm tra bằng phương pháp kiểm tra viết (với các loại câu hỏi: trắc nghiệm/tự luận/trắc nghiệm kết hợp tự luận hoặc viết bài thu hoạch). Về bài thu hoạch, đối với phần GDHN, GV có thể yêu cầu HV viết bài thực hành xây dựng kế hoạch lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, trình độ của HV; đối với phần GDKN, GV có thể yêu cầu HV làm bài thực hành xây dựng ý tưởng và kế hoạch khởi nghiệp hoặc xây dựng một dự án khởi nghiệp phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân và điều kiện thực tế.

2. Đổi mới phương pháp đánh giá

Kết hợp sử dụng nhiều phương pháp đánh giá phù hợp với đặc thù của chương trình GDHN và khởi nghiệp nhằm giúp cho việc đánh giá đảm bảo được các yêu cầu về đánh giá năng lực, phẩm chất, đảm bảo tính khách quan, tính công bằng trong đánh giá và không tạo áp lực học tập cho HV

Căn cứ vào yêu cầu đánh giá, khả năng, điều kiện tổ chức đánh giá, trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình GDHN và GDKN, GV có thể sử dụng các phương pháp chủ yếu sau:

2.1. Phương pháp KTĐG qua quan sát

Phương pháp này mang tính định tính, đòi hỏi GV phải thường xuyên quan sát các hành vi, thái độ, cách ứng xử của HV trong suốt quá trình HV tham gia các hoạt động. Để việc sử dụng phương pháp kiểm tra, đánh giá này đạt hiệu quả, GV cần xác định cụ thể mục đích quan sát, cách thức quan sát và những vấn đề cần quan sát để thu thập được những dữ liệu cần thiết cho việc xử lý thông tin và đánh giá. Công cụ khi sử dụng phương pháp này thường là phiếu nhật ký hoặc bảng kiểm.

2.2. Phương pháp KTĐG bằng kiểm tra viết

Khi sử dụng phương pháp này, GV chú ý thiết kế các câu hỏi đòi hỏi HV thể hiện được kết quả học tập và những năng lực, phẩm chất đã rèn luyện được. Có thể ra đề bằng các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm hoặc kết hợp câu hỏi tự luận với trắc nghiệm, trong đó cần xác định cụ thể mục tiêu, nội dung, hình thức đánh giá và hướng dẫn đánh giá.

2.3. Phương pháp KTĐG qua sản phẩm thực hành hoặc thực hiện dự án học tập

Phương pháp này được khuyến khích sử dụng vào việc KTĐG kết quả học tập sau khi kết thúc phần GDHN và phần GDKN.

3. Thiết kế đề kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Đề kiểm tra cần bám sát yêu cầu cần đạt của các chủ đề, đảm bảo đánh giá được năng lực, phẩm chất HV đã rèn luyện được. Để thực hiện được yêu cầu này, trong mỗi đề kiểm tra cần xác định cụ thể, rõ ràng mục tiêu, hình thức, nội dung kiểm tra, đánh giá và đáp án, hướng dẫn đánh giá

Dưới đây trình bày nội dung thiết kế một đề kiểm tra nhằm đánh giá kết quả học tập phần GDKN theo hướng đánh giá năng lực, phẩm chất làm ví dụ minh họa.

A. Mục tiêu

- Đánh giá năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch khởi nghiệp sau khi HV hoàn thành phần II. GDKN (Thực hiện ý tưởng khởi nghiệp; nghiên cứu thị trường, lập kế hoạch marketing, xây dựng kế hoạch khởi nghiệp, quản trị khởi nghiệp).

- Đánh giá phẩm chất trách nhiệm, chủ động, tự tin, trung thực, thể hiện qua hành động, thái độ của HV khi thực hành lập và thực hành dự án khởi nghiệp, viết báo cáo và thuyết trình giới thiệu sản phẩm thực hành.

B. Hình thức kiểm tra

HV làm và thuyết trình sản phẩm thực hiện dự án theo nhóm.

C. Nội dung kiểm tra

1. Xây dựng dự án khởi nghiệp tại địa phương
2. Thực hiện dự án khởi nghiệp và viết báo cáo kết quả thực hiện dự án khởi nghiệp của nhóm để thuyết trình. Thời gian thực hiện: 4 tuần.
3. Thuyết trình về kết quả lập dự án và thực hiện dự án khởi nghiệp tại địa phương.

D. Hướng dẫn đánh giá

a) Yêu cầu:

- Về dự án: Trong dự án đã xây dựng phải thể hiện đầy đủ và rõ ràng các mục: tên dự án khởi nghiệp; tên thành viên/nhóm thực hiện; thời gian, địa điểm thực hiện; tổng quan về dự án, bao gồm: mô tả ngắn gọn về ý tưởng khởi nghiệp, mục tiêu dự án (mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể); mô tả thị trường, sản phẩm/dịch vụ; cách thức khởi nghiệp; kế hoạch tiếp thị, tài chính, tổ chức nhân sự và kế hoạch hoạt động hàng tháng, chi phí hoạt động, quản lý tài chính, nhân sự.

- Về tổ chức thực hiện dự án: Thực hiện theo đúng thời gian, tiến độ và nội dung đã xây dựng trong dự án. Các thành viên trong nhóm có sự hợp tác, tương trợ lẫn nhau và thực hiện có trách nhiệm nhiệm vụ được phân công trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Về thuyết trình kết quả xây dựng dự án và thực hiện dự án:

+ Nội dung thuyết trình thể hiện đầy đủ, trung thực dự án đã xây dựng, tiến trình thực hiện dự án và kết quả thực hiện dự án.

+ Các thành viên trong nhóm luân phiên thuyết trình: mỗi thành viên thuyết trình một phần, các thành viên thuyết trình nối tiếp nhau.

+ Thuyết trình phải rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu, thu hút được người nghe.

+ Có sử dụng tranh ảnh hoặc video clip minh họa trong khi thuyết trình.

+ Thể hiện được sự vượt qua khó khăn trong quá trình thực hiện dự án.

+ Giới thiệu được kết quả/sản phẩm thực hiện dự án bằng những minh chứng cụ thể.

- Về thời gian thuyết trình: Mỗi nhóm thuyết trình trong khoảng 10-15 phút.

b) Đánh giá:

Thiết kế Phiếu đánh giá kết quả thực hiện dự án, sau đó tổ chức cho HV tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và GV đánh giá theo các tiêu chí/chỉ báo.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

Tiêu chí/chỉ báo	Đạt	Chưa đạt
I. Xây dựng dự án 1. Dự án phải có đủ các mục như đã quy định ở mục yêu cầu 2. Các mục được xác định rõ ràng, cụ thể.		
II. Thực hiện dự án 3. Thực hiện theo đúng cách thức, kế hoạch đã xây dựng 4. Các thành viên trong nhóm có sự hợp tác, tương trợ lẫn nhau và thực hiện có trách nhiệm nhiệm vụ được phân công trong quá trình triển khai thực hiện dự án		
III. Thuyết trình 5. Nội dung thuyết trình thể hiện đầy đủ, trung thực dự án đã xây dựng, tiến trình thực hiện dự án và kết quả thực hiện dự án. 6. Có ít nhất 3 thành viên trong nhóm luân phiên thuyết trình. Mỗi thành viên thuyết trình 1 phần. Các nội dung thuyết trình nối tiếp nhau. 7. Thuyết trình rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu, thu hút được người nghe. 8. Có sử dụng tranh ảnh hoặc video clip minh họa trong khi thuyết trình. 9. Thể hiện được sự vượt qua khó khăn trong quá trình thực hiện dự án. 10. Giới thiệu được kết quả/ sản phẩm thực hiện dự án bằng minh chứng cụ thể. 11. Đảm bảo thời gian quy định.		

Đánh giá:

Loại Đạt: Nếu đạt được 6 tiêu chí trở lên.

Loại Chưa đạt: Nếu đạt 5 tiêu chí trở xuống.

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ BÀI MINH HỌA VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Chương này trình bày kế hoạch bài dạy (giáo án) 4 bài học ở cả hai phần: phần GDHN và phần GDKN.

Phần thứ nhất: Giáo dục hướng nghiệp

Bài minh họa 1. Lý thuyết cây nghề nghiệp (3 tiết).

Bài minh họa 2. Vai trò của cha mẹ trong việc tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con (3 tiết).

Phần thứ hai: Giáo dục khởi nghiệp

Bài minh họa 3. Khái niệm cơ bản về khởi nghiệp và giáo dục khởi nghiệp (3 tiết).

Bài minh họa 4. Những yếu tố cần thiết để khởi nghiệp thành công (3 tiết).

PHẦN THỨ NHẤT. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP

Bài 1. LÝ THUYẾT CÂY NGHỀ NGHIỆP

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

Hình thành, phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp trên cơ sở:

- Trình bày được nội dung cơ bản, ý nghĩa, cách thức áp dụng lý thuyết cây nghề nghiệp vào việc nhận thức bản thân về chọn nghề và sự phù hợp nghề.

- Vận dụng được những hiểu biết về lý thuyết cây nghề nghiệp để nhận thức sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp của bản thân và cách thức chọn nghề phù hợp.

- Thực hành trải nghiệm lý thuyết cây nghề nghiệp để chọn nghề phù hợp với năng lực của bản thân.

2. Phẩm chất

- Rèn luyện phẩm chất tự chủ, trách nhiệm trong việc chọn nghề dựa vào sở thích, khả năng, tính cách và giá trị nghề nghiệp của bản thân.

- Tích cực học tập, nghiên cứu, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Máy tính và máy chiếu + màn hình hiển thị hoặc ti vi.

- Tài liệu đọc cho HV (Tài liệu nguồn 1.1, 1.2 ở phần Phụ lục).

- Hình ảnh mô hình Lý thuyết cây nghề nghiệp và một số hình ảnh có liên quan.
- Phiếu trắc nghiệm tự đánh giá sở thích, khả năng của bản thân (Phụ lục).

2. Chuẩn bị của HV

- Vở, bút.
- Đọc tài liệu về giáo dục hướng nghiệp.
- Tìm hiểu về hướng nghiệp ở địa phương.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Tạo cho HV hứng thú học tập, nghiên cứu về lý thuyết lựa chọn nghề nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện

Yêu cầu HV trả lời câu hỏi:

- Theo anh/ chị, khi lựa chọn nghề nên dựa chủ yếu vào khả năng, sở thích của bản thân hay theo lợi ích mà công việc nghề nghiệp đó mang lại?

HV vận dụng kiến thức và vốn hiểu biết thực tiễn để trả lời câu hỏi. Câu trả lời của HV tùy vào quan điểm của từng người. Trên cơ sở câu trả lời của HV, GV dẫn dắt vào bài.

B. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. Tìm hiểu nội dung cơ bản của lý thuyết cây nghề nghiệp

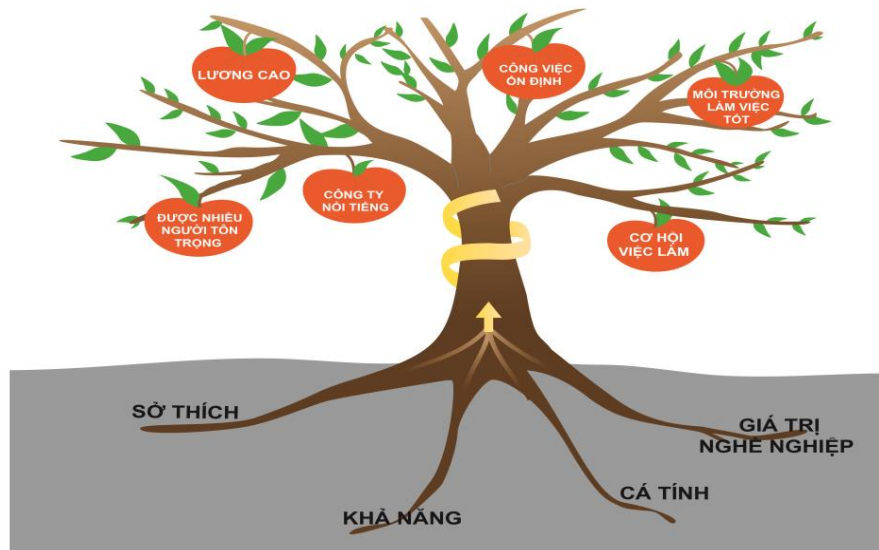
1. Mục tiêu

Trình bày được nội dung cơ bản của lý thuyết cây nghề nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện

Sử dụng phương pháp trực quan bằng hình ảnh, tự nghiên cứu tài liệu kết hợp với sử dụng dạy học theo nhóm và kỹ thuật khăn trải bàn, giải thích- minh họa để tổ chức hoạt động này theo trình tự sau:

- GV trình chiếu hoặc treo tranh mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp, yêu cầu HV quan sát, suy ngẫm và cho biết: mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp nói về điều gì?
- GV gọi một vài HV chia sẻ suy nghĩ, suy luận của bản thân về mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp.



Mô hình lý thuyết “Cây nghề nghiệp”

- Nhận xét các ý kiến của HV.
- Phát tài liệu nguồn 1.1 (ở phần phụ lục), yêu cầu HV đọc nội dung trong tài liệu, sau đó thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ sau:

1. Trình bày nội dung của mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp.

2. Hãy trả lời các câu hỏi:

+ *Theo anh/ chị, khi lựa chọn nghề nên căn cứ vào phần “rễ” hay phần “quả” của “cây nghề nghiệp”. Vì sao?*

+ *Theo anh/chị, trong thực tế người ta thường chọn nghề theo “rễ” hay theo “quả” của “cây nghề nghiệp”? Các bậc cha mẹ thường khuyên con em mình chọn nghề theo “rễ” hay theo “quả” của “cây nghề nghiệp”?*

- Chia lớp thành các nhóm (mỗi nhóm khoảng 4 – 8 HV). Mỗi nhóm bầu 1 người làm nhóm trưởng điều hành hoạt động nhóm và 1 thư ký ghi các ý kiến thảo luận của nhóm. Nếu có điều kiện, GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy khổ lớn (A0 hoặc A1) và bút dạ. Nếu không có điều kiện, GV yêu cầu HV chuẩn bị vở hoặc giấy A4 để ghi chép kết quả thực hiện nhiệm vụ của bản thân. Sau đó, hướng dẫn HV hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn: Mỗi cá nhân ghi kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình vào góc tờ giấy to do GV phát hoặc ghi ra giấy, ghi vào vở. Nhóm trưởng tổ chức thảo luận, chỉ định từng cá nhân báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, các thành viên khác lắng nghe, nhận xét. Những thành viên sau không nêu lại ý kiến trùng lặp. Thư ký nhóm ghi tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm trên cơ sở ý kiến của từng cá nhân vào giữa tờ giấy khổ to hoặc vào tờ giấy khổ nhỏ.

- Động viên, khuyến khích đại diện các nhóm HV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Nêu và giải thích nội dung cơ bản của mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp:

Ai trong chúng ta cũng muốn có một công việc ổn định, lương cao, môi trường làm việc tốt, được nhiều người tôn trọng, vị trí công tác cao, cơ hội thăng tiến tốt... Tất cả những mong muốn trên đều là mong muốn chính đáng của mỗi người và đó chính là “trái ngọt” trong mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp. Muốn có được những “trái ngọt” đó, cần phải nhận thức và hiểu rõ sở thích, khả năng/năng lực, cá tính, giá trị nghề nghiệp của bản thân, từ đó chọn nghề phù hợp với bản thân. Vì vậy, lý thuyết cây nghề nghiệp cho rằng, khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp chính là phần “rễ” của “cây nghề nghiệp”. Đây cũng chính là cơ sở khoa học của việc chọn nghề phù hợp.

GV giải thích cho HV hiểu được các thuật ngữ: sở thích, khả năng, năng lực, cá tính, tính cách và giá trị nghề nghiệp. Đồng thời, phân tích để HV hiểu tại sao cần phải chọn nghề theo “rễ”? (nội dung trong tài liệu nguồn 1.1).

Liên hệ thực tiễn: Nhiều người đứng trước sự lựa chọn nghề nghiệp thường đưa ra lựa chọn nghề theo “trái/quả”, theo trào lưu chung của xã hội, ít quan tâm tìm hiểu sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp của bản thân để chọn nghề theo “rễ”. Hậu quả là thiếu động lực trong quá trình học nghề, không thích hoặc thiếu hứng thú với ngành học, kết quả học tập hạn chế, gây mệt mỏi, chán nản. Khi ra trường, cơ hội việc làm thấp, thiếu khả năng để phát triển trong nghề nghiệp hoặc phải làm những việc không phù hợp với sở thích, khả năng, tính cách, giá trị nghề nghiệp mà mình mong muốn, gây ra chán nản, mệt mỏi trong công việc. Nhiều trường hợp phải làm việc trái với ngành nghề được đào tạo, thậm chí thất nghiệp.

3. Kết luận hoạt động 1

Nội dung cơ bản của lý thuyết cây nghề nghiệp nhấn mạnh: Với mỗi chúng ta, muốn thu được “trái ngọt” trong hoạt động nghề nghiệp, cần phải chọn nghề theo “rễ” của “cây nghề nghiệp”, tức là phải chọn nghề dựa trên kết quả nhận thức bản thân về sở thích, khả năng/năng lực, cá tính/tính cách, giá trị nghề nghiệp của bản thân. Chỉ khi chọn nghề phù hợp với bản thân, mỗi chúng ta mới có đam mê nghề nghiệp, có nhiều cơ hội thành công và hạnh phúc trong lao động nghề nghiệp tương lai.

Hoạt động 2. Tìm hiểu ý nghĩa và việc áp dụng lý thuyết cây nghề nghiệp

1. Mục tiêu

Trình bày được ý nghĩa, cách thức áp dụng lý thuyết cây nghề nghiệp vào việc nhận thức bản thân để có cơ sở chọn nghề phù hợp.

2. Tổ chức thực hiện

- Yêu cầu HV đọc tài liệu nguồn 1.2. Ý nghĩa và cách áp dụng lý thuyết cây nghề nghiệp vào việc chọn nghề phù hợp ở phần Phụ lục để trả lời các câu hỏi:

+ *Lý thuyết cây nghề nghiệp có ý nghĩa như thế nào đối với việc lựa chọn nghề nghiệp?*

+ *Làm thế nào để áp dụng được lý thuyết cây nghề nghiệp vào việc định hướng, lựa chọn nghề nghiệp phù hợp cho bản thân?*

- Tổ chức cho HV thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

- Khuyến khích, động viên đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm sau không trình bày ý kiến trùng với ý kiến của nhóm trước.

- Nhận xét, phân tích, giảng giải, điều chỉnh những câu trả lời chưa đúng hoặc còn thiếu

- Chốt một số điểm chính về ý nghĩa và cách áp dụng lý thuyết cây nghề nghiệp vào việc định hướng nghề nghiệp và chọn nghề phù hợp.

3. Kết luận hoạt động 2

- *Chọn nghề theo lý thuyết cây nghề nghiệp giúp ta chọn được nghề nghiệp tương lai phù hợp với sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp của bản thân. Nhờ đó, bản thân luôn có sự đam mê, hạnh phúc trong nghề nghiệp, phát huy được tối đa thế mạnh, khả năng của bản thân và cống hiến được nhiều nhất cho xã hội.*

- *Khi lựa chọn nghề nghiệp, không nên chọn nghề theo cảm tính hoặc theo ý kiến của người khác. Điều đầu tiên cần phải làm tốt là nhận thức bản thân để xác định khả năng, sở thích, cá tính, giá trị nghề nghiệp của bản thân. Từ đó, đối chiếu kết quả nhận thức bản thân với đặc điểm, yêu cầu của các nghề muốn chọn để xác định sự phù hợp giữa các đặc điểm của bản thân với đặc điểm của nghề và lựa chọn nghề phù hợp.*

C. LUYỆN TẬP

Hoạt động 1. Làm bài tập tình huống

1. Mục tiêu

Vận dụng được những hiểu biết về lý thuyết cây nghề nghiệp để đề xuất cách xử lý tình huống trong việc chọn nghề.

2. Tổ chức thực hiện

- Chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HV nghiên cứu bài tập tình huống (ở phần Phụ lục) và thảo luận nhóm đề xuất cách xử lý tình huống. Sau đó, xây dựng kịch bản dựa vào tình huống và phân công các thành viên trong nhóm đóng vai xử lý tình huống.

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và đóng vai xử lý tình huống. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe.

- Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm.

- Kết luận hoạt động 3 dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm.

Hoạt động 2. Làm bài tập xác định sở thích, khả năng liên quan đến nghề nghiệp của bản thân

1. Mục tiêu

Xác định được sở thích, khả năng liên quan đến nghề nghiệp của bản thân để có cơ sở ban đầu xác định được “rễ” cây nghề nghiệp của bản thân và có ý tưởng chọn nghề phù hợp.

2. Tổ chức thực hiện

- Chuyển giao nhiệm vụ: Cá nhân làm bài tập xác định sở thích, khả năng của bản thân (ở phần Phụ lục). Sau đó, chia sẻ, góp ý trong nhóm.

- Các cá nhân và nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Khuyến khích, động viên HV chia sẻ kết quả làm bài tập xác định sở thích, khả năng của bản thân trước lớp.

- Nhận xét kết quả làm bài tập cá nhân của HV trong lớp.

- Kết luận hoạt động 3 dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ của HV.

D. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

- Tìm hiểu, xác định những người quanh mình chọn nghề theo “rễ” hay theo “quả”.

- Rút ra được bài học chọn nghề.

2. Tổ chức thực hiện

- Yêu cầu HV về nhà tìm hiểu, chọn một người chọn nghề theo “rễ”, một người chọn nghề theo “quả”. Yêu cầu/nhờ họ kể lại câu chuyện chọn nghề của mình và những điều mong muốn/ không mong muốn họ đã nhận được/ gặp phải trong hành trình hoạt động nghề nghiệp của mình.

- Ghi lại câu chuyện và những điều bản thân rút ra được sau khi nghe câu chuyện của họ để chia sẻ trong buổi học sau.

IV. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

A. Câu hỏi trắc nghiệm

Hãy khoanh vào chữ cái đứng trước phương án phù hợp với lựa chọn của anh/chị.

1. Mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp giúp chúng ta lựa chọn nghề nghiệp đúng đắn và có cơ sở khoa học. Phát biểu nào dưới đây là đúng với ý nghĩa của mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp?

- A. Phần “rễ” là những yếu tố cần thiết của nghề nghiệp.
- B. Phần “quả” là cơ sở để lựa chọn nghề nghiệp.
- C. Khi lựa chọn nghề nghiệp cần căn cứ vào phần “quả” hơn phần “rễ”.
- D. Khi lựa chọn nghề nghiệp cần căn cứ vào phần “rễ” hơn phần “quả”.

2. Khi lựa chọn nghề nghiệp, nên dựa vào những căn cứ chủ yếu nào dưới đây?

- A. Khả năng; sở thích; công việc ổn định; giá trị nghề nghiệp.
- B. Khả năng; sở thích; cá tính; giá trị nghề nghiệp.
- C. Giá trị nghề nghiệp; được mọi người tôn trọng; môi trường làm việc tốt; lương cao.
- D. Giá trị nghề nghiệp; môi trường làm việc tốt; lương cao; cơ hội việc làm.

3. Lý thuyết cây nghề nghiệp chỉ ra rằng việc đầu tiên khi lựa chọn nghề nghiệp là:

- A. Nghiên cứu nhu cầu của thị trường lao động.
- B. Nghe theo nguyện vọng của người thân trong gia đình.
- C. Nhận thức đầy đủ về khả năng, sở thích, cá tính của bản thân.
- D. Nhận thức được những nghề nghiệp nào mang lại nhiều ích lợi.

4. Ý nghĩa của lý thuyết cây nghề nghiệp là

- A. Giúp lựa chọn được nghề nghiệp mang lại thu nhập cao.
- B. Giúp lựa chọn được nghề nghiệp ổn định.
- C. Đưa ra lời khuyên nên chọn nghề nghiệp phù hợp với tính cách bản thân.
- D. Đưa ra lời khuyên nên chọn nghề nghiệp phù hợp khả năng, sở thích, cá tính của bản thân.

B. Câu hỏi tự luận

1. Vì sao sở thích, khả năng/năng lực, cá tính/tính cách, giá trị nghề nghiệp được coi là “rễ” của “cây nghề nghiệp”?

2. Hiểu được lý thuyết cây nghề nghiệp giúp ích gì cho anh/chị trong việc định hướng nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp?

3. Làm thế nào để nhận thức được sở thích, khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp của bản thân?

4. Nêu những điều anh/chị học hỏi được và 1 điều anh/chị tâm đắc nhất sau khi học xong bài này.

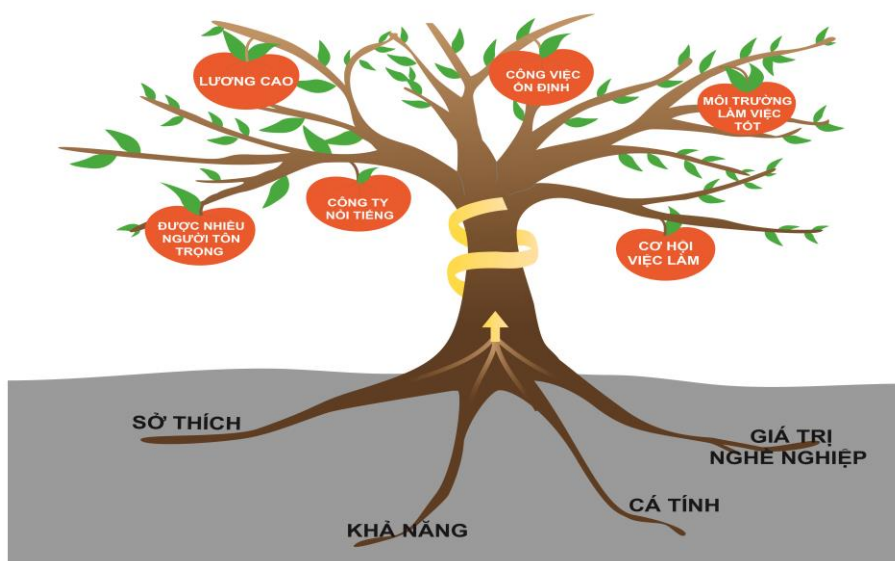
Đáp án câu trắc nghiệm:

Câu	1	2	3	4
Đáp án	D	B	C	D

V. PHỤ LỤC

1. Tài liệu nguồn

Tài liệu nguồn 1.1. Nội dung cơ bản của lý thuyết cây nghề nghiệp¹



Mô hình lý thuyết cây nghề nghiệp

Sở thích, khả năng/năng lực, cá tính/tính cách, giá trị nghề nghiệp là những yếu tố cơ bản, đóng vai trò quan trọng đối với sự thành đạt trong hoạt động nghề nghiệp của mỗi người và được coi là “rễ” của “cây nghề nghiệp”. “Rễ” có khỏe thì “cây nghề nghiệp” mới khỏe và ra hoa, kết trái như mong muốn. Thực tế cho thấy, chỉ khi ai đó chọn được ngành học, nghề nghiệp phù hợp với “rễ”, đó là sở thích, khả năng/năng lực, cá tính/tính cách, giá trị nghề nghiệp của bản thân, người đó mới có cơ sở vững chắc để

¹ Nguồn: Tài liệu bổ sung sách GV giáo dục hướng nghiệp lớp 9, Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu, Nguyễn Ngọc Tài (Tổ chức VVOB tại Việt Nam), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015

thu được “quả ngọt” trong hoạt động nghề nghiệp như: có cơ hội nghề nghiệp cao, dễ dàng được tuyển dụng vào vị trí việc làm thích hợp, tìm được môi trường làm việc tốt, lương cao, có nhiều cơ hội thăng tiến, được nhiều người tôn trọng...

Vậy, “rễ” của “cây nghề nghiệp” là gì? Tại sao phải chọn nghề theo “rễ”?

“Cây nghề nghiệp” có 4 rễ chính, đó là:

* *Sở thích*: Mỗi người đều có niềm đam mê, sở thích nào đó. Ở đây, ta nói về sở thích liên quan đến nghề nghiệp hay còn gọi là sở thích nghề nghiệp. Loại sở thích này khác với những sở thích mà ta chỉ dùng để giải trí. Ví dụ, cùng một sở thích đối với trò chơi game điện tử, nhưng có người chỉ thích chơi để giải trí, nhưng có người lại muốn làm nghề nghiệp liên quan đến trò chơi game điện tử như thiết kế phần mềm trò chơi điện tử, kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử... Có người biết rõ sở thích của mình nhưng cũng có người không biết. Lý thuyết hướng nghiệp đã chứng minh rằng, nếu con người ta được làm công việc phù hợp với sở thích nghề nghiệp của mình, họ sẽ luôn có động lực làm việc, yêu thích công việc và luôn có cảm giác thoải mái, hạnh phúc trong công việc. Có thể nói, lòng say mê, yêu thích đối với nghề sẽ là động lực rất quan trọng để mỗi người ra sức rèn luyện, tự học, tự bồi dưỡng và vượt qua mọi khó khăn để vươn tới đỉnh cao của nghề nghiệp. Vì vậy, khi chọn nghề, yếu tố đầu tiên cần phải tính đến, đó là bản thân có yêu thích, hứng thú đối với nghề đó hay không.

* *Khả năng/năng lực*: bao gồm khả năng về trí tuệ, văn hóa, thể chất, quan hệ giao tiếp,... Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng, mỗi người đều có những khả năng, điểm mạnh riêng biệt. Những khả năng/năng lực này nếu được rèn luyện thỏa đáng, sẽ phát triển thành những kỹ năng và thể mạnh cần có trong nghề nghiệp. Nếu ai đó được làm những công việc thuộc về thể mạnh của họ, sự thành công là hiển nhiên vì họ làm việc rất hiệu quả, dễ dàng đạt chất lượng cao và luôn thấy tự tin, thỏa mãn trong công việc. Ngược lại, nếu người nào đó chọn công việc, nghề nghiệp mà bản thân mình hoàn toàn thiếu khả năng, thể mạnh thì dù làm việc mất gấp 10 lần thời gian, mất rất nhiều công sức nhưng hiệu quả và chất lượng công việc khó có thể đạt như mong muốn, thậm chí còn thất bại. Chính vì vậy, chọn nghề phù hợp với khả năng/năng lực của bản thân là yêu cầu quan trọng giúp cho mỗi người phát huy cao độ những mặt mạnh của bản thân để phát triển và thành đạt trong nghề nghiệp.

* *Cá tính/tính cách*: Mỗi người sinh ra đều có một cá tính riêng biệt, nó làm nên “cái” rất riêng biệt của mỗi người. Có người luôn ôn hòa, nhã nhặn, bình tĩnh nhưng cũng có người luôn dễ nổi nóng, thiếu bình tĩnh; có người có cá tính “hướng nội”, có người có cá tính “hướng ngoại”... Việc hiểu rõ cá tính của bản thân để từ đó chọn công

việc, nghề nghiệp và môi trường làm việc phù hợp với cá tính của mình sẽ là yếu tố góp phần quan trọng giúp ta đạt được sự thành công và thỏa mãn trong công việc.

* *Giá trị nghề nghiệp*: Trong cuộc sống hiện nay, chúng ta thường nói đến giá trị sống. Giá trị sống là những điều mà chúng ta cho là quý giá, là quan trọng, là có ý nghĩa đối với cuộc sống của bản thân. Trong hướng nghiệp, giá trị nghề nghiệp là những điều được cho là quý giá, là quan trọng, có ý nghĩa mà mỗi người mong muốn đạt được khi trở thành người lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp nào đó. Nói cách khác, những giá trị nghề nghiệp này chính là những nhu cầu sâu thẳm của mỗi người khi tham gia lao động nghề nghiệp. Mỗi người đều có giá trị nghề nghiệp. Có người có giá trị nghề nghiệp là phải được làm công việc/ngành nghề lương cao, có nhiều cơ hội thăng tiến trong công việc; có người có nhu cầu làm việc ở công ty, doanh nghiệp danh tiếng, được nhiều người biết đến; có người có nhu cầu làm công việc nhẹ nhàng, có nhiều thời gian để chăm sóc gia đình...

Tóm lại: Muốn lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, trước hết phải nhận thức bản thân để hiểu rõ sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp của chính mình và dựa vào chính những hiểu biết này để lựa chọn nghề nghiệp. Nói cách khác là phải chọn nghề theo “rễ” vì đây là yếu tố có ảnh hưởng mang tính quyết định tới sự “kết trái ngọt” của “cây nghề nghiệp”.

Tài liệu nguồn 1.2. Ý nghĩa và cách áp dụng lý thuyết cây nghề nghiệp vào việc lựa chọn nghề, định hướng nghề nghiệp

Lý thuyết cây nghề nghiệp là lý thuyết quan trọng nhất trong hướng nghiệp vì lý thuyết này đã chỉ ra rằng, công việc đầu tiên cần làm trước khi chọn ngành học, chọn nghề là người học phải nhận thức đầy đủ về bản thân để chọn được nghề phù hợp, chọn nghề theo “rễ”, tránh được tình trạng chọn nghề theo “quả”, chọn nghề theo cảm tính, theo ý kiến của người khác hoặc chọn nghề theo trào lưu chung.

Trong GDHN, việc hiểu và vận dụng Lý thuyết cây nghề nghiệp rất quan trọng. Phần lớn người học khi được hỏi: “Vì sao em học ngành này hay thích nghề này?”, câu trả lời thường là: “Vì công việc này hiện đang được xem là nóng trong thị trường”, hay “Vì cơ hội việc làm của công việc này cao”, hoặc “Công việc này trả lương tương đối cao so với các việc khác”...

Những câu trả lời trên cho thấy những người đó đã chọn nghề theo “quả”, không chọn nghề theo “rễ” của “cây nghề nghiệp”. Điều này là không nên bởi những “trái ngọt” của cây nghề nghiệp chỉ có được khi được làm công việc phù hợp với sở thích và khả năng của bản thân, hay còn gọi là “gốc rễ” của “cây nghề nghiệp”. Một công việc có thể

được xem là rất thịnh hành không có nghĩa là ai học nó ra cũng có việc làm tốt. Các cơ quan, doanh nghiệp chỉ tuyển dụng những người lao động có đam mê và khả năng phù hợp với vị trí công việc chứ không tuyển dụng người nào đó chỉ vì họ đã tốt nghiệp ở ngành nghề “hot”. Việc học và tốt nghiệp một ngành nào đó không đủ để chứng minh là người đó có khả năng làm việc tốt ở vị trí tuyển dụng. Trong thực tế đã có không ít trường hợp người lao động bị cho thôi việc sau thời gian thử việc do không chứng minh được sở thích nghề nghiệp, khả năng của bản thân ở vị trí công việc được giao.

2. Bài tập tình huống

1. Tuấn là một học sinh có khả năng học môn toán nổi trội, có tính ngăn nắp, hay để ý tới các chi tiết nhỏ, thích làm việc với con số hơn làm việc với con người và thích kiểm soát tiền bạc. Vì vậy, Tuấn tự nhận thấy mình rất phù hợp với nghề Kế toán.

Nhưng, thời gian gần đây, Tuấn thấy báo chí và nhiều người nói đến Trí tuệ nhân tạo. Thấy đây là ngành đang “hot”, dễ có thu nhập cao nên Tuấn lại muốn chọn ngành học Trí tuệ nhân tạo mặc dù chưa có hiểu biết gì nhiều về ngành này.

Tuấn đang chọn nghề theo “rẽ” hay theo “quả”? Nếu là bạn của Tuấn, anh/chị sẽ khuyên Tuấn như thế nào?

2. Loan có khả năng sáng tạo, viết lách, có khả năng giao tiếp rất tốt và cá tính hướng ngoại. Loan thích theo ngành truyền thông và báo chí. Nhưng sau khi tốt nghiệp THPT, Loan lại chọn học trường Trung cấp tài chính – kế toán vì cha mẹ Loan đang công tác trong ngành tài chính – kế toán, muốn Loan học ngành này.

Nếu Loan chọn học ngành tài chính - kế toán, điều gì có thể xảy ra? Nếu là bạn của Loan, anh/chị sẽ khuyên Loan như thế nào?

3. Hồng là người thích giao tiếp, thích văn thơ, thích đi đây đi đó và thích xem các ca sĩ biểu diễn ca nhạc. Hồng thích hát nhưng giọng hát không hay, khả năng thẩm âm rất hạn chế. Thấy nhiều ca sĩ nổi tiếng có thu nhập cao, được nhiều người hâm mộ, được đi biểu diễn khắp nơi, Hồng rất muốn chọn con đường thi vào khoa thanh nhạc của trường cao đẳng nghệ thuật.

Điều gì sẽ xảy ra khi Hồng thực hiện ý muốn trở thành ca sĩ? Nếu là bạn của Hồng, anh/chị sẽ khuyên Hồng như thế nào?

3. Bài tập xác định sở thích, khả năng của bản thân

Phiếu bài tập

1. Hàng ngày, anh/chị thích làm những việc gì? Trong những việc đó, việc nào liên quan đến hoạt động nghề nghiệp?

.....

2. Anh/ chị thường dành thời gian trong ngày nhiều nhất cho việc gì?
.....
3. Việc nào có thể khiến anh/chị thực hiện quên thời gian và không cảm thấy mệt mỏi?
.....
4. Anh/chị thường dành sự quan tâm nhiều nhất cho việc gì?
.....
5. Anh/chị thích tham gia những hoạt động nào ở nhà, ở trường lớp, cộng đồng?
.....
6. Từ những câu trả lời trên, anh/chị nhận thấy mình có sở thích gì liên quan đến nghề nghiệp?
.....
7. Trong các môn học ở trường phổ thông, anh/chị thích môn học nào nhất?
.....
8. Anh/chị nhận thấy mình học dễ dàng và đạt kết quả cao ở những môn học nào?
.....
9. Anh/chị nhận thấy mình có khả năng học tốt những môn học nào?
.....
10. Anh/chị nhận thấy mình có khả năng làm tốt những việc gì?
.....
11. Việc nào anh/chị có khả năng làm tốt nhất?
.....
12. Những hoạt động anh/chị thực hiện ở gia đình, trường lớp đạt kết quả cao
.....
13. Trong những công việc sau: làm việc với máy móc; làm việc với con số; làm việc với con người (giao tiếp, giúp đỡ, hướng dẫn người khác), lãnh đạo/chỉ đạo, nghiên cứu, anh/chị nhận thấy mình thích và có khả năng làm việc nào?
.....
14. Mọi người thường khen anh/chị thực hiện tốt công việc nào?
.....
15. Từ những câu trả lời trên, anh/chị nhận thấy mình có khả năng gì liên quan đến nghề nghiệp?
.....

Bài 2. VAI TRÒ CỦA CHA MẸ TRONG VIỆC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO CON

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

Hình thành, phát triển năng lực tư vấn, hướng nghiệp cho con trên cơ sở:

- Nêu được vai trò của cha mẹ trong việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp.
- Trình bày được một số quan niệm của cha mẹ trong việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp.
- Liên hệ được thực tế việc cha mẹ tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp của cha mẹ.

2. Phẩm chất

- Trách nhiệm, tự tin trong việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp.
- Tin tưởng vào khả năng định hướng nghề nghiệp của con.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Nghiên cứu tài liệu dành cho cha mẹ giúp con hướng nghiệp (2013) và tài liệu tập huấn về Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THCS và THPT (2020).
- Nghiên cứu thông tin nguồn 2.1, 2.2,
- Máy tính và máy chiếu + màn hình hiển thị hoặc tivi.
- Tài liệu đọc cho HV (Tài liệu nguồn 2.1, 2.2) và bài tập tình huống (ở phần Phụ lục).

2. Chuẩn bị của HV

- Vở, bút.
- Đọc tài liệu về giáo dục hướng nghiệp.
- Tìm hiểu về việc cha mẹ hướng nghiệp cho con ở địa phương.

III. TỔ CHỨC DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Người học có hứng thú, nhu cầu tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp .

2. Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HV suy ngẫm để trả lời câu hỏi:

+ Anh/chị đã bao giờ trao đổi với con về việc chọn nghề tương lai của con chưa? Nếu đã từng, anh/chị có thể cho biết: Những ý kiến của anh/chị đã tác động đến việc chọn nghề tương lai của con như thế nào?

+ Mong muốn của anh/chị đối với việc chọn nghề tương lai của con là gì? Theo anh/chị, muốn đạt được mong muốn đó, anh/chị nên hỗ trợ, tư vấn cho con như thế nào?

- HV vận dụng kiến thức và vốn hiểu biết thực tiễn để trả lời câu hỏi. Câu trả lời của HV tùy vào quan điểm của từng người. Trên cơ sở câu trả lời của HV, GV dẫn dắt vào bài.

B. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. Tìm hiểu vai trò của cha mẹ trong việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp

1. Mục tiêu

Nêu được vai trò của cha mẹ trong việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện

Sử dụng phương pháp tự nghiên cứu tài liệu kết hợp với sử dụng dạy học theo nhóm và kỹ thuật khăn trải bàn, giải thích- minh họa để tổ chức hoạt động này theo trình tự sau:

- Chuyển giao nhiệm vụ: Phát tài liệu nguồn 2.1 (ở phần phụ lục), yêu cầu HV đọc nội dung trong tài liệu, sau đó thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi sau:

+ Anh/chị hiểu thế nào là định hướng nghề nghiệp? Thế nào là tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con?

+ Cha mẹ có vai trò như thế nào trong việc định hướng nghề nghiệp của con?

+ Nếu cha mẹ làm tốt việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp sẽ đem lại lợi ích gì cho con, gia đình và xã hội?

- Chia lớp thành các nhóm và hướng dẫn HV hoạt động nhóm theo trình tự: Cá nhân nghiên cứu tài liệu nguồn 2.1, liên hệ thực tiễn để trả lời câu hỏi. Ghi các câu trả lời vào giấy hoặc vở. Sau đó chia sẻ trong nhóm dưới sự điều hành của nhóm trưởng. Lần lượt từng thành viên trong nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, các thành viên khác lắng nghe, nhận xét. Những thành viên sau không nêu lại ý kiến trùng lặp. Thư ký nhóm ghi tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm trên cơ sở ý kiến của từng cá nhân vào tờ giấy khổ to hoặc giấy khổ A4.

- GV động viên, khuyến khích đại diện các nhóm HV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

GV giải thích một số thuật ngữ: Định hướng nghề nghiệp, tư vấn định hướng nghề nghiệp. Sau đó, nêu tóm tắt vai trò của cha mẹ trong việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp theo nội dung trong thông tin nguồn 1.1 và liên hệ thực tế để giúp người học đạt được mục tiêu của hoạt động 1.

3. Kết luận hoạt động 1

Cha mẹ là một trong các tác nhân quan trọng nhất để tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con đạt hiệu quả vì cha mẹ là người gần gũi và hiểu rõ con mình nhất. Khi cha mẹ sẵn sàng hỗ trợ con và tham gia tích cực vào việc tư vấn định hướng nghề nghiệp sẽ giúp con hiểu rõ hơn về sở thích, khả năng, tính cách, giá trị nghề nghiệp của bản thân, những yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn nghề và yêu cầu của những nghề mà con muốn chọn, từ đó giúp con có định hướng nghề nghiệp đúng và lựa chọn được hướng học, nghề nghiệp phù hợp.

Hoạt động 2. Tìm hiểu quan niệm của cha mẹ trong việc định hướng nghề nghiệp cho con

1. Mục tiêu

Trình bày được quan niệm của cha mẹ trong việc hỗ trợ, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con.

2. Tổ chức thực hiện

Sử dụng phương pháp tự nghiên cứu tài liệu kết hợp với sử dụng PPDH theo nhóm, giải thích - minh họa để tổ chức hoạt động này theo trình tự sau:

- Yêu cầu HV suy ngẫm, sau đó cho biết ý kiến của bản thân về việc cha mẹ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con theo câu hỏi gợi ý:

+ Anh/chị có hỗ trợ, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con không? Vì sao có hoặc không?

- Mời một số HV đứng tại chỗ trình bày ý kiến của mình. Yêu cầu HV trong lớp chú ý lắng nghe.

- Khuyến khích, động viên HV khác trình bày nhận xét về những ý kiến của các HV vừa nêu.

- GV nhận xét. Sau đó, phát tài liệu nguồn 2.2 (ở phần phụ lục), yêu cầu HV trong lớp nghiên cứu tài liệu để trả lời những câu hỏi sau:

+ Ở nước ta, cha mẹ thường có quan niệm như thế nào trong việc tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con?

+ Nguyên nhân nào dẫn đến những quan niệm chưa đúng trong việc cha mẹ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con?

+ Những quan niệm chưa đúng đó có ảnh hưởng như thế nào đến việc định hướng nghề nghiệp của con?

+ Làm thế nào để thay đổi những quan niệm chưa đúng đó?

- Chia lớp thành các nhóm, yêu cầu các cá nhân và các nhóm hoạt động nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập theo cách thức đã thực hiện ở hoạt động 1.

- Động viên, khuyến khích đại diện các nhóm HV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Nhắc các nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến, không nhắc lại các ý kiến của nhóm trước đã trình bày.

- Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm, động viên khuyến khích những cá nhân, nhóm trả lời các câu hỏi đầy đủ, rõ ràng, cụ thể.

- Yêu cầu HV liên hệ thực tiễn việc cha mẹ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con ở địa phương, chỉ ra những quan niệm đúng và chưa đúng của bản thân và những người mà HV biết.

- Giải thích- minh họa nội dung của hoạt động 2 dựa vào tài liệu nguồn 2.2 trong phần phụ lục và những kinh nghiệm, hiểu biết thực tế của bản thân.

- Chốt nội dung chính của hoạt động 2 và kết luận.

3. Kết luận hoạt động 2

Cha mẹ có nhiều quan niệm khác nhau về việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp. Có những cha mẹ quan niệm: cha mẹ đóng vai trò quan trọng trong việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp nhằm giúp con lựa chọn hướng đi, nghề nghiệp phù hợp. Tuy nhiên, nhiều cha mẹ lại có quan niệm chưa đúng về vấn đề này nên ít hoặc không quan tâm đến việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp.

Nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của cha mẹ đối với việc hướng nghiệp cho con và chưa được trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết về tư vấn định hướng nghề nghiệp. Với tấm lòng thương yêu con vô hạn và trách nhiệm của người làm cha mẹ đối với nghề nghiệp tương lai của con, nhất định các cha mẹ sẽ làm tốt việc này trên cơ sở nhận diện được những quan niệm chưa đúng để không mắc phải và tích cực tìm hiểu, vận dụng những kiến thức, kỹ năng cha mẹ cần có để tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp.

C. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Vận dụng được kiến thức mới đã lĩnh hội được để đề xuất cách xử lý tình huống cha mẹ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con. Qua đó, củng cố, mở rộng kiến thức mới.

2. Tổ chức thực hiện

- Chuyển giao nhiệm vụ cho HV: Làm các bài tập tình huống ở mục 2, phần phụ lục. Sau đó, xây dựng kịch bản, phân công đóng vai xử lý tình huống, tập diễn và thể hiện trước lớp.

Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ: thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. Có 3 tình huống nên mỗi tình huống sẽ phân công một vài nhóm thực hiện (tùy theo số nhóm trong lớp).

- HV hoạt động nhóm để thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong quá trình HV hoạt động nhóm, GV đến các nhóm quan sát, lắng nghe và có thể hỗ trợ, hướng dẫn thêm để HV hoàn thành nhiệm vụ.

- Yêu cầu lần lượt từng nhóm lên trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ dưới hình thức đóng vai xử lý tình huống. Các HV trong lớp quan sát, lắng nghe và đề xuất cách xử lý tình huống khác (nếu có).

- HV nhận xét, nêu những điều học hỏi được qua phần trình bày kết quả xử lý tình huống.

- Nhận xét chung, động viên, khuyến khích những nhóm, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và kết luận hoạt động dựa trên kết quả hoạt động của HV.

D. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

- Chỉ ra được vai trò, quan niệm của cha mẹ về việc tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con trong thực tế ở địa phương.

- Đưa ra được ý kiến cá nhân về việc cha mẹ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con ở địa phương.

2. Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ: Tìm hiểu việc tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con ở địa phương. Từ đó, chỉ ra vai trò, quan niệm của cha mẹ về việc tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con ở địa phương.

Hướng dẫn HV thực hiện nhiệm vụ: Có thể tiến hành khảo sát bằng phỏng vấn hoặc phiếu hỏi với những câu hỏi, như:

+ *Anh/chị có hỗ trợ, tư vấn cho con chọn nghề không?*

+ Nếu có, anh /chị đã hỗ trợ bằng cách nào?
+ Theo anh/chị, cha mẹ có cần phải tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con không? Vì sao?

+ Mong muốn của anh/chị đối với việc học tập và nghề nghiệp tương lai của con? (muốn con học lên đại học hay học nghề hay tham gia lao động sau khi tốt nghiệp?).

- HV thực hiện nhiệm vụ vào thời gian sau giờ học. Nhắc HV ghi lại những điều đã tìm hiểu được về vai trò, quan niệm của cha mẹ trong việc tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con trong thực tế để chia sẻ trước lớp vào buổi học sau.

IV. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

A. Câu hỏi trắc nghiệm

Hãy khoanh vào chữ cái đứng trước phương án phù hợp với lựa chọn của anh/chị.

1. Vì sao nói cha mẹ là một trong các tác nhân quan trọng nhất để tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con đạt hiệu quả?

- A. Vì cha mẹ là người gần gũi và hiểu rõ năng lực và sở thích của con mình nhất.
- B. Vì cha mẹ là người có quyền lực nhất trong việc chọn nghề nghiệp của con.
- C. Vì thời gian con sống cùng cha mẹ nhiều hơn so với nhà trường và xã hội.
- D. Vì cha mẹ là người cung cấp kinh phí cho con ăn học và lập nghiệp.

2. Cha mẹ sẵn sàng hỗ trợ con và tích cực tư vấn định hướng nghề nghiệp sẽ giúp con

- A. lựa chọn những nghề nghiệp nào mang lại nhiều lợi ích như công việc ổn định, lương cao.
- B. lựa chọn những nghề nghiệp nào mang lại nhiều lợi ích như cơ hội việc làm và môi trường làm việc tốt.
- C. hiểu rõ hơn về sở thích, khả năng, tính cách của bản thân để lựa chọn nghề nghiệp phù hợp.
- D. hiểu rằng cần phải lựa chọn những nghề nghiệp theo ý của cha mẹ để cha mẹ vui lòng.

3. Nguyên nhân nào dẫn đến cha mẹ thường có những quan niệm chưa đúng trong việc tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con?

- A. Do nhà trường đã triển khai thực hiện tốt nội dung giáo dục hướng nghiệp cho học sinh.
- B. Do xã hội đã có nhiều trung tâm tư vấn, tuyển dụng lao động.
- C. Do học sinh đã có đủ tự tin để tự quyết định lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân.

D. Do cha mẹ nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của cha mẹ đối với việc hướng nghiệp cho con.

4. Quan niệm nào dưới đây của cha mẹ trong việc tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con là đúng nhất?

A. Tôn trọng nguyện vọng của con. Việc lựa chọn nghề nghiệp của con thì để con tự quyết định.

B. Cha mẹ gần gũi và hiểu con nhất nên việc tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con là rất quan trọng.

C. Cha mẹ không cần tư vấn vì đã có nhà trường triển khai tư vấn hướng nghiệp cho học sinh.

D. Cha mẹ không cần tư vấn vì đã có nhiều trung tâm tư vấn, tuyển dụng lao động sẽ tư vấn cho con.

5. Quan niệm nào dưới đây của cha mẹ trong việc tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con là chưa đúng?

A. Con nên chọn nghề nghiệp nào phù hợp với khả năng, sở thích và cá tính của bản thân.

B. Con nhất định phải học đại học, dù có thể phải thi hai ba lần, vì chỉ có học đại học, con mới có cuộc sống tươi sáng.

C. Khi lựa chọn nghề nghiệp, con phải nhận thức đúng về bản thân để lựa chọn nghề phù hợp với bản thân và nhu cầu, yêu cầu của thị trường lao động.

D. Con học nghề hay học đại học là tùy con, miễn là con chọn được nghề nghiệp phù hợp với con và mang lại hạnh phúc trong lao động nghề nghiệp cho con.

B. Câu hỏi tự luận

1. Quan niệm của anh/chị về việc cha mẹ tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp.

2. Ý kiến của anh/chị về vai trò của cha mẹ trong việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp.

3. Khi tư vấn lựa chọn nghề nghiệp cho con đã xảy ra mâu thuẫn: con khẳng khái từ chối định hướng của cha mẹ mà chỉ muốn làm theo ý của con và bạn bè. Trong tình huống này, anh/chị giải quyết như thế nào?

Đáp án câu trắc nghiệm:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	D	B	B

V. PHỤ LỤC

1. Tài liệu nguồn

Tài liệu nguồn 2.1. Vai trò của cha mẹ trong định hướng nghề nghiệp²

2.1.1. Một số khái niệm liên quan đến việc cha mẹ định hướng nghề nghiệp cho con

Là cha mẹ, ai cũng mong muốn con mình chọn được ngành nghề phù hợp, có kết quả học tập tốt khi tham gia quá trình đào tạo nghề nghiệp. Khi ra trường hoặc khi trưởng thành, con sẽ nhanh chóng có được việc làm việc phù hợp với bản thân, với ngành nghề đã học, công việc ổn định, có thu nhập cao, có cơ hội thăng tiến... Hạnh phúc của con trong lao động nghề nghiệp là một trong những yếu tố tạo nên hạnh phúc của cha mẹ, gia đình.

Muốn đạt được mong muốn chính đáng đó, điều quan trọng đầu tiên mà những người làm cha mẹ cần thực hiện ngay từ khi con còn nhỏ cho đến khi con đứng trước ngưỡng cửa chọn nghề cho bản thân, đó là đồng hành cùng con trong quá trình định hướng nghề nghiệp thông qua việc hỗ trợ, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con.

Tại sao việc cha mẹ hỗ trợ, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con lại quan trọng như vậy? Để trả lời được câu hỏi này, trước hết cha mẹ cần tìm hiểu để biết được: Định hướng nghề nghiệp là gì? Cha mẹ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con là gì?

a) *Định hướng nghề nghiệp* là việc mỗi cá nhân tự đặt ra các lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai cho bản thân. Những lựa chọn này phải đảm bảo phù hợp với khả năng, sở thích, tính cách, giá trị nghề nghiệp, điều kiện gia đình và những yếu tố liên quan khác (như nhu cầu tuyển dụng, yêu cầu và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động tại thời điểm hiện tại và tương lai...).

Có thể nhiều cha mẹ sẽ thắc mắc: Định hướng nghề nghiệp có phải là hướng nghiệp không ?

Ở chủ đề 1 đã cho chúng ta biết: *Hướng nghiệp trong giáo dục* là hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài nhà trường để giúp HS/HV có kiến thức về nghề nghiệp và có khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội. Hướng nghiệp không chỉ được thực hiện trong nhà trường bởi các thầy, cô giáo mà còn được tiến hành tại gia đình và

² Nguồn: Tài liệu dành cho cha mẹ giúp con hướng nghiệp, 2013

Tài liệu tập huấn về Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, năm 2020

cộng đồng với sự tác động, hỗ trợ của các cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là cha mẹ HS/HV.

Như vậy, định hướng nghề nghiệp và hướng nghiệp không phải là một mặt dù cả hai đều hướng tới việc chọn nghề phù hợp của người học thông qua việc người học tìm hiểu bản thân, ngành nghề và thị trường lao động, nhưng *hướng nghiệp là các hoạt động hỗ trợ cá nhân* lựa chọn và phát triển nghề nghiệp phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân, đồng thời đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội. Còn *định hướng nghề nghiệp là việc mỗi cá nhân tự xác định mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai và đưa ra lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân dựa trên kết quả của quá trình hướng nghiệp*.

Từ đó, có thể hiểu việc cha mẹ hỗ trợ, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con chính là việc cha mẹ tham gia hướng nghiệp cho con.

b) *Cha mẹ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con* được hiểu là các biện pháp được cha mẹ sử dụng nhằm giúp con phát hiện, đánh giá sở thích nghề nghiệp, khả năng về thể chất, trí tuệ của bản thân; đối chiếu khả năng thực có của con với yêu cầu của bậc học cao hơn hoặc yêu cầu của nghề đối với người lao động, có cân nhắc đến nhu cầu nhân lực của địa phương, xã hội. Từ đó, hỗ trợ con tự đưa ra lựa chọn ngành nghề và cơ sở đào tạo nghề nghiệp vừa phù hợp với sở thích, khả năng của con, vừa phù hợp với hoàn cảnh gia đình và nhu cầu nhân lực của địa phương, xã hội.

Qua khái niệm trên cho thấy: việc cha mẹ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con không phải là áp đặt con theo mong muốn của cha mẹ, mà là giúp con nhận thức được năng lực, sở thích và khả năng của bản thân và những yếu tố khác liên quan đến việc chọn nghề nghiệp để đưa ra lựa chọn con đường phát triển phù hợp. Vì vậy, khi tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con, cha mẹ hãy trò chuyện với con về ước mơ, về những sở thích, khả năng và ngành nghề mà con yêu thích; cùng con tìm hiểu về các ngành nghề khác nhau, về thị trường lao động, về những cơ hội và thách thức của từng ngành nghề. Từ đó, đưa ra những lời khuyên hữu ích, giúp con có cái nhìn tổng quan và đưa ra quyết định đúng đắn cho tương lai của mình. Điều này, đòi hỏi cha mẹ cần có những kiến thức, kỹ năng cơ bản về hướng nghiệp. Những kiến thức, kỹ năng này cha mẹ sẽ được trang bị khi tham gia học tập bài sau của chủ đề này.

2.1.2. Vai trò của cha mẹ trong việc định hướng nghề nghiệp cho con

Từ khái niệm “cha mẹ tư vấn định hướng nghề nghiệp”, cho thấy: vai trò của cha mẹ không phải là dắt tay con đi suốt cuộc đời và đảm bảo cho con một cuộc sống tốt đẹp mà là đồng hành và hỗ trợ con trên con đường tự khám phá giá trị bản thân, tư vấn

cho con tìm hiểu toàn diện và lựa chọn nghề nghiệp tương lai phù hợp nhất; giúp con chuẩn bị sẵn sàng cho hành trình học tập, công việc tương lai và biết được mình nên biết gì, hiểu gì và có khả năng làm gì, qua đó xác định được mục tiêu của bản thân và làm thế nào để đạt được mục tiêu đó.

Trong dự án Tầm nhìn về hướng nghiệp tại một số tỉnh ở Việt Nam, VVOB Việt Nam³ đã khẳng định: “Cha mẹ là một trong các tác nhân quan trọng nhất để công tác hướng nghiệp cho học sinh trung học đạt hiệu quả. Khi cha mẹ hiểu rõ những bước cần làm cho việc quyết định tốt về nghề nghiệp, họ sẽ làm mọi cách để hỗ trợ con em mình”.

Từ nhiều năm nay, đa số người làm cha mẹ đều cho rằng, nhà trường là tác nhân chính đóng vai trò quyết định trong công tác hướng nghiệp cho học sinh phổ thông nói chung, cho HV của các cơ sở GDTX nói riêng. Trong khi đó, chính cha mẹ mới là tác nhân quan trọng nhất vì cha mẹ là người gần gũi và hiểu con rõ nhất. Từ khi con chào đời đến khi con trưởng thành, cha mẹ là người hàng ngày, hàng giờ tiếp xúc, chăm sóc, dạy dỗ con, quan sát những việc con làm, những hoạt động con tham gia. Vì vậy, cha mẹ là người hiểu rõ nhất tính cách, sở thích, khả năng, nguyện vọng của con. Hạnh phúc và sự thành đạt của con luôn là niềm mong ước lớn nhất, là động lực to lớn để những người làm cha mẹ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con, giúp con có điều kiện tốt nhất để nâng cao hiểu biết của bản thân, về tri thức cũng như thế giới nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, con có sự lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân và mong ước của gia đình. Hơn nữa, theo truyền thống gia đình ở nước ta, con thường nghe lời cha mẹ vì tin tưởng và muốn làm vui lòng cha mẹ, ngay cả trong việc chọn ngành, nghề cho bản thân.

Để thực hiện tốt vai trò của cha mẹ trong việc tư vấn, hỗ trợ con định hướng nghề nghiệp, cha mẹ cần:

- Lắng nghe, thấu hiểu sở thích và năng lực của con, quan sát, ghi nhận các hoạt động, cảm xúc của con để khám phá tài năng tiềm ẩn.
- Chia sẻ thông tin về thị trường lao động, các ngành nghề, yêu cầu công việc và triển vọng phát triển; khuyến khích con tìm hiểu nghề nghiệp, thị trường lao động qua sách vở, internet hoặc các hội thảo nghề nghiệp.
- Khuyến khích con trải nghiệm thực tế để con tự tin và hiểu rõ hơn về đam mê của mình. Động viên, khích lệ và tin tưởng vào lựa chọn của con, giúp con cảm thấy gia đình luôn là điểm tựa vững chắc.

³ VVOB Việt Nam là tổ chức Hợp tác phát triển và Hỗ trợ kỹ thuật vùng Flamăng - Vương quốc Bỉ hoạt động tại Việt Nam

- Chia sẻ kinh nghiệm học tập, làm việc, những khó khăn đã vượt qua và những câu chuyện thành công để truyền cảm hứng cho con.

- Xây dựng kế hoạch định hướng cụ thể theo từng giai đoạn để có lộ trình tư vấn đúng đắn, phù hợp cho con.

- Tạo điều kiện để con tham gia đầy đủ các buổi ngoại khóa tại trường, các hội thảo nghề nghiệp, tham quan một số xưởng nghề, nơi làm việc có liên quan với các ngành học mà con muốn học nhằm giúp con có nhận thức, trải nghiệm đầy đủ hơn về nghề nghiệp tương lai.

2.1.3. Lợi ích của việc cha mẹ hỗ trợ, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con

Thực hiện tốt việc hỗ trợ, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con sẽ đem lại nhiều lợi ích cho con, cho gia đình và xã hội.

- *Đối với bản thân con:* Việc cha mẹ hỗ trợ, tư vấn con định hướng nghề nghiệp giúp con sớm xác định được mục tiêu nghề nghiệp, dễ dàng xác định được hướng đi và mục tiêu học tập cho bản thân một cách nhanh chóng, hiệu quả. Nhờ đó, con tự tin đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp, tránh được việc mất quá nhiều thời gian, công sức vào việc học ngành nghề không phù hợp với năng lực của bản thân. Khi đi làm, con có thể phát huy hết năng lực của mình, thành công trong công việc, đạt được thành công trong tương lai và không phải cảm thấy hối tiếc do đưa ra những lựa chọn sai lầm, thiếu đúng đắn.

- *Đối với gia đình:* Tiết kiệm thời gian, công sức, tiền của đầu tư cho con đi học do con chọn được ngành nghề phù hợp với sở thích, khả năng và nhu cầu lao động của xã hội. Việc con chọn được ngành nghề phù hợp còn góp phần xây dựng hạnh phúc gia đình

- *Đối với xã hội:* Góp phần cung ứng cho xã hội nguồn nhân lực có chất lượng, có động lực và năng lực làm tốt nghề nghiệp bản thân đã chọn, đồng thời góp phần phân luồng hợp lý nguồn lực lao động và phát triển kinh tế của đất nước.

Thông tin nguồn 2.2. Một số quan niệm của cha mẹ trong việc định hướng nghề nghiệp cho con

Trong thực tế, nhiều cha mẹ có hiểu biết nhất định về tầm quan trọng cũng như kiến thức, kỹ năng cần thiết để hỗ trợ con trong việc chọn hướng học, chọn nghề phù hợp. Họ luôn quan tâm đến việc tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con và nỗ lực trong việc giúp con đưa ra lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Tuy nhiên, nhiều cha mẹ còn có một số quan niệm chưa đúng trong việc định hướng nghề nghiệp cho con, như:

- Cha mẹ không cần định hướng nghề nghiệp cho con vì đã có nhà trường làm công tác giáo dục hướng nghiệp.

- Con đã lớn, có hiểu biết, tự con có thể chọn nghề phù hợp cho bản thân. Tin tưởng, tôn trọng con bằng việc không can thiệp vào sự lựa chọn nghề nghiệp của con.

- Con mình phải học những ngành học đang “hot” hoặc chọn những ngành nghề theo trào lưu (ví dụ: trào lưu vào học ngành Y, ngành Dược, ngành Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Trí tuệ nhân tạo...). Trong khi đó, cha mẹ thực sự chưa có hiểu biết cần thiết về những nghề muốn con chọn. Quan niệm này cho thấy, khi tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con, cha mẹ chỉ chú ý đến những điểm hấp dẫn của nghề, chưa chú ý tìm hiểu những khó khăn thử thách, các yêu cầu cụ thể của nghề.

- Con nhất định phải học đại học. Chỉ có học đại học mới thoát nghèo và thay đổi cuộc sống, trong khi đó học lực, khả năng, sở thích nghề nghiệp của con và hoàn cảnh gia đình không phù hợp với con đường vào đại học.

- Thiếu tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của con và áp đặt ý kiến của cha mẹ. Nhiều cha mẹ ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp cho con, bắt buộc con phải học ngành nghề mà mình chọn thay vì tư vấn định hướng nghề nghiệp cho con. Điều này dẫn đến việc con phải học ngành nghề mà bản thân không thích, thiếu khả năng, dẫn đến kết quả học tập bị hạn chế. Khi ra trường, cơ hội việc làm không cao hoặc bản thân con thiếu động lực trong hoạt động nghề nghiệp.

- Mang định kiến giới khi định hướng nghề nghiệp cho con (ví dụ: con gái phải học sư phạm, kinh tế, không nên học những nghề kỹ thuật, những ngành công nghệ cao, công an, quân đội; con trai không nên học nghề nấu ăn, thiết kế thời trang, sư phạm...)

Nguyên nhân chủ yếu của những quan niệm trên là do:

- Cha mẹ thiếu kiến thức cơ bản về hướng nghiệp và tư vấn định hướng nghề nghiệp.

- Nhiều cha mẹ thường hướng nghiệp cho con theo cảm tính và kinh nghiệm, bỏ qua việc phân tích, đối chiếu xem nghề đó có phù hợp với con mình hay không, ít lắng nghe nguyện vọng của con.

- Xem nhẹ việc định hướng nghề nghiệp và cho rằng chỉ cần định hướng nghề cho những em không có kết quả học tập tốt hoặc không có khả năng học lên cao hơn.

- Coi trọng con đường học lên đại học, xem nhẹ việc học nghề. Dự án về hướng nghiệp của VVOB Việt Nam đã tiến hành khảo sát về mong muốn của cha mẹ đối với việc học tập của con và thu được kết quả: Trong số 572 cha mẹ học sinh tham gia

phỏng vấn về hướng nghiệp, có đến 88,7% người muốn con học cao lên đến đại học. Chỉ có 10,6% người muốn con học nghề và 0,7% muốn con tham gia lao động.

- Chỉ chú ý đến mục tiêu nghề nghiệp, bỏ qua kế hoạch để đạt được mục tiêu nghề nghiệp.

- Bất bình đẳng về giới trong khi định hướng nghề nghiệp cho con.

2. Bài tập tình huống

Tình huống 1. Anh Nam có con đang học lớp 9, sức học trung bình. Hoàn cảnh gia đình anh Nam thuộc diện khó khăn. Một hôm, con anh Nam hỏi: “Bố ơi, hôm nay cô giáo con yêu cầu cả lớp về nhà làm bài tập hướng nghiệp để xác định sau khi học xong lớp 9, con sẽ lựa chọn con đường nào để đi tiếp. Cô giáo gợi ý các con đường chúng con có thể lựa chọn: 1/ Học tiếp lên trung học phổ thông; 2/ Vừa học trung học phổ thông, vừa học nghề tại trung tâm GDNN- GDTX; 3/ Học sơ cấp hoặc trung cấp nghề; 4/ Tham gia lao động tại địa phương? Con chưa biết lựa chọn thế nào. Bố có thể tư vấn, hỗ trợ con được không?” Không cần suy nghĩ lâu, anh Nam trả lời: “Con nhất định phải học tiếp lên trung học phổ thông rồi vào đại học. Đó là mong muốn của bố mẹ, con phải cố gắng thực hiện”.

Nếu là anh Nam, anh/chị sẽ nói gì và làm gì khi con hỏi như vậy?

Tình huống 2. Chị Minh có cô con gái đang học lớp 8. Chị rất yêu quý con gái và đặt nhiều kỳ vọng vào con. Chị luôn mong khi con lớn sẽ trở thành bác sĩ như bố mẹ mặc dù chị biết con gái mình có năng khiếu vẽ, mong ước sau này sẽ theo học ngành hội họa để trở thành họa sĩ. Biết khả năng và mong muốn của con như vậy nhưng nhiều lần hai mẹ con đã tranh luận rất gay gắt về việc con nhất định phải trở thành bác sĩ.

Nếu là bạn của chị Minh, anh/chị sẽ khuyên chị Minh như thế nào?

Tình huống 3. Hoàng yêu thích và có năng khiếu về văn học. Hoàng luôn mơ ước sau này lớn lên sẽ theo nghiệp văn chương và trở thành nhà văn. Tuy nhiên, bố mẹ Hoàng không ủng hộ ước mơ này của Hoàng. Anh Hùng- bố của Hoàng nói thẳng quan điểm của mình với con: “Con trai phải theo học các ngành kỹ thuật. Hiện nay ngành khoa học máy tính, công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo là những ngành “hot”. Con phải chọn một trong những ngành học này. Bỏ ước mơ văn chương viễn vông đi”.

Nếu là bạn của anh Hùng, anh/chị sẽ khuyên anh Hùng như thế nào?

PHẦN THỨ HAI. GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP

Bài 3. KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ KHỞI NGHIỆP VÀ GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

Hình thành và phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp bằng con đường khởi nghiệp trên cơ sở:

- Trình bày được khái niệm khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, giáo dục khởi nghiệp.
- Phân biệt được khởi nghiệp với startup.
- Nêu được sự khác nhau giữa khởi nghiệp với giáo dục khởi nghiệp.
- Trình bày được vai trò của giáo dục khởi nghiệp đối với cá nhân và cộng đồng.
- Vận dụng hiểu biết khái niệm về khởi nghiệp để chỉ ra được tình hình khởi nghiệp của thanh niên ở địa phương.

2. Phẩm chất

- Rèn luyện phẩm chất dám nghĩ, dám làm, tinh thần đổi mới sáng tạo.
- Có hoài bão, ước mơ khởi nghiệp để góp phần phát triển kinh tế cho bản thân, gia đình và quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Nghiên cứu Mô đun 1 trong “ Tài liệu tập huấn về giáo dục khởi nghiệp cho HV Trung tâm GDNN-GDTX” (dùng cho cán bộ quản lý, GV Trung tâm GDNN- GDTX) của Vụ Giáo dục thường xuyên- Bộ Giáo dục và Đào tạo- năm 2019 và một số tài liệu về giáo dục khởi nghiệp.

- Nghiên cứu tài liệu Giáo dục khởi nghiệp dùng cho GV Trung học phổ thông do Vụ Giáo dục thường xuyên kết hợp với Tổ chức Lao động quốc tế tại Việt Nam biên soạn năm 2017.

- Tài liệu nguồn 3.1, 3.2 và bài tập nhận diện khởi nghiệp.
- Máy tính + Máy chiếu + Màn hình (nếu có).
- Giấy khổ A0 + Bút dạ.
- Tìm hiểu thực tế khởi nghiệp ở địa phương

2. Chuẩn bị của HV

- Giấy, bút.

- Đọc tài liệu tham khảo về khởi nghiệp.
- Tìm hiểu thực tế khởi nghiệp ở địa phương.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Tạo hứng thú, nhu cầu tìm hiểu về khởi nghiệp cho HV.

2. Tổ chức thực hiện

- GV nêu tình huống qua câu chuyện của An:

Câu chuyện của An: An sinh ra và lớn lên ở một vùng quê miền núi phía Bắc. Từ khi học ở trường THCS, An đã được nghe các câu chuyện về những tấm gương khởi nghiệp. An tự hỏi: Khởi nghiệp là gì? Làm thế nào để khởi nghiệp thành công? Liệu mình có thể khởi nghiệp được không? Nếu khởi nghiệp thì có thể thành công được không?... và, An nuôi mơ ước một ngày nào đó mình sẽ khởi nghiệp ngay trên quê hương mình.

- Khuyến khích HV dựa vào hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân để nêu ý kiến giải đáp thắc mắc của An.

- Nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.

B. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Phân biệt khởi nghiệp với Startup

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
- Phân biệt được khởi nghiệp với Startup.

2. Tổ chức hoạt động

Sử dụng phương pháp dạy học theo nhóm và kỹ thuật khăn trải bàn để tổ chức hoạt động 1 theo trình tự sau:

- Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm khoảng 4- 6 HV. Mỗi nhóm bầu 1 người làm nhóm trưởng điều hành hoạt động nhóm và 1 người làm thư ký.

- Phát tài liệu nguồn 3.1 “Khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là gì?” cho các HV và chuyển giao nhiệm vụ: HV tự nghiên cứu tài liệu nguồn 1.1 để trả lời câu hỏi:

- + Thế nào là khởi nghiệp?
- + Thế nào là khởi nghiệp đổi mới sáng tạo?

+ *Phân biệt khởi nghiệp với Starup? Hoạt động nghề nghiệp của mọi người hiện nay có phải là khởi nghiệp không? Vì sao?*

- Hướng dẫn HV thực hiện nhiệm vụ được giao theo kỹ thuật khăn trải bàn: GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0 hoặc A1. Trước hết, HV làm việc cá nhân, viết câu trả lời cho 3 câu hỏi trên vào góc của tờ giấy ở trước mặt hoặc giấy, vở của mình.

Sau đó, nhóm trưởng điều hành hoạt động nhóm: lần lượt từng thành viên trong nhóm đọc kết quả trả lời câu hỏi của mình để thư ký viết vào giữa tờ giấy của nhóm. Thư ký không ghi ý kiến của người sau trùng với ý kiến của người trước. Sau cùng, cả nhóm thảo luận, thống nhất ý kiến chung và cử đại diện trình bày trước lớp.

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ được chuyển giao theo hướng dẫn của GV.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm mình.

- Nhận xét, giải thích, nêu ví dụ về khởi nghiệp trong thực tế ở địa phương và kết luận hoạt động 1.

3. Kết luận hoạt động 1

1. Việc cung ứng những sản phẩm mới, dịch vụ mới hay kinh doanh những mặt hàng theo ý tưởng riêng, đổi mới, sáng tạo đều được gọi là khởi nghiệp.

Quá trình tạo ra một lĩnh vực hoạt động mới cho riêng mình cũng có thể được coi là khởi nghiệp

2. Đặc tính cơ bản của khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là tính mới, tính sáng tạo và tính đột phá nhằm tạo ra sản phẩm/dịch vụ mới có giá trị chưa có trên thị trường.

3. Khởi nghiệp là thuật ngữ nói về việc bắt đầu một nghề nghiệp, một hoạt động kinh doanh có tính mới, sáng tạo. Startup là thuật ngữ nói về một định chế/ tổ chức được thiết kế nhằm mục đích tạo ra những sản phẩm/dịch vụ mới trong điều kiện không chắc chắn. Startup là một trong những cách thức người ta có thể lựa chọn để khởi nghiệp.

Hoạt động 2. Tìm hiểu khái niệm, mục đích, vai trò của giáo dục khởi nghiệp

1. Mục tiêu

- Nêu được khái niệm giáo dục khởi nghiệp và sự khác nhau giữa khởi nghiệp với giáo dục khởi nghiệp.

- Trình bày được mục đích, vai trò của giáo dục khởi nghiệp đối với cá nhân và cộng đồng.

2. Tổ chức hoạt động

Tổ chức cho HV thực hiện hoạt động 2 theo phương pháp làm việc theo nhóm và kỹ thuật khăn trải bàn. Trình tự thực hiện như sau:

- Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm khoảng 4 – 6 HV. Yêu cầu mỗi nhóm cử 1 người làm nhóm trưởng và 1 người làm thư ký.
- Chuyển giao nhiệm vụ: Nghiên cứu tài liệu nguồn 3.2. “Giáo dục khởi nghiệp là gì? Mục đích, vai trò của giáo dục khởi nghiệp” và trả lời câu hỏi:
 - + *Giáo dục khởi nghiệp là gì? Mục đích giáo dục khởi nghiệp*
 - + *Giáo dục khởi nghiệp có vai trò như thế nào đối với cá nhân và xã hội?*
 - + *Nêu điểm khác nhau giữa giáo dục khởi nghiệp và khởi nghiệp?*
- Hướng dẫn HV thực hiện nhiệm vụ theo phương pháp làm việc theo nhóm và kỹ thuật khăn trải bàn tương tự như hoạt động 1.
- HV thực hiện nhiệm vụ. Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm chia sẻ, thảo luận kết quả thực hiện nhiệm vụ. Thư ký nhóm tổng hợp các ý kiến và ghi vào tờ giấy khổ A0 hoặc A1. Cả nhóm cử đại diện nhóm chuẩn bị trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình trước lớp.
- Đại diện các nhóm lần lượt báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình. HV trong lớp lắng nghe để bổ sung, nhận xét các ý kiến trình bày.
- Nhận xét, giải thích và kết luận hoạt động 2

3. Kết luận hoạt động 2

1. *Giáo dục khởi nghiệp là quá trình giáo dục cho người học có được nhận thức và một số kiến thức thực tế về cơ hội, thách thức, quy trình, đặc điểm, tính cách và kỹ năng cần thiết đối với người làm kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp, đồng thời tạo ra sự thay đổi thái độ và động cơ đối với hoạt động nghề nghiệp và phát triển sự nghiệp của người học.*

2. *Mục đích chủ yếu của giáo dục khởi nghiệp là trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng hữu dụng để khởi nghiệp và thúc đẩy ý tưởng, dự án khởi nghiệp, bồi dưỡng tinh thần doanh nhân để người học có thể đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở cộng đồng, quê hương và đất nước.*

3. *Vai trò của giáo dục khởi nghiệp:*

- *Đối với cá nhân: Giáo dục khởi nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra sự thay đổi động cơ, thái độ, tăng năng lực cá nhân, phát triển các kỹ năng mềm và chủ động trong hoạt động nghề nghiệp.*

- Đối với xã hội: Giáo dục khởi nghiệp trong giáo dục không chỉ nhằm đến lợi nhuận mà còn hướng tới giá trị xã hội như tăng khả năng tiếp cận tri thức, thu hẹp khoảng cách học tập vùng miền, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng cơ hội việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp và khuyến khích đổi mới sáng tạo.

4. Giáo dục khởi nghiệp và khởi nghiệp khác nhau về mục đích, nội dung, phương thức hoạt động và kết quả.

C. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Vận dụng hiểu biết về khởi nghiệp để giải quyết các bài tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm, mở rộng khái niệm về khởi nghiệp.

2. Tổ chức hoạt động

GV tổ chức, hướng dẫn HV làm bài tập nhận diện khởi nghiệp:

- Chuyển giao nhiệm vụ: HV làm bài tập 2.1, 2.2 và trả lời câu hỏi 2.3.

- HV làm bài tập theo hình thức cá nhân.

- Mời một số HV báo cáo kết quả làm bài tập của mình. Yêu cầu các HV khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

- Nhận xét và kết luận: Ở bài tập 1, Minh là người khởi nghiệp vì Minh bắt đầu công việc của mình bằng một dự án kinh doanh với ý tưởng mới, sáng tạo để cung cấp sản phẩm hoa, quả và dịch vụ du lịch sinh thái có giá trị cho thị trường.

Ở bài tập 2. Việc mở cửa hàng giải khát để thực hiện ý tưởng đổi mới, sáng tạo trong pha chế đồ uống của Hương là khởi nghiệp.

Giải đáp câu hỏi tình huống

An băn khoăn vì chưa biết: Khởi nghiệp là gì? Làm thế nào để có thể khởi nghiệp thành công? Liệu mình có thể khởi nghiệp được không? Nếu mình khởi nghiệp thì có thể thành công không?

Giải đáp: Khởi nghiệp là quá trình một cá nhân hoặc một nhóm người bắt đầu một dự án kinh doanh mới để cung cấp sản phẩm/dịch vụ mới có giá trị cho thị trường. Khởi nghiệp thường được triển khai thực hiện thông qua việc thành lập một doanh nghiệp mới để kinh doanh với ý tưởng mới, sáng tạo.

Muốn khởi nghiệp thành công, An nên tham gia chương trình giáo dục khởi nghiệp để có kiến thức nền tảng vững chắc, có kiến thức khoa học, công nghệ và các kỹ năng cần thiết về khởi nghiệp, đồng thời có tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám mạo hiểm, có năng lực giao tiếp,

hợp tác, tự chủ giải quyết vấn đề sáng tạo. Những kiến thức, kỹ năng, năng lực, phẩm chất trên cần được rèn luyện, thử thách, phát triển qua hoạt động khởi nghiệp trong thực tế.

An có thể khởi nghiệp và khởi nghiệp thành công nếu có khát vọng làm giàu chính đáng và có quyết tâm theo đuổi mơ ước khởi nghiệp thông qua các hoạt động thực tế, như: tham gia khóa học giáo dục khởi nghiệp, luôn có ý tưởng đổi mới sáng tạo, thực hành khởi nghiệp, rèn luyện tinh thần doanh nhân và những năng lực, phẩm chất cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Trong quá trình khởi nghiệp, An phải luôn tự tin, thường xuyên học hỏi các mô hình khởi nghiệp thành công và học hỏi từ thất bại của chính mình.

D. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

HV vận dụng được hiểu biết về khái niệm khởi nghiệp và trải nghiệm thực tế để tìm hiểu, chỉ ra tình hình khởi nghiệp của thanh niên hiện nay ở địa phương.

2. Tổ chức hoạt động

- Chuyển giao nhiệm vụ và hướng dẫn HV về nhà tìm hiểu tình hình khởi nghiệp của thanh niên hiện nay ở địa phương theo những câu hỏi gợi ý sau:

- + Ở địa phương anh/chị đã có những ai đã khởi nghiệp?
- + Họ khởi nghiệp trong những lĩnh vực nào?
- + Kể lại những điều mà anh/chị biết về hành trình và kết quả khởi nghiệp của một nhân vật khởi nghiệp ở địa phương.
- + Anh/chị đánh giá như thế nào về tình hình khởi nghiệp của thanh niên ở địa phương mình?
- + Mong muốn của anh/chị đối với hoạt động khởi nghiệp ở địa phương mình.

- GV nhắc HV ghi lại những điều tìm hiểu được về tình hình khởi nghiệp của thanh niên hiện nay ở địa phương để chia sẻ trước lớp vào buổi học sau. Chú ý ghi lại bằng hình ảnh minh họa cho những điều tìm hiểu được.

IV. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

A. Câu hỏi trắc nghiệm

Hãy khoanh vào chữ cái đứng trước phương án phù hợp với lựa chọn của anh/chị.

1. Khởi nghiệp là gì?

A. Khởi nghiệp được hiểu là một danh từ chỉ một nhóm người hoặc một công ty cùng nhau làm một điều chưa chắc chắn thành công.

B. Khởi nghiệp được hiểu là hành động bắt đầu của một nghề nghiệp nào đó, hình thức phổ biến là thành lập một doanh nghiệp.

C. Khởi nghiệp được hiểu là cung cấp các kỹ năng hành động và tạo ra những thay đổi góp phần cải thiện môi trường trong cộng đồng.

D. Khởi nghiệp được hiểu là quá trình trang bị kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới nhằm giúp người học hình thành, vận hành và phát triển doanh nghiệp hiệu quả.

2. Đặc tính cơ bản của khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là gì?

A. Đòi hỏi người khởi nghiệp phải có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và kinh doanh, có mối quan hệ rộng với các doanh nghiệp.

B. Đòi hỏi có sự hợp tác của nhiều người có nguồn vốn lớn đủ để lập nên doanh nghiệp lớn.

C. Có tính mạo hiểm, sẵn sàng chấp nhận khó khăn, thất bại để rèn luyện kinh nghiệm và bản lĩnh cá nhân.

D. Có tính mới, tính sáng tạo và tính đột phá nhằm tạo ra sản phẩm/dịch vụ mới có giá trị chưa có trên thị trường.

3. Giáo dục khởi nghiệp cho thanh niên nhằm mục đích gì?

A. Giúp thanh niên có kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng về khởi nghiệp.

B. Giúp thanh niên tìm được công việc tốt, ổn định và có thu nhập cao.

C. Thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển.

D. Mang lại nhiều ích lợi cho xã hội.

4. Điểm khác biệt cơ bản giữa khởi nghiệp với giáo dục khởi nghiệp là gì?

A. Khởi nghiệp là hành động bắt đầu một nghề nghiệp, còn giáo dục khởi nghiệp là quá trình trang bị kiến thức, kỹ năng và tư duy khởi nghiệp cho người học.

B. Khởi nghiệp là cung cấp cho người học kiến thức để khởi nghiệp, còn giáo dục khởi nghiệp là hướng dẫn cách vận hành và phát triển doanh nghiệp hiệu quả.

C. Khởi nghiệp là hình thành một nghề nghiệp mới lạ, còn giáo dục nghề nghiệp là hướng dẫn người học cách khởi nghiệp.

D. Khởi nghiệp là điểm xuất phát của quá trình lập nghiệp, còn giáo dục khởi nghiệp là toàn bộ quá trình lập nghiệp đó.

5. Vai trò của giáo dục khởi nghiệp đối với cá nhân và cộng đồng là gì?

A. Giúp cho mỗi cá nhân biết phương pháp khởi nghiệp để phát triển kinh tế, mang lại lợi ích cho toàn xã hội.

B. Giúp cho mỗi cá nhân và cộng đồng có cơ hội để khởi nghiệp, duy trì và phát triển nghề nghiệp.

C. Giúp người học có kiến thức, kỹ năng, ý tưởng để khởi nghiệp; giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội, tạo nhiều cơ hội việc làm mới.

D. Giúp tạo cơ hội việc làm cho các cá nhân trong cộng đồng; giúp cá nhân và cộng đồng phát triển các doanh nghiệp.

B. Câu hỏi tự luận

1. Trình bày những điểm giống và khác nhau giữa khởi nghiệp và startup.
2. Trình bày sự khác nhau giữa khởi nghiệp với giáo dục khởi nghiệp.
3. Mô tả khái quát thực trạng khởi nghiệp của thanh niên ở địa phương. Nêu những khó khăn, hạn chế và đề xuất biện pháp giải quyết.

Đáp án câu trắc nghiệm:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	D	A	A	C

V. PHỤ LỤC

1. Tài liệu nguồn

Tài liệu nguồn 3.1. Khởi nghiệp là gì? Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là gì?⁴

a) Khởi nghiệp là gì? “Khởi nghiệp” là một động từ chỉ việc bắt đầu (khởi) một nghề nghiệp, sự nghiệp (ngành). Khởi nghiệp được hiểu là hành động bắt đầu của một nghề nghiệp nào đó, hình thức phổ thông là thành lập một doanh nghiệp.

Khởi nghiệp hay còn gọi là khởi sự doanh nghiệp được hiểu đơn giản là sự bắt đầu cho một công việc kinh doanh riêng.

Có nhiều khái niệm về khởi nghiệp:

- Những việc cung ứng sản phẩm mới, dịch vụ mới hay kinh doanh những mặt hàng đã có trên thị trường theo ý tưởng riêng đều được gọi là khởi nghiệp. Khởi nghiệp không nhất thiết phải trong lĩnh vực kinh doanh mà có thể trong các lĩnh vực khác như khoa học, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, dịch vụ (thẩm mỹ, môi giới việc làm, cho thuê trang phục, mở trung tâm đào tạo ngoại ngữ...).

- Khởi nghiệp là hành động bắt đầu một nghề nghiệp, mà hình thức thường thấy nhất đó là thành lập một doanh nghiệp để kinh doanh trong một lĩnh vực nào đó. Khái niệm “khởi nghiệp” đã tồn tại từ rất lâu và đã diễn ra ở nhiều quốc gia từ hàng trăm năm nay, trong khi đó khái niệm “startup” chỉ mới xuất hiện gần đây.

⁴Nguồn: - Tài liệu tập huấn về giáo dục khởi nghiệp cho HV trung tâm GDNN-GDTX- Vụ Giáo dục thường xuyên- Bộ Giáo dục và Đào tạo- 2019

- <https://trungdoanhnhanceovietnam.edu.vn/khoi-nghiep-doi-moi-sang-cao/>

b) Phân biệt khởi nghiệp và startup

Có nhiều khái niệm khác nhau về “startup” nhưng hầu hết đều thống nhất với nhau rằng “startup là một danh từ chỉ một nhóm người hoặc một công ty cùng nhau làm một điều chưa chắc chắn thành công.”

“Startup” là một định chế/tổ chức của con người được thiết kế nhằm mục đích tạo ra những sản phẩm/dịch vụ mới trong các điều kiện không chắc chắn. Startup là một trong những loại hình, cách thức mà người ta có thể lựa chọn để “khởi nghiệp”.

Còn khởi nghiệp là quá trình một cá nhân hoặc một nhóm người bắt đầu một nghề nghiệp, một dự án kinh doanh mới để cung cấp sản phẩm/ dịch vụ mới có giá trị cho thị trường. Khởi nghiệp thường được triển khai thực hiện thông qua việc thành lập một doanh nghiệp mới để kinh doanh với ý tưởng mới, sáng tạo.

Khởi nghiệp	Startup
- Khởi nghiệp là hành động bắt đầu một nghề nghiệp. - Khởi nghiệp nói về việc bắt đầu hoạt động kinh doanh riêng mang tính đột phá, đổi mới và sáng tạo nhằm tạo ra sản phẩm/ dịch vụ mới chưa có trên thị trường hoặc tạo ra giá trị tốt hơn so với những thứ đang có sẵn.	- Startup là một định chế/ tổ chức con người được thiết kế nhằm mục đích tạo ra những sản phẩm và dịch vụ mới trong các điều kiện không chắc chắn. - Startup là một trong những cách thức người ta có thể lựa chọn để khởi nghiệp.

c) Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là gì?

- Theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được Quốc hội thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2017, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là quá trình khởi nghiệp dựa trên việc tạo ra hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa và có khả năng tăng trưởng nhanh.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

- Khái niệm khác: Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là một hình thức khởi nghiệp dựa trên ý tưởng sáng tạo, khai thác công nghệ mới, tài sản trí tuệ để tạo ra mô hình kinh doanh mới, sản phẩm/dịch vụ mới; hoặc sản phẩm cũ nhưng có điểm khác nổi trội, ưu

việt hơn so với những sản phẩm. dịch vụ đã từng có trên thị trường, được phát triển nhanh chóng vượt bậc và thay đổi thị trường.

Ví dụ: Sản phẩm Iphone của Apple; Uber, grab với ứng dụng gọi xe công nghệ; ô tô điện của VinFast; tìm tòi và phát triển giống cây trồng, vật nuôi mới trong nông nghiệp

Độc tham khảo một ví dụ khởi nghiệp của thanh niên ở Cao Bằng:

Chị Đoàn Thu Trà sinh năm 1981, dân tộc Tày, quê ở xóm Đà Quận, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng. Hiện tại, chị là Giám đốc Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp Trường Anh với quy mô trang trại dâu tây và hoa hồng là 50 ha.

Năm 2013, sau khi tốt nghiệp Học viện Nông nghiệp Việt Nam, chị Đoàn Thu Trà được tuyển vào làm cán bộ địa chính tại UBND xã Hưng Đạo. Trong thời gian đi làm, chị vừa làm vừa học và đã hoàn thành chương trình Thạc sĩ ngành khoa học trồng trọt. Năm 2017, chị quyết định xin nghỉ việc cơ quan Nhà nước để theo đuổi niềm đam mê nông nghiệp. Thấy được lợi thế về tiềm năng du lịch, khí hậu, thổ nhưỡng cũng như điều kiện xã hội tại tỉnh Cao Bằng, chị đã có ý tưởng xây dựng mô hình nông nghiệp: “Sản xuất dâu tây công nghệ cao và hoa hồng gắn với du lịch tâm linh - lịch sử Chùa Viên Minh”, kết hợp sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp với dịch vụ du lịch ngay tại quê hương mình. Thực hiện ý tưởng trên, chị đã cùng chồng thành lập HTX nông nghiệp Trường Anh. Với diện tích đất ban đầu là 500m² và số vốn là gần 200 triệu đồng tiền tiết kiệm của chị cộng với 50 triệu đồng vốn vay từ Dự án phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, chị đã nhập 4 giống dâu tây Đà Lạt với số lượng 8000 cây về trồng. Tuy nhiên, 2/4 giống dâu tây không thích hợp với khí hậu, thổ nhưỡng ở Cao Bằng đã khiến chị mất trắng một nửa.

Thất bại ban đầu với nhiều khó khăn khác như thiếu vốn, nhân công, thiếu đất sản xuất... đã không làm chị nản chí. Chị kiên trì, nỗ lực thực hiện mục tiêu đặt ra và quyết định đầu tư hệ thống nhà kính, nhập thêm giống cây dâu tây, giống hoa hồng từ Hàn Quốc, Nhật Bản, New Zealand về trồng. Hiểu rõ tầm quan trọng của kiến thức, kỹ năng chuyên môn và các kiến thức khác liên quan đến mô hình khởi nghiệp, chị đã không ngừng học hỏi và chú trọng nâng cao trình độ cho bản thân cũng như các thành viên trong HTX thông qua việc tham gia các đợt tập huấn do Liên minh HTX tỉnh tổ chức, về: Nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý HTX; Bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, tin học; Luật thuế HTX; Phát triển hàng hoá theo chuỗi giá trị... Với sự nhạy bén trong nắm bắt thị hiếu khách

hàng, chịu khó nghiên cứu, học hỏi, chị Trà đã nhanh chóng xây dựng được quy trình, áp dụng đúng kỹ thuật, chế độ chăm sóc nên vườn dâu tây và hoa hồng của chị đã dần phát triển xanh tốt. Từ 500 m² diện tích ban đầu, đến năm 2020, trang trại đã mở rộng diện tích lên gần 5ha, trong đó có 2,5ha trồng dâu tây và 2ha trồng hoa hồng với gần 8.000 gốc hoa hồng nội, ngoại khác nhau. Trang trại hoa hồng, dâu tây của chị hàng ngày có từ 500 đến 1000 khách du lịch trong và ngoài tỉnh đến tham quan trải nghiệm kết hợp với tìm hiểu về khu di tích lịch sử văn hoá Quốc gia Chùa Viên Minh – Đền Quan Triều. Mô hình du lịch nhà vườn, trải nghiệm hái dâu tây của chị đã tạo một điểm nhấn mới cho du lịch Cao Bằng.

Doanh thu từ mô hình trang trại của chị tính từ năm 2018 đến 2021 là: 2.180.000 đồng/1 năm; đồng thời tạo việc làm cho 3 thanh niên địa phương, 4 người lao động làm việc thường xuyên và 5 lao động khác làm mùa vụ.

Với những nỗ lực và thành tích đạt được, năm 2019, Đoàn Thu Trà là 1 trong 34 nhà nông trẻ xuất sắc nhất được nhận Giải thưởng Lương Định Của do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trao tặng. Năm 2021, chị được trao danh hiệu Doanh nhân trẻ khởi nghiệp xuất sắc của tỉnh Cao Bằng.

Nguồn: Báo cáo thành tích tham gia chương trình bình chọn và trao danh hiệu doanh nhân trẻ khởi nghiệp xuất sắc năm 2021 của chi Đoàn Thu Trà-Giám đốc HTX nông nghiệp Trường Anh- Thành phố Cao Bằng .

Tài liệu nguồn 3.2. Giáo dục khởi nghiệp là gì? Mục đích, vai trò của giáo dục khởi nghiệp. Sự khác nhau giữa giáo dục khởi nghiệp và khởi nghiệp.⁵

3.2.1. Giáo dục khởi nghiệp là gì? Mục đích, vai trò của giáo dục khởi nghiệp

Có nhiều cách tiếp cận về GDKN.

- Theo Tổ chức lao động quốc tế: GDKN là giáo dục cho người học có được nhận thức và một số kiến thức thực tế về cơ hội, thách thức, quy trình, đặc điểm, tính cách và kỹ năng cần thiết đối với người làm kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp. GDKN cũng có thể gọi là giáo dục công dân vì nó cung cấp các kỹ năng hành động và tạo ra những thay đổi góp phần cải thiện môi trường trong cộng đồng.

⁵ Nguồn: Tài liệu tập huấn về giáo dục khởi nghiệp cho HV trung tâm GDNN-GDTX, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019.

- Chủ đề giáo dục khởi nghiệp của Scholahub.vn

- Hansemack (1998) cho rằng: Giáo dục truyền thống được xem là sự chuyển đổi giữa kiến thức và các kỹ năng, trong khi GDKN thì ngược lại, được biết đến như là mô hình thay đổi thái độ và động cơ.

- Hiệp hội GDKN cho rằng: GDKN không chỉ đơn giản là dạy cho ai đó cách điều hành doanh nghiệp, mà nó còn khuyến khích tư duy sáng tạo và thúc đẩy ý thức khẳng định giá trị và khả năng của bản thân. Thông qua GDKN, người học biết cách kinh doanh và nhiều kiến thức khác.

- Nhóm tác giả Garavan và O' Cinneide (1994) cho rằng: GDKN nhằm tạo ra một cơ hội học tập về những điều kiện kinh doanh mới, những lý thuyết liên quan cần thiết cho khởi nghiệp thành công”.

- Theo chuyên đề GDKN của Scholar Hub, GDKN là quá trình trang bị kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới nhằm giúp người học hình thành, vận hành và phát triển doanh nghiệp hiệu quả. GDKN không đơn thuần chỉ dạy cách khởi sự kinh doanh mà còn giúp xây dựng thái độ chủ động, sáng tạo và khả năng chấp nhận rủi ro - những yếu tố then chốt của tinh thần doanh nhân hiện đại. Trọng tâm của chương trình là phát triển năng lực giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện, khả năng ra quyết định trong môi trường biến động cùng với việc học từ thất bại - một đặc trưng quan trọng của hành trình khởi nghiệp.

Một số tổ chức quốc tế như OECD và UNESCO đã định nghĩa giáo dục khởi nghiệp không chỉ giới hạn trong việc tạo ra doanh nhân mà còn mở rộng tới việc phát triển công dân tích cực, có khả năng tạo giá trị cho cộng đồng.

Tóm lại: Giáo dục khởi nghiệp được hiểu là quá trình giáo dục giúp người học có được nhận thức và một số kiến thức nền tảng, kỹ năng cần thiết cho khởi nghiệp thành công, đồng thời phát triển tinh thần tự chủ, tư duy sáng tạo, tinh thần doanh nhân và trách nhiệm công dân trong nền kinh tế đổi mới và số hóa.

- *Mục đích của giáo dục khởi nghiệp*: Đem đến cho người học kiến thức hữu dụng để khởi nghiệp; Nhận diện và học hỏi các kỹ năng khởi nghiệp; Tăng khả năng sử dụng các phương tiện, đánh giá tình hình kinh doanh và xây dựng kế hoạch hành động; Thúc đẩy ý tưởng và dự án khởi nghiệp; phát triển nhận thức hướng về sự đổi mới sáng tạo, chấp nhận rủi ro.

- *Vai trò của giáo dục khởi nghiệp*:

+ Đối với cá nhân: Giúp người học được tiếp cận với mô hình học tập chủ động, được khuyến khích tự nghiên cứu, khám phá, xây dựng và kiểm nghiệm ý tưởng; được trang bị kiến thức cốt lõi, cơ bản, nền tảng để nhận diện cơ hội, nắm bắt cơ hội, đưa ra

ý tưởng mới và tìm nguồn tài trợ; có khả năng khởi sự, điều hành quản lý công ty mới và khả năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện; tăng cường sự tự tin, chủ động, dám nghĩ, dám làm, dám chấp nhận sự thất bại; hình thành tinh thần khởi nghiệp, phẩm chất, năng lực của doanh nhân, chuẩn bị cho việc khởi nghiệp tương lai.

+ Đối với xã hội: GDKN đóng vai trò chiến lược trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nhiều cơ hội việc làm mới, giảm tỉ lệ thất nghiệp, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, tạo ra sự giàu có, sự thịnh vượng cho cá nhân và xã hội, luôn đổi mới trong tư duy và có tính sáng tạo; nuôi dưỡng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội, góp phần tạo ra các giải pháp sáng tạo và giá trị mới cho cộng đồng; Xây dựng văn hóa khởi nghiệp.

3.2.2. Sự khác nhau giữa giáo dục khởi nghiệp và khởi nghiệp

Nội dung	Giáo dục khởi nghiệp	Khởi nghiệp
Mục đích	Trang bị kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới nhằm giúp người học hình thành, vận hành và phát triển doanh nghiệp hiệu quả. Giúp người học có được nhận thức và một số kiến thức nền tảng, kỹ năng cần thiết cho khởi nghiệp thành công.	Cung ứng những sản phẩm mới, dịch vụ mới hay kinh doanh những mặt hàng đã có trên thị trường theo ý tưởng riêng.
Nội dung	Giáo dục và trang bị kiến thức nền tảng, kỹ năng, năng lực, phẩm chất cần thiết cho khởi nghiệp thành công.	Thực hiện ý tưởng đổi mới, sáng tạo để tạo ra những sản phẩm/dịch vụ mới chưa có trên thị trường.
Phương thức hoạt động	Thực hiện phương thức giáo dục theo mô hình mới nhằm tạo ra sự thay đổi động cơ và thái độ của người học.	Thường là mở doanh nghiệp/ công ty kinh doanh để thực hiện ý tưởng đổi mới, sáng tạo và đột phá.
Kết quả	Tạo ra sự thay đổi động cơ và thái độ của người học đối với hoạt động nghề nghiệp.	Tạo ra và cung ứng những sản phẩm mới, dịch vụ mới đem lại lợi nhuận cao.

2. Bài tập

2.1. Bình và Minh cùng học một lớp ở Trung tâm GDNN - GDTX của tỉnh H. Sau khi tốt nghiệp phổ thông, Bình thi tuyển sinh vào ngành Quản trị- kinh doanh của

trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên, còn Minh thi tuyển sinh vào ngành Nông nghiệp công nghệ cao của trường Đại học Nông Lâm- Đại học Thái Nguyên. Hai bạn cùng đỗ vào đại học. Sau khi tốt nghiệp đại học, Bình cùng cha làm quản lý doanh nghiệp của gia đình. Trong khi đó, nhận thấy ở địa phương mình có nhiều tiềm năng du lịch nhưng chưa có ai làm du lịch sinh thái, Minh đã có ý tưởng và quyết định thực hiện ý tưởng lập một trang trại nhỏ trồng cây ăn quả và một số giống hoa đẹp, lạ, có giá trị kinh tế cao trên mảnh đất của gia đình kết hợp làm du lịch sinh thái.

Trong hai người, ai là người khởi nghiệp? Vì sao anh/chị nhận định như vậy?

2.2. Từ nhỏ, Hương đã thích làm kinh doanh. Lớn lên, sau khi học xong phổ thông, Hương theo học một lớp về pha chế đồ uống và xin vào làm việc ở một cửa hàng giải khát. Sau một thời gian làm việc, Hương có ý tưởng mở một quán giải khát với cách pha chế độc đáo, sáng tạo của riêng mình. Qua tìm hiểu nhu cầu, sở thích của khách hàng và nghiên cứu, tìm tòi, học hỏi, Hương đã quyết định thuê mặt bằng và mở quán giải khát để hiện thực hóa ý tưởng của bản thân.

Việc làm của Hương có phải là khởi nghiệp không ? Vì sao?

2.3. Thanh niên ở địa phương anh/ chị thường bắt đầu hoạt động nghề nghiệp của mình bằng khởi nghiệp hay lập nghiệp? Vì sao anh/ chị nhận định như vậy?

Bài 4. CÁC YẾU TỐ CẦN THIẾT ĐỂ KHỞI NGHIỆP THÀNH CÔNG

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

Hình thành, phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp theo con đường khởi nghiệp trên cơ sở:

- Trình bày được các yếu tố cần có để khởi nghiệp thành công.
- Trình bày và phân tích được các bước quan trọng để khởi nghiệp thành công.
- Phân tích được các tính cách, tố chất và năng lực cần có của người khởi nghiệp.
- Vận dụng được kiến thức đã lĩnh hội được để xác định xu hướng khởi nghiệp của bản thân và những tố chất, tính cách, năng lực mà bản thân cần rèn luyện để có khả năng khởi nghiệp thành công.

2. Phẩm chất

- Có ý thức tìm tòi, nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho bản thân để tham gia khởi nghiệp thành công.
- Rèn luyện phẩm chất tự chủ, năng động, trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội.
- Có ý chí rèn luyện các tố chất, tính cách cần có của người khởi nghiệp.
- Có khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng thông qua việc tham gia khởi nghiệp và khởi nghiệp thành công.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Nghiên cứu tài liệu nguồn 4.1, 4.2, 4.3 và các tài liệu khác về khởi nghiệp.
- Bài tập và phiếu trắc nghiệm tố chất, tính cách, năng lực liên quan đến khởi nghiệp của bản thân.
- Máy tính + Máy chiếu+ Màn hình (nếu có).
- Giấy A0+ Bút dạ.
- Tìm hiểu các nhân vật khởi nghiệp điển hình ở địa phương, đất nước.

2. Chuẩn bị của HV

- Giấy, bút.
- Nghiên cứu tài liệu tham khảo về các yếu tố cần thiết để khởi nghiệp thành công.
- Tìm hiểu thực tế khởi nghiệp ở địa phương.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Tạo cho HV có hứng thú, nhu cầu tìm hiểu về các yếu tố đảm bảo khởi nghiệp thành công.

2. Tổ chức thực hiện

- GV nêu vấn đề: *Có phải ai khởi nghiệp cũng thành công không? Giải thích ý kiến của anh/chị.*

- Động viên, khích lệ HV đưa ra ý kiến của mình.

- Nhận xét và dẫn dắt vào bài học mới.

B. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1. Tìm hiểu những yếu tố cần có để khởi nghiệp thành công

1. Mục tiêu

- Trình bày được các yếu tố cần thiết để khởi nghiệp thành công.

- Liên hệ với bản thân để xác định mình đã có được những yếu tố nào để khởi nghiệp thành công.

2. Tổ chức hoạt động

Sử dụng kỹ thuật động não kết hợp với phương pháp trực quan bằng sơ đồ và giải thích - minh họa để tổ chức hoạt động học cho HV theo trình tự sau:

- Yêu cầu một số HV nhắc lại khái niệm, mục đích và kể tên những lĩnh vực có thể khởi nghiệp.

- Đặt câu hỏi, yêu cầu HV trong lớp suy nghĩ nhanh trong 10 giây để trả lời câu hỏi: *Vậy, muốn khởi nghiệp thành công cần có những yếu tố nào?.* Nhắc HV: mỗi người chỉ cần nêu tên 1 yếu tố. Người sau không nhắc lại ý kiến của người trước.

- Chỉ định các HV nêu ý kiến của mình và ghi nhanh tên các yếu tố HV vừa nêu lên bảng.

- Phát tài liệu nguồn 4.1 (ở phần phụ lục), yêu cầu HV nghiên cứu tài liệu và trình bày các yếu tố cần thiết để khởi nghiệp thành công.

- Yêu cầu HV đối chiếu các yếu tố cần thiết để khởi nghiệp ghi trong tài liệu với các yếu tố ghi trên bảng để nhận xét kết quả thực hiện kỹ thuật động não của lớp.

- Trình chiếu slide: Các yếu tố cần thiết để khởi nghiệp thành công và giải thích - minh họa vì sao muốn khởi nghiệp thành công, người khởi nghiệp cần phải có những yếu tố này (dựa vào nội dung trong tài liệu nguồn 4.1).



Các yếu tố cần có để khởi nghiệp thành công.

Nếu có điều kiện, GV cho HV xem video tham khảo: 6 yếu tố cốt lõi khởi nghiệp kinh doanh thành công (Hoàng Mạnh Cường Topmax Khóa học miễn phí 10XMarketing: <https://topmax.edu.vn/hmc.yt> ...(thời lượng 15'02').

- Yêu cầu HV liên hệ bản thân để trả lời câu hỏi:

+ Trong các yếu tố cốt lõi để khởi nghiệp thành công, anh/chị tự nhận thấy mình đã có được những yếu tố nào? Nếu muốn khởi nghiệp, anh/chị sẽ bồi dưỡng, rèn luyện để có được những yếu tố nào?

- Khích lệ, động viên HV phát biểu ý kiến liên hệ bản thân trước lớp.

- Nhận xét, phân tích những ý kiến của HV, chỉ ra những ý kiến được và chưa được. Sau đó, chốt và kết luận hoạt động 1.

3. Kết luận hoạt động 1

Muốn khởi nghiệp thành công, cần hội tụ được các yếu tố cần thiết sau:

1. Ước mơ, khát vọng, mục tiêu khởi nghiệp đủ lớn, rõ ràng.
2. Năng lực sáng tạo.
3. Sự quyết tâm và lòng kiên trì.
4. Vốn kinh doanh khởi nghiệp.
5. Kỹ năng ủy quyền
6. Kỹ năng quản lý tài chính.

7. *Kỹ năng hoạch định chiến lược.*
8. *Kiến thức cơ bản, nền tảng về lĩnh vực khởi nghiệp.*

Hoạt động 2. Tìm hiểu các bước quan trọng để khởi nghiệp thành công

1. Mục tiêu

Trình bày và phân tích được các bước quan trọng để khởi nghiệp thành công.

2. Tổ chức hoạt động

Sử dụng phương pháp làm việc cá nhân kết hợp với phương pháp làm việc nhóm, phương pháp trực quan bằng sơ đồ và phương pháp giải thích - minh họa để tổ chức hoạt động này. Cách thực hiện như sau:

- Yêu cầu HV suy ngẫm để trả lời câu hỏi: *Muốn khởi nghiệp thành công, theo anh/chị, cần thực hiện những bước nào? Vì sao cần thực hiện những bước đó?*

- Yêu cầu HV viết ý kiến của mình vào giấy.

- Gọi một số HV trình bày ý kiến của mình và ghi nhanh các ý kiến của HV lên bảng.

- Tổng hợp các ý kiến và nhận xét.

- Chuyển giao nhiệm vụ: Phát tài liệu nguồn 4.2 “Các bước quan trọng để khởi nghiệp thành công” (ở phần phụ lục) cho HV trong lớp, yêu cầu HV nghiên cứu tài liệu, sau đó thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:

+ *Đối chiếu các bước quan trọng để khởi nghiệp trong tài liệu với các bước khởi nghiệp anh/chị vừa nêu để chỉ ra những bước trùng hợp với ý kiến của mình, những bước còn thiếu cần bổ sung.*

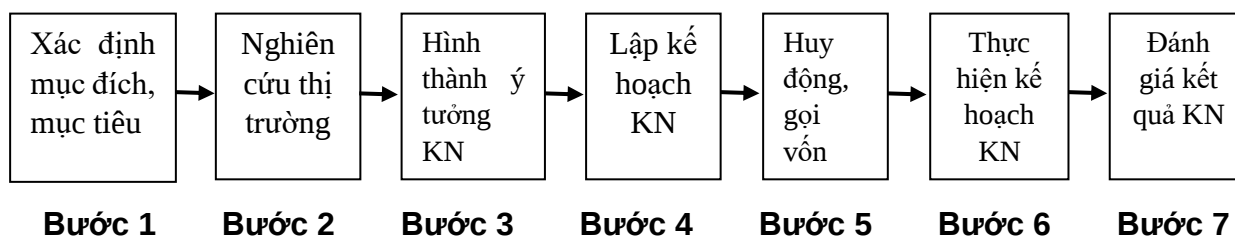
+ *Liệt kê các bước quan trọng để khởi nghiệp thành công.*

+ *Với mỗi bước, anh/chị hãy cho biết: Vì sao cần thực hiện bước đó? Làm thế nào để thực hiện được bước đó? Nếu thực hiện tốt bước đó sẽ tác động đến kết quả khởi nghiệp như thế nào?*

- Tổ chức cho HV thực hiện nhiệm vụ. Trong quá trình HV thảo luận, GV đến vị trí các nhóm quan sát và lắng nghe ý kiến của HV. Có thể hướng dẫn thêm nếu HV còn lúng túng hoặc chưa hiểu rõ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

- Mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Nhóm trình bày sau không nhắc lại các ý nhóm trước đã nêu, chỉ bổ sung những ý còn thiếu hoặc cần điều chỉnh.

- GV trình chiếu sơ đồ các bước quan trọng để khởi nghiệp, tổng hợp ý kiến của các nhóm, sau đó phân tích, giải thích - minh họa từng bước thực hiện:



Các bước quan trọng cần thực hiện để khởi nghiệp thành công

- Nhận xét, giải thích- minh họa và chốt hoạt động 2.

3. Kết luận hoạt động 2

Muốn khởi nghiệp thành công, cần thực hiện các bước cơ bản, quan trọng sau:

Bước 1. Xác định rõ ràng, cụ thể mục đích, mục tiêu khởi nghiệp để biết rõ “đích” đến và giá trị cốt lõi cần phải đạt được khi khởi nghiệp.

Bước 2. Nghiên cứu tìm hiểu thị trường.

Bước 3. Hình thành ý tưởng khởi nghiệp.

Bước 4. Lập kế hoạch khởi nghiệp.

Bước 5. Huy động, kêu gọi nguồn vốn và chuẩn bị nguồn lực để khởi nghiệp.

Bước 6. Thực hiện kế hoạch khởi nghiệp.

Bước 7. Đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm, cải tiến.

Hoạt động 3. Tìm hiểu các tính cách, tố chất, năng lực cần có của người khởi nghiệp.

1. Mục tiêu

- Xác định và phân tích được các tính cách, tố chất, năng lực cần có của người khởi nghiệp.

- Có ý thức rèn luyện để có được những tính cách, năng lực cần thiết của người khởi nghiệp thành công.

2. Tổ chức hoạt động

- Thuyết trình và giải thích các thuật ngữ : Tính cách, tố chất, năng lực (theo nội dung trong tài liệu nguồn 4.3).

- Phát cho mỗi người một thẻ bằng bìa, kích cỡ A6, có 1 mặt dán được, yêu cầu mỗi người viết vào thẻ bìa đó 1 tính cách, 1 tố chất, 1 năng lực cần có của người khởi nghiệp. Gợi ý: Nhớ lại khái niệm, các yếu tố cần thiết và các bước cần thực hiện để khởi nghiệp thành công, đồng thời liên hệ thực tiễn những doanh nhân nổi tiếng để ghi lại ý kiến của mình.

- Yêu cầu HV dán lên bảng thẻ bìa ghi ý kiến của mình.

- Kẻ lên bảng 3 cột: cột 1 ghi Tính cách; cột 2 ghi Tổ chất; cột 3 ghi Năng lực. Sau đó, mời 2 HV lên bảng, một người đọc các ý kiến ghi trên thẻ, một người ghi các ý kiến vào từng cột cho phù hợp. Những ý kiến trùng nhau thì không cần ghi lại.

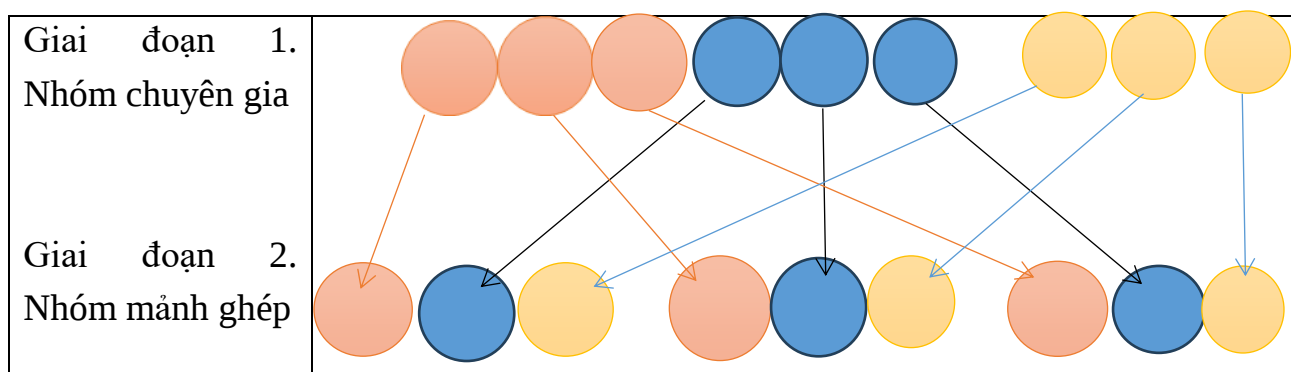
- Tổng hợp các ý kiến ghi trên bảng, nhận xét và khen ngợi, động viên HV.

- Phát tài liệu nguồn 4.3, yêu cầu HV nghiên cứu tài liệu và chuyển giao nhiệm vụ.

+ *Nhận xét kết quả xác định những tính cách, tổ chất, năng lực cần có của người khởi nghiệp được thống kê trên bảng (HV dựa vào nội dung trong tài liệu để nhận xét: có đủ không? có đúng không? cần bổ sung những tính cách, tổ chất, năng lực cần có nào của người khởi nghiệp?)*

+ *Xác định và phân tích các tính cách, tổ chất, năng lực cần có đối với người khởi nghiệp.*

- Hướng dẫn HV thực hiện nhiệm vụ theo kỹ thuật những mảnh ghép theo sơ đồ dưới đây:



Phương pháp dạy học theo nhóm, sử dụng kỹ thuật những mảnh ghép.

Chia lớp thành 3-6 nhóm, mỗi nhóm có 3 - 6 thành viên.

Ở giai đoạn 1 (nhóm chuyên gia): Nhóm 1 xác định và phân tích các tính cách cần có của người khởi nghiệp. Nhóm 2 xác định và phân tích các tổ chất cần có của người khởi nghiệp. Nhóm 3 xác định và phân tích các năng lực cần có của người khởi nghiệp.

Trong quá trình làm việc tại nhóm chuyên gia, các thành viên cần tích cực thảo luận, lắng nghe và ghi chép đầy đủ các ý kiến thảo luận của nhóm mình để trình bày ở nhóm mảnh ghép. Sau khi hoàn thành giai đoạn 1, các “chuyên gia” của từng nhóm sẽ di chuyển đến nhóm mới để thực hiện giai đoạn 2: Nhóm mảnh ghép. Trong nhóm mảnh ghép có đầy đủ các thành viên của 3 nhóm chuyên gia. Thành viên của từng nhóm chuyên gia sẽ trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm mình. Nếu trong

nhóm mảnh ghép có 2-3 người của 1 nhóm chuyên gia thì các thành viên sẽ bổ sung ý kiến cho nhau. Thư ký nhóm ghi lại ý kiến của “chuyên gia” 3 nhóm.

- HV thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn.

- Mời đại diện của các nhóm “mảnh ghép” lên bảng trình bày và phân tích tính cách, tố chất, năng lực cần có của người khởi nghiệp.

- Nhận xét, nêu tóm tắt, phân tích và giải thích - minh họa các tố chất, tính cách, năng lực cần có của người khởi nghiệp:

- + Các tố chất cần có ở người khởi nghiệp: Ham học hỏi, can đảm đối mặt với thử thách, khó khăn và thất bại, giải quyết mâu thuẫn, chính trực và trung thực, bình tĩnh, giải pháp linh hoạt, quan tâm đến người khác, trách nhiệm, hợp tác làm việc nhóm, tự tin, sáng tạo và đổi mới, giỏi giao tiếp và thuyết phục người khác, thích kinh doanh.

- + Người khởi nghiệp cần có tính cách: chăm chỉ, tự tin, biết lo xa, hướng tới lợi nhuận, làm việc có mục đích, kiên trì, dám đương đầu với thất bại, có tính sáng tạo, sẵn sàng lắng nghe, luôn đặt ra các tiêu chuẩn cho bản thân, tận tụy, dám đương đầu với thách thức, biết dựa vào ưu điểm, đáng tin cậy, liêm chính, chấp nhận mạo hiểm.

- + Người khởi nghiệp cần có các năng lực: chuyên môn và kỹ thuật, lập kế hoạch, giao tiếp, bán hàng và xây dựng mạng lưới, làm việc nhóm và quản lý stress, sáng tạo và giải quyết vấn đề.

3.Kết luận hoạt động 3

Khởi nghiệp thành công phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó yếu tố tính cách, tố chất, năng lực của người tham gia khởi nghiệp đóng vai trò rất quan trọng, mang tính quyết định. Ai đó có được các tính cách, tố chất, năng lực phù hợp với yêu cầu của hoạt động khởi nghiệp, người đó khởi nghiệp thuận lợi, dễ đạt được mục tiêu và kết quả cao.

C. LUYỆN TẬP

Làm bài tập tự đánh giá tính cách, tố chất, năng lực của bản thân liên quan tới khởi nghiệp.

1. Mục tiêu

- HV xác định, đánh giá được tính cách, tố chất, năng lực của bản thân liên quan tới khởi nghiệp.

- Có ý thức học hỏi, rèn luyện tính cách, tố chất, năng lực cần thiết cho bản thân để tham gia khởi nghiệp thành công.

2. Tổ chức hoạt động

- Phát cho mỗi HV 1 phiếu trắc nghiệm “Tự đánh giá tính cách, tố chất, năng lực của bản thân liên quan tới khởi nghiệp”.

- Chuyển giao và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ: Yêu cầu HV đọc qua một lượt phiếu trắc nghiệm, sau đó hướng dẫn HV trả lời phiếu trắc nghiệm và chấm điểm. Nếu thấy phương án nào phù hợp với mình thì đánh dấu X vào ô trống tương ứng với phương án đó. Làm bài trắc nghiệm xong, HV tự đánh giá mức độ phù hợp giữa tính cách, tố chất, năng lực của bản thân với yêu cầu của khởi nghiệp.

- HV làm phiếu trắc nghiệm.

- HV tính điểm bài trắc nghiệm của mình theo hướng dẫn chấm điểm và tự đánh giá dựa trên bảng điểm do mình tổng hợp.

- Mời một số HV chia sẻ kết quả làm bài trắc nghiệm của mình trước lớp.

- Nhận xét và kết luận.

3. Kết luận hoạt động luyện tập

Kết quả làm bài trắc nghiệm giúp chúng ta bước đầu xác định được bản thân có tính cách, tố chất, năng lực phù hợp với việc khởi nghiệp hay không. Tuy nhiên, đây chỉ là kết quả tham khảo. Nếu chúng ta quyết tâm khởi nghiệp, chúng ta sẽ học hỏi, rèn luyện để từng bước nâng cao năng lực khởi nghiệp. Hãy tin tưởng rằng, nếu quyết tâm và có ý chí khắc phục những điểm yếu, ta sẽ khởi nghiệp thành công.

D. VẬN DỤNG

Tìm hiểu các yếu tố cần thiết để khởi nghiệp thành công trong thực tế ở địa phương.

1. Mục tiêu

- Kể được câu chuyện về tấm gương khởi nghiệp trong thực tế, trong đó thể hiện được các yếu tố cần thiết giúp họ khởi nghiệp thành công.

- Nêu được cảm nhận và những điều học hỏi được qua tấm gương khởi nghiệp thành công.

2. Tổ chức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ về nhà:

+ *Tìm hiểu và kể lại câu chuyện một tấm gương khởi nghiệp trong thực tế, trong đó thể hiện được các yếu tố cần thiết giúp họ khởi nghiệp thành công.*

+ *Nêu cảm nhận và những điều học hỏi được từ nhân vật khởi nghiệp thành công.*

- Hướng dẫn HV thực hiện nhiệm vụ và nhắc HV ghi lại câu chuyện khởi nghiệp, có hình ảnh minh họa để có thể báo cáo trước lớp vào buổi học sau.

IV. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

A. Câu hỏi trắc nghiệm

Hãy khoanh vào chữ cái đứng trước phương án phù hợp với lựa chọn của anh/chị.

1. Muốn khởi nghiệp thành công, người khởi nghiệp cần phải có những yếu tố chủ yếu nào sau đây?

A. Gia đình có truyền thống về sản xuất kinh doanh, có tiềm lực nguồn vốn lớn; bản thân có ước mơ, khát vọng, mục tiêu rõ ràng, có năng lực và sự quyết tâm.

B. Ước mơ, khát vọng, mục tiêu rõ ràng; năng lực sáng tạo; sự quyết tâm và lòng kiên trì; nguồn vốn; kiến thức về lĩnh vực khởi nghiệp; một số kỹ năng thiết yếu.

C. Có nhiều bạn bè khởi nghiệp thành công sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm; được gia đình ủng hộ về nguồn vốn; bản thân có kiến thức về lĩnh vực khởi nghiệp.

D. Chính quyền địa phương khuyến khích và tạo điều kiện; gia đình ủng hộ; bản thân khao khát muốn thể hiện năng lực kinh doanh; có một số kỹ năng thiết yếu.

2. Vì sao muốn khởi nghiệp thành công, người khởi nghiệp cần phải có sự quyết tâm và lòng kiên trì?

A. Vì “vạn sự khởi đầu nan”. Thường là mới khởi nghiệp sẽ dễ gặp thất bại.

B. Vì khi khởi nghiệp sẽ gặp nhiều sự phản đối từ gia đình, bạn bè, người thân.

C. Vì khởi nghiệp là sự bắt đầu, mang tính mới và đột phá nên khó tránh khỏi thất bại, thậm chí thất bại nhiều lần.

D. Vì khởi nghiệp là một quá trình lâu dài, khó khăn và phải sau một thời gian dài mới có kết quả.

3. Vì sao để khởi nghiệp thành công cần phải có kỹ năng huy động và quản lý tài chính?

A. Vì khởi nghiệp cần có nguồn tài chính để thực hiện kế hoạch kinh doanh trong thời gian trước mắt và lâu dài.

B. Vì nguồn vốn là yếu tố quan trọng nhất, quyết định tới sự thành bại của khởi nghiệp.

C. Vì người khởi nghiệp phải có nguồn vốn mới huy động được nhân thực tham gia cùng với mình.

D. Vì trong quá trình khởi nghiệp, nếu thất bại thì còn có nguồn vốn để làm lại từ đầu.

4. Để thực hiện khởi nghiệp thành công, người tham gia khởi nghiệp phải thực hiện nhiều bước. Trong đó, bước đầu tiên và quan trọng là bước nào sau đây?

- A. Hình thành ý tưởng khởi nghiệp.
- B. Huy động vốn để khởi nghiệp.
- C. Xác định mục đích, mục tiêu.
- D. Nghiên cứu thị trường.

5. Khởi nghiệp thành công phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Trong các yếu tố sau đây, yếu tố nào đóng vai trò quan trọng nhất và mang tính quyết định?

- A. Yếu tố truyền thống gia đình của người tham gia khởi nghiệp.
- B. Yếu tố tiềm năng về nguồn vốn của người tham gia khởi nghiệp.
- C. Yếu tố điều kiện địa phương của người tham gia khởi nghiệp.
- D. Yếu tố tính cách, tố chất, năng lực của người tham gia khởi nghiệp.

B. Câu hỏi tự luận

1. Phân tích các bước quan trọng để khởi nghiệp thành công.
2. Phân tích tính cách, tố chất và năng lực cần có của người khởi nghiệp.
3. Tìm hiểu và kể lại câu chuyện một tấm gương khởi nghiệp thành công trong thực tế. Chỉ ra những nguyên nhân giúp họ khởi nghiệp thành công.

Đáp án câu trắc nghiệm:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	C	A	C	D

V. PHỤ LỤC

1. Tài liệu nguồn

Tài liệu nguồn 4.1. Những yếu tố cần có để khởi nghiệp thành công⁶

a) Ước mơ, khát vọng và mục tiêu khởi nghiệp đủ lớn, rõ ràng: Ước mơ và khát vọng khởi nghiệp là khởi đầu cho việc khởi nghiệp của cá nhân hoặc nhóm người. Chỉ khi có ước mơ khởi nghiệp và khát vọng làm giàu chính đáng, được tự chủ trong công việc, không phải đi làm thuê, người ta mới có động lực để khởi nghiệp và nỗ lực, kiên trì để khởi nghiệp thành công.

Có mục tiêu khởi nghiệp rõ ràng, đủ lớn và có nhu cầu đạt được mục tiêu, bản thân người khởi nghiệp mới biết được “đích” cần đạt tới và nỗ lực vượt qua mọi trở

⁶ Nguồn <https://apecinnovation.vn/nhung-yeu-to-can-thiet-de-khoi-nghiep-thanh-cong/>; enternews.vn;

ngại, thách thức, làm việc hiệu suất hơn để đi tới “đích”. Hơn nữa, ước mơ, khát vọng, mục tiêu rõ ràng, đủ lớn còn có tác dụng truyền cảm hứng cho người khác, thu hút họ tham gia vào hoạt động khởi nghiệp.

b) Năng lực sáng tạo: Yếu tố đầu tiên và quan trọng nhất khi bắt đầu con đường làm giàu của người khởi nghiệp, đó là bản thân phải có một sự sáng tạo vượt bậc vì chỉ có sự sáng tạo mới làm nên sự khác biệt giữa mình và đối thủ, chỉ có sự sáng tạo mới giúp người khởi nghiệp nhìn thấu toàn bộ thị trường hiện tại, tìm ra những nhu cầu chưa được đáp ứng, từ đó đưa ra kế hoạch kinh doanh cho riêng mình. Kế hoạch này không nhất thiết phải là những ý tưởng kinh doanh chưa ai biết đến hay những ý tưởng mới hoàn toàn, Điều quan trọng là nó phải tạo nên sự đột phá và lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp của cá nhân/nhóm người khởi nghiệp.

Vì vậy, thay vì tranh giành sản phẩm/dịch vụ với các đối thủ lớn trên thị trường ra đời sớm hơn mình, mạnh hơn mình, nhiều kinh nghiệm hơn mình thì người khởi nghiệp có thể tự tìm ra một sản phẩm/dịch vụ mới, giúp họ trở thành người dẫn đầu.

c) Vốn kinh doanh khởi nghiệp: Một trong những yếu tố quan trọng khác để khởi nghiệp, đó là vốn khởi nghiệp kinh doanh. Đây là nguồn nuôi dưỡng cho kế hoạch kinh doanh và là một đòn bẩy cho sự thành công của người khởi nghiệp.

d) Lòng quyết tâm và sự kiên trì: Sự kiên trì là một yếu tố quan trọng vì trong quá trình khởi nghiệp không phải ai cũng có được thành công trong lần đầu bắt tay vào làm. Có những người thất bại nhiều lần nhưng họ vẫn không từ bỏ, vẫn tiếp tục đứng dậy để thực hiện ý tưởng của mình. Chính sự quyết tâm và lòng kiên trì sẽ tạo nên sự thành công về sau này của người khởi nghiệp như câu nói: “Thất bại là mẹ thành công”. Thực tế đã chứng minh: những doanh nhân thành công là những người có tinh thần quyết tâm cao hơn những người bình thường để vượt qua những trở ngại, có sự đam mê và kiên trì hơn người để đứng lên từ những thất bại trong thời gian ngắn.

e) Kiến thức nền tảng cơ bản về lĩnh vực khởi nghiệp: Muốn làm một việc gì trong bất cứ một ngành nghề nào cũng cần phải có kiến thức về ngành nghề đó. Vì thế nếu muốn khởi nghiệp trong một lĩnh vực nào đó, người khởi nghiệp cần tìm hiểu, nghiên cứu, học tập để có các kiến thức cơ bản về lĩnh vực đó.

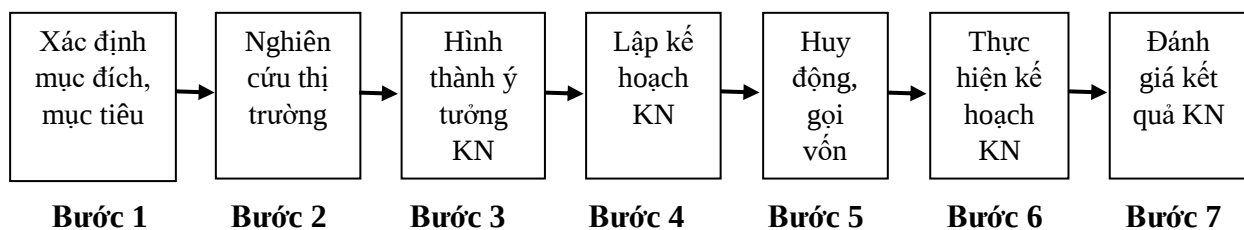
Việc hiểu biết các kiến thức cơ bản, chuyên môn trong lĩnh vực khởi nghiệp như sản phẩm, nhân lực, công nghệ, thị trường, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan... là một bước quan trọng giúp người khởi nghiệp tránh được sự thất bại trong việc thiếu chuyên môn. Vì thế, nếu có ý định khởi nghiệp, trước hết hãy đánh giá, xem xét mình đã có đủ những kiến thức cơ bản, nền tảng liên quan đến lĩnh vực khởi nghiệp

đó chưa? Nếu thiếu, hãy trang bị, bồi dưỡng ngay những kiến thức cơ bản, nền tảng đó.

g. Kỹ năng: Phần lớn những người khởi nghiệp thành công đều cần có những kỹ năng thực hành cần thiết để điều hành tổ chức, doanh nghiệp như kỹ năng quản lý tài chính, kỹ năng ủy quyền liên quan tới việc phân bổ trách nhiệm cho mọi người để hoàn thành công việc, kỹ năng hoạch định chiến lược. Do đó, cần phải đánh giá đúng khả năng và kỹ năng mà mình đang có và tìm cách rèn luyện những kỹ năng còn thiếu hoặc còn yếu.

Tài liệu nguồn 4.2. Các bước quan trọng cần thực hiện để khởi nghiệp thành công

Khởi nghiệp là một cuộc hành trình với nhiều “chặng đường” mà cá nhân khởi nghiệp phải vượt qua. Vì vậy, để khởi nghiệp thành công, cùng với việc lựa chọn cách thức khởi nghiệp phù hợp, cần thực hiện các bước cơ bản sau:



Các bước quan trọng cần thực hiện để khởi nghiệp thành công.

Bước 1. Xác định mục đích, mục tiêu khởi nghiệp

Xác định mục đích khởi nghiệp là bước đầu tiên cần thực hiện để trả lời được các câu hỏi: Khởi nghiệp để làm gì? “Đích” ta mong muốn đạt được khi khởi nghiệp là gì? Giá trị cốt lõi mà ta hướng tới khi khởi nghiệp là gì? Xác định được mục đích, mục tiêu khởi nghiệp giúp ta có định hướng, cơ sở đúng đắn để thực hiện các bước tiếp theo.

Mục đích, mục tiêu khởi nghiệp phải rõ ràng, cụ thể, ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu.

Bước 2. Nghiên cứu, tìm hiểu thị trường

Thị trường được hiểu là nơi mua bán, trao đổi hàng hóa, qua đó cung cấp những hàng hóa đáp ứng nhu cầu cho người tiêu dùng. Thị trường bao gồm 5 thành tố: hàng hóa, nguồn cung, nguồn cầu, giá cả và phương thức giao dịch thanh toán. Nghiên cứu, tìm hiểu thị trường nhằm xác định nhu cầu của khách hàng và tạo ra lợi nhuận bằng cách: cung cấp hàng hóa mà khách hàng cần; định ra mức giá hàng hóa hợp lý để khách hàng chấp nhận; cung cấp thông tin về hàng hóa và thu hút khách hàng mua hàng hóa; phương thức giao hàng, thanh toán nhanh chóng, thuận tiện.

Nghiên cứu, tìm hiểu thị trường không chỉ giúp ta có cái nhìn tổng quan về thị trường, tìm ra ý tưởng khởi nghiệp mà còn giúp ta nhìn thấy trước những lợi thế, khó khăn có thể gặp phải khi khởi nghiệp.

Thị trường ở mỗi nơi, mỗi thời điểm rất khác nhau do điều kiện kinh tế - xã hội, tâm lý khách hàng, nhu cầu tiêu dùng, thị hiếu của các đối tượng khách hàng khác nhau. Có thể nghiên cứu, tìm hiểu thị trường bằng nhiều cách, như: phỏng vấn khách hàng, tìm hiểu nhu cầu, thị hiếu của khách hàng tiềm năng, quan sát thực tế, tham vấn ý kiến của những người đang làm kinh doanh...

Bước 3. Hình thành ý tưởng khởi nghiệp

Bản chất của ý tưởng là sự tưởng tượng khoa học. Ý tưởng khởi nghiệp được nảy sinh khi một người/nhóm người muốn có một công việc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ riêng, có tính mới để tăng thu nhập chính đáng cho mình. Tìm ra ý tưởng khởi nghiệp là bước đi đầu tiên trong việc biến nguyện vọng, ước mơ của bản thân thành hiện thực. Tìm ra ý tưởng tốt sẽ giúp cho cá nhân/doanh nghiệp khởi nghiệp đáp ứng được nhu cầu của thị trường, đáp ứng được thị hiếu và những nhu cầu đang thay đổi, đồng thời khai thác được công nghệ tốt hơn và giảm thiểu được rủi ro, thất bại khi trong lộ trình khởi nghiệp. Có thể tìm ra ý tưởng khởi nghiệp từ những nguồn khác nhau, như: sở thích, sự quan tâm của bản thân, các kỹ năng và kinh nghiệm của cá nhân, các thông tin đại chúng (internet, vô tuyến truyền hình, báo, tạp chí), triển lãm, khảo sát người tiêu dùng, lời phản nản của khách hàng về sản phẩm/ dịch vụ.

Bước 4. Lập kế hoạch khởi nghiệp

Lập kế hoạch dự án khởi nghiệp là bước quan trọng, bắt buộc phải tiến hành nhằm giúp ta có cái nhìn tổng quan về ý tưởng, mục tiêu khởi nghiệp, thị trường, biết được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, rủi ro khi khởi nghiệp, nguồn vốn và các nguồn lực khác cũng như các hoạt động cần thực hiện để đảm bảo hoạt động khởi nghiệp đi tới “đích”. Không những vậy, kế hoạch dự án khởi nghiệp còn là văn bản nhất thiết phải có để vay vốn, tìm kiếm nguồn vốn đầu tư cho các hoạt động của doanh nghiệp, giúp cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp chủ động trong việc thực hiện các hoạt động, giảm thiểu được những thiệt hại do các sự cố, rủi ro xảy ra ngoài ý muốn.

Kế hoạch dự án khởi nghiệp được xây dựng trên cơ sở ý tưởng khởi nghiệp, kết quả khảo sát thị trường, khả năng thực có của bản thân và các nguồn lực thực tế có thể huy động tham gia thực hiện kế hoạch. Kế hoạch dự án khởi nghiệp phải đảm bảo tính khả thi, tính khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế và thể hiện cụ thể, chi tiết những nội dung cơ bản sau đây:

- Tổng quan về dự án: trong đó mô tả ngắn gọn về ý tưởng khởi nghiệp, xác định mục tiêu, sản phẩm/dịch vụ chính, thị trường và khách hàng mục tiêu.

- Mô tả, phân tích thị trường.

- Các kế hoạch cụ thể, bao gồm kế hoạch tổ chức và vận hành, kế hoạch tiếp thị, kế hoạch tài chính, kế hoạch tổ chức và nhân sự, kế hoạch hoạt động hàng tháng và chi phí hoạt động.

Bước 5. Huy động, gọi vốn

Bởi vì một trong những yếu tố quan trọng để khởi nghiệp thành công là vốn khởi nghiệp kinh doanh. Đây cũng là một công việc tạo cho sự thành công của người khởi nghiệp.

Bước 6. Thực hiện kế hoạch dự án khởi nghiệp

Cá nhân/doanh nghiệp khởi nghiệp thực hiện các kế hoạch đã thiết lập trong kế hoạch dự án khởi nghiệp. Trong quá trình thực hiện, có thể điều chỉnh những nội dung chưa thích hợp.

Bước 7. Đánh giá kết quả khi kết thúc dự án

1. Kết quả thực hiện dự án.

2. Bài học kinh nghiệm.

Tài liệu nguồn 4.3. Tính cách, tố chất, năng lực cần có của người khởi nghiệp.

Người khởi nghiệp thành công thường có sự nhạy bén trong kinh tế thị trường, sẵn sàng thành lập doanh nghiệp tư nhân để tận dụng các thay đổi, luôn tìm cách để gia tăng giá trị, có khả năng tạo ra các sản phẩm/dịch vụ cần thiết, sẵn sàng phát triển các hướng kinh doanh mới khi có cơ hội, thúc đẩy và ủng hộ những sáng kiến cá nhân, sẵn sàng cạnh tranh, chấp nhận mạo hiểm với những yếu tố không chắc chắn, luôn tìm kiếm cơ hội và biến cơ hội thành hiện thực, mong muốn tạo ra nhiều của cải vật chất hơn.

Vì lẽ đó, người khởi nghiệp cần có những tính cách, tố chất, năng lực chủ yếu sau:

4.3.1. Về tính cách⁷

Tính cách là sự tập hợp các phẩm chất và đặc tính riêng cấu thành tính cách cá nhân. Tính cách là những đặc điểm về tính chất, nội tâm bên trong mỗi người. Khi nói về tính cách của ai đó, người ta thường dùng thuật ngữ “tính” hoặc “tính tình” ví dụ: cởi mở, vui vẻ, hoạt bát, hòa nhã, nhanh nhạy, lý trí, nhiệt tình, kiên trì, nhút nhát, cục,

⁷ Nguồn: Tài liệu Giáo dục về kinh doanh trong nhà trường và các cơ sở đào tạo nghề và kĩ thuật. Chủ đề 2: Doanh nhân là ai?, 2007

hay cáu giận... Tính cách có tính ổn định, giúp mỗi người thể hiện bản thân và ảnh hưởng trực tiếp đến hành động, lời nói và suy nghĩ của họ.

Sau đây là những tính cách quan trọng người khởi nghiệp cần có để khởi nghiệp thành công:

Chăm chỉ: Khởi nghiệp thành công đòi hỏi phải mất nhiều sức lực và sự bền chí. Chăm chỉ giúp người khởi nghiệp có thể làm việc trong nhiều giờ, làm việc với cường độ cao vào lúc đỉnh điểm.

Tự tin: Khởi nghiệp thành công đòi hỏi người khởi nghiệp phải tự tin vào bản thân và khả năng đạt được mục đích, mục tiêu khởi nghiệp. Có niềm tin, người khởi nghiệp sẽ vượt qua mọi trở ngại, thách thức để đi đến đích.

Biết lo xa: Mục đích của việc khởi nghiệp thành công là tạo dựng một công việc an toàn và thu nhập tốt dựa trên các khả năng của bản thân. Muốn đạt được mục đích, người khởi nghiệp có thể mất nhiều năm để tạo dựng sự nghiệp kinh doanh theo tiêu chuẩn hợp lý.

Hướng lợi nhuận, kiếm ra tiền: Quan tâm đến việc kiếm ra tiền là một chỉ tiêu quan trọng của người khởi nghiệp. Một khi có lợi nhuận, người khởi nghiệp có thể quyết định xem sẽ sử dụng bao nhiêu phần trăm lợi nhuận để mở rộng kinh doanh và bao nhiêu phần trăm để dùng cho mục đích riêng.

Làm việc có mục đích, mục tiêu thực tế: Thành công trong kinh doanh phụ thuộc vào việc người khởi nghiệp có khả năng đặt ra các mục đích, mục tiêu có tính thực tế hay không và làm việc một cách quyết tâm để đạt được thành quả.

Kiên trì: Tất cả các công việc kinh doanh đều có những trở ngại khó khăn. Kiên trì giải quyết các vấn đề là chìa khóa của sự thành công.

Can đảm đương đầu với thất bại: Tất cả các dự án kinh doanh khởi nghiệp đều tiềm ẩn cả thành công và thất bại. Đương đầu với thất bại bao gồm cả việc nhận ra lỗi lầm, học được bài học từ thất bại và tìm kiếm các cơ hội mới. Nếu thiếu tính cách này thì chỉ một lần thất bại, người khởi nghiệp có thể từ bỏ công việc kinh doanh của mình.

Quan tâm đến ý kiến góp ý của người xung quanh: quan tâm đến ý kiến góp ý, lời khuyên hay phản hồi từ người khác là tính cách rất cần thiết giúp người khởi nghiệp điều chỉnh công việc, hành vi, lời nói, cách thực hiện sao cho tốt hơn.

Tính sáng tạo: Sáng tạo là một tính cách quan trọng mà người khởi nghiệp cần có để đưa ra ý tưởng sáng tạo và tạo ra những sản phẩm có tính sáng tạo, tính mới, tính đột phá. Thực tế đã chứng minh, những doanh nhân thành đạt rất sáng tạo, thường đưa ra ý tưởng sáng tạo.

Sẵn sàng lắng nghe: Những doanh nhân thành công luôn hiểu rằng, tự lập không có nghĩa là không yêu cầu sự giúp đỡ, hỗ trợ từ người khác như cán bộ ngân hàng, chuyên gia về kế toán, chuyên gia tư vấn về doanh nghiệp. Vì vậy, có khả năng lắng nghe lời khuyên, góp ý của người khác là chìa khóa thành công cho người khởi nghiệp.

Đặt ra các tiêu chuẩn của bản thân: Các tiêu chuẩn này có thể là lợi nhuận, chất lượng hay doanh thu. Ai khởi nghiệp cũng mong muốn mỗi năm doanh thu một tốt hơn. Vì thế, đặt ra các tiêu chuẩn thực hiện công việc để đạt được chúng là một tiêu chí quan trọng để thành công trong khởi nghiệp.

Đương đầu được với các thách thức, trở ngại: Người khởi nghiệp thường sẽ gặp nhiều thách thức, trở ngại hơn người làm công ăn lương. Thách thức này có thể là doanh thu hay lượng hàng bán ra, việc cung cấp nguyên liệu hay sự hỗ trợ của ngân hàng... Vì vậy, bình tĩnh đương đầu với thách thức, trở ngại là một tính cách rất cần thiết để khởi nghiệp thành công.

Tận tụy: Khi bắt đầu và điều hành doanh nghiệp, người khởi nghiệp phải tận tụy với công việc cả về thời gian, tiền bạc và phong cách sống. Đây là một trong những ưu tiên chủ yếu trong tính cách của người làm khởi nghiệp.

Dựa vào ưu điểm, điểm mạnh: Những người khởi nghiệp thành công thường tạo dựng công việc dựa trên ưu điểm, điểm mạnh mà họ có như tay nghề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng bán hàng, kỹ năng tổ chức, kỹ năng nói và viết, kỹ năng tạo dựng và tận dụng mối quan hệ, kiến thức về sản phẩm...

Đáng tin cậy và trung thực: Trung thực, hòa nhã, đáng tin cậy về những điều đã hứa là những tính cách cần thiết của người khởi nghiệp thành công.

Chấp nhận mạo hiểm: Khởi nghiệp là phải mạo hiểm. Những doanh nhân thành đạt phải có khả năng tính toán và dự đoán trước được rủi ro. Trước mỗi rủi ro, cần tính toán xem được gì và mất gì, cơ hội thành công ra sao và có niềm tin vào khả năng tránh rủi ro. Cùng với đó, họ cân nhắc đến một số nhân tố có khả năng góp phần giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp bằng cách cùng chia sẻ rủi ro. Những người cùng chia sẻ rủi ro cho doanh nghiệp có thể là ngân hàng, nhà cung cấp hoặc khách hàng.

4.3.2. Tổ chất cần có của người khởi nghiệp⁸

Tổ chất là thuật ngữ dùng để chỉ những năng lực, phẩm chất bẩm sinh, khi sinh ra đã có ở mỗi người, được thể hiện qua những hoạt động hàng ngày hoặc tiềm ẩn trong

⁸ Nguồn: <http://w.w.w> Career link.vn, tu-van-nghe-nghiep

mỗi người. Mỗi người đều có nhiều tố chất nhưng không phải tất cả các tố chất đều đến từ yếu tố di truyền. Tố chất bẩm sinh thường chiếm một phần nhỏ, còn lại phần lớn tố chất đều cần phải trải qua quá trình trải nghiệm trong cuộc sống của chính người đó mới hình thành và phát triển. Tố chất là nền tảng giúp con người học hỏi, tiếp thu kiến thức và kỹ năng hoặc thực hiện một công việc nào đó một cách dễ dàng, hiệu quả hơn so với người khác. Nó là yếu tố cốt lõi làm nên sự khác biệt và nổi bật của mỗi cá nhân. Ví dụ: người có tố chất kinh doanh, người có tố chất làm nghiên cứu khoa học, người có tố chất làm ca sĩ, người có tố chất thông minh, tiếp thu nhanh kiến thức, kỹ năng về toán học/ngoại ngữ/khoa học/kỹ thuật, công nghệ, người có năng khiếu âm nhạc, hội họa ...

Để khởi nghiệp thành công, người khởi nghiệp cần có những tố chất quan trọng sau:

Ham học hỏi: Học hỏi giúp người khởi nghiệp thường xuyên cập nhật được kiến thức khoa học công nghệ mới, đồng thời rút kinh nghiệm và cải tiến kịp thời những khâu còn yếu. Ham học hỏi về chuyên môn, về kinh nghiệm và những thành công, thất bại của những người đi trước giúp cho người khởi nghiệp không chỉ giàu về tri thức mà còn tránh được những rủi ro, giảm thiểu thất bại trong quá trình khởi nghiệp. Ngày nay công nghệ hỗ trợ học tập rất phát triển nên người khởi nghiệp có thể chủ động tự học để đầu tư cho việc phát triển kiến thức, kỹ năng cơ bản của bản thân và bước nhanh hơn những đối thủ khác.

Can đảm đối mặt với khó khăn, thử thách, thất bại: Khởi nghiệp là sự khởi đầu một nghề nghiệp nhưng phải tạo ra sản phẩm/dịch vụ mang tính mới, đột phá và sáng tạo nên dễ gặp phải những áp lực, khó khăn, thử thách trong công việc (vạn sự khởi đầu nan). Khởi nghiệp khó tránh khỏi rủi ro, thất bại. Vì vậy, người khởi nghiệp phải biết dựa vào chính mình, tự học cách đối mặt với khó khăn, thử thách và vực dậy tinh thần sau mỗi lần thất bại.

Giải quyết mâu thuẫn: Trong quá trình khởi nghiệp khó tránh khỏi những lúc mâu thuẫn trong công việc hoặc cách thức giải quyết một vấn đề nào đó. Những người có tố chất giải quyết mâu thuẫn hiệu quả thường có tâm thái vững vàng, biết lắng nghe, biết linh hoạt giải quyết vấn đề một cách chuyên nghiệp. So với cách tức giận, gây gổ, tranh cãi nảy lửa thì giải quyết mâu thuẫn một cách từ tốn, tử tế, mang một thái độ trung lập luôn mang lại hiệu quả cao hơn. Vì vậy, sở hữu tố chất giải quyết mâu thuẫn giúp người khởi nghiệp có bản lĩnh giải quyết những mâu thuẫn trong cuộc sống và công việc một cách nhẹ nhàng, hiệu quả.

Chính trực, trung thực: Sở hữu tố chất chính trực, trung thực giúp mọi quyết định của người khởi nghiệp đưa ra đều nhận được sự tin tưởng và ủng hộ từ mọi người. Không những vậy, tố chất này giống như một thương hiệu cá nhân, giúp người khởi nghiệp luôn tỉnh táo, không đi chệch hướng.

Bình tĩnh: Trong quá trình khởi nghiệp khó tránh khỏi những lúc sóng gió, căng thẳng. Vì vậy, có tố chất luôn bình tĩnh giúp người khởi nghiệp luôn duy trì được sự ổn định, tỉnh táo để tìm ra hướng giải quyết nhanh, thay vì lo sợ, chần chừ.

Giải pháp linh hoạt: Người sở hữu tố chất này luôn làm tốt việc vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phân tích và đưa ra các giải pháp giải quyết vấn đề phát sinh một cách linh hoạt, hiệu quả. Khi có vấn đề phát sinh, người có tố chất này không lo sợ, hốt hoảng mà luôn bình tĩnh, liên kết các dữ liệu để tìm giải pháp giải quyết linh hoạt. Vì vậy, có tố chất phân tích giải pháp linh hoạt sẽ giúp người khởi nghiệp thích ứng nhanh với những thay đổi trên thị trường hoặc nhanh chóng chuyển đổi hướng kinh doanh để tránh được tổn thất về tài chính.

Quan tâm đến người khác: Nhân viên trong công ty, doanh nghiệp sẽ làm việc hết sức mình, coi việc của công ty, doanh nghiệp như việc của chính mình khi được đối xử tử tế, được quan tâm chân thành. Khách hàng được quan tâm cũng dễ dàng trở thành khách hàng thân thiết. Tố chất quan tâm đến người khác được thể hiện qua việc lắng nghe, nói chuyện nhã nhặn, cư xử tế nhị, sẵn sàng cho đi, giúp đỡ, hỗ trợ đồng nghiệp, khách hàng khi gặp khó khăn...

Trách nhiệm: Quyền lợi và trách nhiệm sẽ luôn đồng hành cùng nhau. Nếu trong quá trình khởi nghiệp phải hợp tác hay chịu sự quản lý của một người hay đùn đẩy trách nhiệm hoặc thiếu trách nhiệm sẽ làm người khác không có cảm giác an toàn, thiếu tin tưởng. Muốn giành được sự tin tưởng, muốn chứng minh năng lực thực tế, người khởi nghiệp phải là người có ý thức chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, luôn chủ động tập trung làm việc, hạn chế sai sót và nỗ lực cải thiện hiệu suất.

Hợp tác làm việc nhóm: Đây là tố chất được đề cao đối với nhân viên trong các công ty, doanh nghiệp khởi nghiệp. Thực tế cho thấy, dù bản thân có kỹ năng, nghiệp vụ giỏi thế nào thì cũng không thể một mình gặt hái thành công. Trong quá trình làm việc nhóm, mọi người học hỏi được rất nhiều từ các cộng sự xung quanh như cách giải quyết vấn đề, kết giao mối quan hệ mới, cách thích nghi với sự thay đổi của hoàn cảnh, đồng thời rèn luyện được năng lực hợp tác - một năng lực cốt lõi cần có ở mỗi người trong thời đại ngày nay. Học cách hòa “cái tôi” của bản thân vào cái chung của tập thể chính là nền tảng xây dựng tố chất này.

Giỏi giao tiếp và thuyết phục người khác: Để thực hiện tốt kế hoạch khởi nghiệp, nhất là kế hoạch về vốn và thu hút người giỏi, người làm khởi nghiệp cần phải biết lắng nghe, biết trình bày một cách mạch lạc, ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu mục tiêu, ý tưởng và kế hoạch của mình cũng như những nhiệm vụ cần triển khai, có khả năng thuyết phục người khác. Giỏi giao tiếp và thuyết phục còn giúp người khởi nghiệp tạo được thiện cảm và sự đồng thuận với mọi người, thay đổi được cách nhìn và quan điểm của họ.

4.3.3. Năng lực cần có của người khởi nghiệp⁹

Năng lực là sự tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ/ tính cách của một cá nhân hoặc tổ chức, được vận dụng để thực hiện công việc, đạt được mục tiêu cụ thể một cách hiệu quả. Năng lực bao gồm tố chất bẩm sinh và những gì được rèn luyện qua học tập, trải nghiệm thực tế. Năng lực được thể hiện qua các hành vi, kết quả công việc mà người đó đạt được. Ví dụ: Người có năng lực giao tiếp thường có hành vi, lời nói giao tiếp cởi mở, thu hút được người đối diện nên thường đạt hiệu quả mong muốn khi giao tiếp. Khởi nghiệp là một hành trình đòi hỏi người khởi nghiệp phải có năng lực thực sự và bắt buộc phải có đầy đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ/tính cách cần thiết liên quan đến khởi nghiệp.

Vậy, điều gì sẽ xảy ra nếu thiếu 1 trong 3 yếu tố: kiến thức, kỹ năng, tính cách?

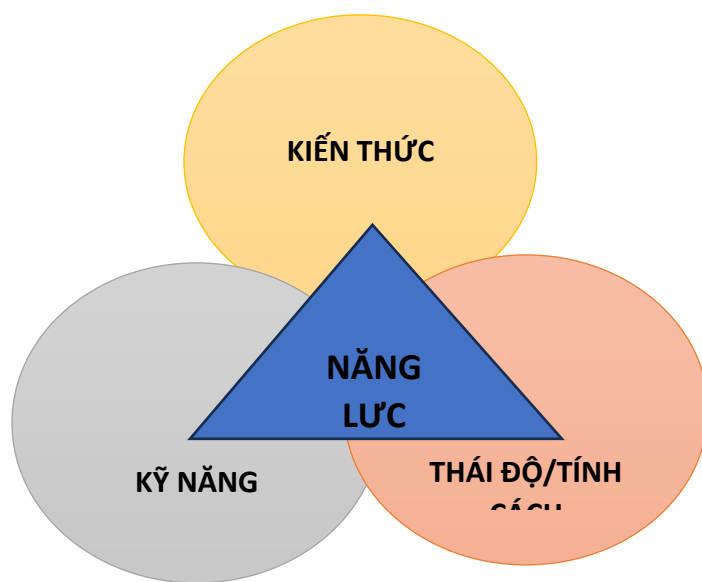
- Nếu chỉ có kiến thức và các kỹ năng: Cá nhân chỉ có kiến thức và kỹ năng thì không thể chống chọi lâu dài được, kể cả khi cá nhân đó đã thành công trong việc khởi nghiệp. Ví dụ: không có các đặc tính cá nhân thì người này ít có tính cương quyết khi đối mặt với các khó khăn; hoặc người này sẽ không nhận biết và tận dụng được các cơ hội; hoặc đơn giản là không sẵn lòng chấp nhận các mạo hiểm trong kinh doanh.

- Nếu chỉ có kiến thức và tính cách cá nhân: Những người này sẽ gặp khó khăn trong việc áp dụng kiến thức và tính cách cá nhân vào thực tiễn vì họ không có các kỹ năng kỹ thuật. Hoặc họ thấy rằng mình trở nên quá phụ thuộc vào người khác và vì vậy họ dễ bị tổn thương. Phương án là có thể tìm một đối tác hoặc thuê ai đó có các kỹ năng cần có.

- Nếu chỉ có các kỹ năng và tính cách cá nhân: Một doanh nhân tiềm năng có các kỹ năng và có tính kinh doanh nhưng thiếu kiến thức để khởi sự một doanh nghiệp thì dễ dẫn đến thất bại vì trong một môi trường cạnh tranh, việc thiếu kiến thức hoặc tương tự như vậy, ví dụ như thiếu kiến thức về khách hàng, về thị trường (bao gồm cả xu

⁹ Nguồn: Tài liệu giáo dục khởi nghiệp dùng cho GV trung học phổ thông KAB

hướng của thị trường) sẽ rất khó thành công. Kiến thức là cần thiết đối với sự thành công của bất cứ một công việc kinh doanh nào.



Năng lực là sự tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ/ tính cách

Từ phân tích trên cho thấy, muốn khởi nghiệp thành công, cùng với việc có các kiến thức cơ bản, nền tảng về lĩnh vực khởi nghiệp, có các tính cách, tố chất người khởi nghiệp cần có, người khởi nghiệp cần có những kỹ năng cần thiết sau:

Kỹ năng lập kế hoạch: Người khởi nghiệp cần có khả năng xây dựng kế hoạch chi tiết và khả thi cho doanh nghiệp. Kỹ năng lập kế hoạch giúp người khởi nghiệp định hình mục tiêu, xác định các bước thực hiện, và quản lý tài nguyên một cách hiệu quả.

Kỹ năng quản lý thời gian: Quản lý thời gian là một yếu tố quan trọng trong khởi nghiệp. Doanh nhân cần biết ưu tiên công việc, xác định nhiệm vụ cần hoàn thành và phân chia thời gian một cách hợp lý để đạt được hiệu suất cao.

Kỹ năng quản lý tài chính: Kỹ năng quản lý tài chính là một yếu tố quan trọng để duy trì và phát triển doanh nghiệp. Doanh nhân cần biết cách quản lý nguồn vốn, theo dõi thu chi và hiểu rõ về các khía cạnh tài chính của doanh nghiệp.

Kỹ năng quản lý nhân sự: Quản lý nhân sự là một phần quan trọng trong việc xây dựng và phát triển doanh nghiệp. Người khởi nghiệp cần có khả năng tuyển dụng, phát triển và giữ chân nhân viên tài năng, cũng như xây dựng một môi trường làm việc tích cực và động lực.

Kỹ năng giao tiếp: Giao tiếp hiệu quả là một kỹ năng quan trọng trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là trong doanh nghiệp. Người khởi nghiệp cần biết cách giao tiếp một cách rõ ràng, tự tin và hiệu quả với khách hàng, đối tác, nhân viên và cộng đồng.

Kỹ năng bán hàng và xây dựng mạng lưới: Để phát triển doanh nghiệp, người khởi nghiệp cần có kỹ năng bán hàng và xây dựng mạng lưới quan hệ. Kỹ năng này giúp người khởi nghiệp thu hút khách hàng, tìm kiếm cơ hội kinh doanh và thiết lập mối quan hệ đối tác.

Kỹ năng làm việc nhóm và quản lý stress: Trong môi trường kinh doanh căng thẳng, kỹ năng làm việc trong nhóm và quản lý stress là rất quan trọng. Người khởi nghiệp cần biết làm việc hiệu quả với đồng đội, giải quyết xung đột và đối mặt với áp lực.

Sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề: Sự sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề giúp người khởi nghiệp tìm ra giải pháp mới, tạo ra giá trị độc đáo và đưa ra quyết định thông minh trong môi trường kinh doanh thay đổi liên tục.

Kiến thức chuyên môn và kỹ năng kỹ thuật

Kiến thức chuyên môn là điều kiện cần, là nền tảng không thể thiếu cho một người khởi nghiệp thành công. Ví dụ: nếu không thật sự hiểu về lĩnh vực thời trang, người khởi nghiệp sẽ không đủ khả năng để xây dựng một công ty khởi nghiệp về thời trang. Những người có nhiều kiến thức hơn về lĩnh vực này sẽ đánh bại mình.

Không những vậy, người khởi nghiệp còn cần có kỹ năng kỹ thuật để xây dựng giải pháp của mình, đặc biệt khi sản phẩm phức tạp về mặt công nghệ. Ít nhất một trong những người đồng sáng lập trong đội nhóm phải có chuyên môn, kỹ năng kỹ thuật, vì phần lớn giá trị của khởi nghiệp nằm ở chất lượng giải pháp công nghệ.

2. Phiếu trắc nghiệm

PHIẾU TRẮC NGHIỆM

Tự đánh giá tính cách, tố chất, năng lực của bản thân liên quan tới khởi nghiệp

Hãy đánh dấu X vào ô trống trong bảng dưới đây phù hợp với câu trả lời của bạn

Tính cách, tố chất, năng lực cần có ở người khởi nghiệp	Mức độ biểu hiện		
	Thường xuyên	Ít khi	Không có biểu hiện
1. Bạn là người ham học hỏi			
2. Bạn là người can đảm khi đối mặt với khó khăn, thử thách hoặc thất bại			

3. Bạn là người có tố chất giải quyết mâu thuẫn khéo léo, nhẹ nhàng			
4. Bạn là người chính trực và trung thực			
5. Bạn luôn là người bình tĩnh trong giải quyết vấn đề			
6. Bạn là người có giải pháp linh hoạt khi đứng trước một vấn đề cần giải quyết			
7. Bạn là người luôn quan tâm đến người khác			
8. Bạn là người coi trọng trách nhiệm trong công việc và có trách nhiệm với bản thân, người khác			
9. Bạn là người hợp tác tốt khi làm việc nhóm			
10. Bạn là người hướng đến lợi nhuận, quan tâm tới việc kiếm ra tiền			
11. Bạn là người chăm chỉ			
12. Bạn là người tự tin			
13. Bạn là người biết lo xa			
14. Bạn luôn làm việc có mục đích, mục tiêu			
15. Bạn là người kiên trì			
16. Bạn là người dám đương đầu với thất bại			
17. Bạn là người có tính sáng tạo			
18. Bạn luôn sẵn sàng lắng nghe ý kiến góp ý, lời khuyên từ người khác			
19. Bạn là người biết đặt ra các tiêu chuẩn của bản thân			
20. Bạn sẵn sàng đương đầu với các khó khăn, thách thức			
21. Bạn là người tận tụy trong công việc và với bạn bè			
22. Bạn là người biết dựa vào điểm mạnh, ưu điểm của bản thân để lựa chọn và thực hiện công việc phù hợp			
23. Bạn là người đáng tin cậy và liêm chính			
24. Bạn là người dám chấp nhận mạo hiểm			
25. Bạn là người có kỹ năng lập kế hoạch			
26. Bạn là người có kỹ năng quản lý thời gian			
27. Bạn là người có kỹ năng quản lý tài chính			
28. Bạn là người có kỹ năng quản lý con người			

29. Bạn là người có kỹ năng giao tiếp			
30. Bạn là người có kỹ năng bán hàng và xây dựng mạng lưới			
31. Bạn là người có kỹ năng làm việc nhóm và quản lý stress			
32. Bạn là người có kỹ năng giải quyết vấn đề			

Trong phiếu trắc nghiệm:

Cụm câu hỏi thứ nhất: từ câu 1 đến câu 10 là câu hỏi về tố chất liên quan đến khởi nghiệp.

Cụm câu hỏi thứ hai: từ câu 11 đến câu 24 là câu hỏi về tính cách liên quan đến khởi nghiệp .

Cụm câu hỏi thứ ba: từ câu 25 đến câu 32 là câu hỏi về năng lực liên quan đến khởi nghiệp.

Với mỗi cụm câu hỏi, anh/chị có 2/3 số lượng câu hỏi trở lên được đánh dấu X vào ô Mức độ biểu hiện thường xuyên, anh/chị là người có tiềm năng để khởi nghiệp thành công.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo- VVOB Việt Nam (2013), *Tài liệu tập huấn đổi mới giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Cục Nhà giáo và cán bộ quản lý (2015), *Tài liệu chuyên đề Kỹ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Tổ công tác triển khai đề án 1665 (2017), *Tài liệu tham khảo về hỗ trợ khởi nghiệp*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Vụ Giáo dục thường xuyên (2019), *Chương trình phát triển GD trung học 2: Tài liệu tập huấn GVCC về Tư vấn hướng nghiệp cho HV Trung tâm GDNN-GDTX*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Vụ Giáo dục thường xuyên (2019), *Tài liệu tập huấn về giáo dục khởi nghiệp cho HV trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên*.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Tài liệu tập huấn về Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THCS và THPT*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Thông tư số 18/2024/TT-BGDĐT, Ban hành Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ*.
8. Bill Aulet (2016), *Kinh điển về khởi nghiệp*, do VCCI xuất bản.
9. GS Donall F. Kuratko, *Khởi nghiệp kinh doanh - Lý thuyết, Quá trình, Thực tiễn*.
10. Phạm Mạnh Hà, Nguyễn Thị Bích Thủy (2020), *Tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THCS*, tài liệu dành cho cán bộ quản lý giáo dục và GV, Dự án Chương trình phát triển giáo dục trung học 2.
11. Dương Giáng Thiên Hương (chủ biên - 2021), *Công cụ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh THCS*, Nhà Xuất bản Đại học sư phạm.
12. Quang Thu Nguyệt (2022), *Sổ tay hướng nghiệp dành cho học sinh trung học*.
13. Eric Ries (2018), *Khởi nghiệp tinh gọn*, do VCCI xuất bản.
14. Tổ chức Lao động quốc tế tại Việt Nam - Vụ Giáo dục thường xuyên (2017), *Tài liệu giáo dục khởi nghiệp dùng cho GV trung học phổ thông*.
15. Tổ chức Lao động quốc tế tại Việt Nam (2017), *Giáo dục về kinh doanh trong nhà trường và các cơ sở đào tạo nghề và kỹ thuật*. Chủ đề 2: Doanh nhân là ai?

16. Tổ chức Lao động quốc tế tại Việt Nam (2007), *Giáo dục về kinh doanh trong nhà trường và các cơ sở đào tạo nghề và kỹ thuật*. Chủ đề 4: Doanh nghiệp là gì?
17. Tổ chức Lao động quốc tế tại Việt Nam (2007), *Giáo dục về kinh doanh trong nhà trường và các cơ sở đào tạo nghề và kỹ thuật*. Chủ đề 5: Làm thế nào để có được ý tưởng kinh doanh tốt?
18. Tổ chức Lao động quốc tế tại Việt Nam (2007), *Giáo dục về kinh doanh trong nhà trường và các cơ sở đào tạo nghề và kỹ thuật*. Chủ đề 9: Tự xây dựng kế hoạch kinh doanh như thế nào?
19. Randall Tross (2019), *Hướng nghiệp trong thời đại 4.0*.
20. VCCI (2016), *Cẩm nang khởi sự kinh doanh*.
21. VVOB Việt Nam - Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (2013), *Tài liệu dành cho cha mẹ giúp con hướng nghiệp*.
22. VVOB Việt Nam (2013), *Tài liệu bổ sung sách GV giáo dục hướng nghiệp lớp 9*.
23. VVOB Việt Nam (2013), *Tài liệu bổ sung sách GV giáo dục hướng nghiệp lớp 10, 11, 12*.